ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ HK2/2019-2020
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY HỆ CHUẨN

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1	14020612	Nguyễn Văn Thuyết	K59CĐT	562,000	533,900	0	1,095,900	
2	14020723	Phan Văn Ước	K59CHKT	0	800,850	0	800,850	
3	14020230	Mai Khoa Hưởng	K59CNTT	2,236,000	1,067,800	0	3,303,800	
4	14020304	Phạm Công Minh	K59CNTT	1,112,000	1,067,800	0	2,179,800	
5	14020425	Dương Trung Thảo	K59CNTT	0	800,850	0	800,850	
6	14020441	Trịnh Văn Thi	K59CNTT	0	1,067,800	0	1,067,800	
7	14020443	An Văn Thịnh	K59CNTT	0	800,850	0	800,850	
8	14020462	Lâm Văn Thư	K59CNTT	1,112,000	1,067,800	0	2,179,800	
9	14020547	Bùi Anh Văn	K59CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
10	14020648	Hồ Đức Anh	K59CNTT	0	3,470,350	0	3,470,350	
11	14020658	Trần Việt Đức	K59CNTT	0	2,936,450	0	2,936,450	
12	14020661	Nguyễn Thị Hạnh	K59CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
13	14020665	Đinh Bảo Khánh	K59CNTT	1,967,000	266,950	0	2,233,950	
14	14020372	Lê Anh Quân	K59HTTT	1,946,000	1,868,650	0	3,814,650	
15	14020448	Bùi Đức Thọ	K59HTTT	0	800,850	0	800,850	
16	14020556	Đỗ Văn Vinh	K59HTTT	0	10,144,100	0	10,144,100	
17	14020108	Phạm Văn Định	K59KHMT	0	2,402,550	0	2,402,550	
18	14020796	Đỗ Quang Thành	K59KHMT-NVCL	281,000	1,868,650	0	2,149,650	
19	14020021	Phan Văn Bắc	K59KTĐT	12,648,000	4,538,150	0	17,186,150	
20	14020490	Lê Đăng Trung	K59KTĐT	0	5,072,050	0	5,072,050	
21	14020141	Nguyễn Đình Hải	K59TT-MMT	0	800,850	0	800,850	
22	14020277	Trịnh Đức Lương	K59TT-MMT	8,370,000	2,669,500	0	11,039,500	
23	14020684	Hoàng Minh Tú	K59TT-MMT	0	2,669,500	0	2,669,500	
		TỔNG K59		**30,234,000**	**50,453,550**	**0**	**80,687,550**	
1	15021739	Lê Nam Trung	K60CĐT	3,091,000	3,203,400	0	6,294,400	
2	15022091	Phạm Văn Nam	K60CĐT	0	1,868,650	0	1,868,650	
3	15022509	Bùi Thanh Sơn	K60CĐT	0	1,601,700	0	1,601,700	
4	15022795	Phạm Văn Hiệp	K60CĐT	0	6,139,850	0	6,139,850	
5	15022797	Trần Quốc Việt	K60CĐT	13,933,000	5,339,000	0	19,272,000	
6	15021171	Kim Văn Thưởng	K60CHKT	0	533,900	0	533,900	
7	15022217	Phạm Tùng Dương	K60CHKT	0	800,850	0	800,850	
8	15022435	Nguyễn Ngọc Hải	K60CHKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
9	15022440	Kiều Quang Minh	K60CHKT	0	2,135,600	0	2,135,600	
10	15022455	Nguyễn Thành Lân	K60CHKT	0	1,067,800	0	1,067,800	
11	15022461	Nguyễn Công Nhật	K60CHKT	3,653,000	1,601,700	0	5,254,700	
12	15022475	Lê Đức Linh	K60CHKT	0	800,850	0	800,850	
13	15022777	Lê Vũ Thuần	K60CHKT	0	800,850	0	800,850	
14	15020888	Nguyễn Tất Thắng	K60CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
15	15021280	Lê Phúc Ân	K60CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
16	15021295	Nguyễn Thị Xoan	K60CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
17	15021358	Nguyễn Việt Minh Nghĩa	K60CNTT	0	3,470,350	0	3,470,350	
18	15021362	Nguyễn Đức Toàn	K60CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
19	15021376	Hoàng Duy Hào	K60CNTT	0	800,850	0	800,850	
20	15021832	Bùi Anh Tuấn	K60CNTT	0	1,601,700	0	1,601,700	
21	15021833	Lô Trung Lương	K60CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
22	15021857	Nguyễn Văn Quang Huy	K60CNTT	0	800,850	0	800,850	
23	15021894	Nguyễn Văn Tùng	K60CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
24	15022833	Bùi Hùng Tráng	K60CNTT	5,312,000	1,868,650	0	7,180,650	
25	15022836	Phạm Tuấn Thiện	K60CNTT	0	800,850	0	800,850	
26	15021531	Nguyễn Duy Quân	K60ĐTVT	0	2,402,550	0	2,402,550	
27	15021818	Lê Hồng Đông	K60ĐTVT	0	1,601,700	0	1,601,700	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
28	15022286	Vũ Huy Phát	K60ĐTVT	0	1,067,800	0	1,067,800	
29	15022295	Trần Công Anh	K60ĐTVT	0	2,402,550	0	2,402,550	
30	15020928	Uông Thị Vân	K60HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
31	15021834	Nguyễn Tuấn Vượng	K60HTTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
32	15022005	Trần Ngọc Minh	K60HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
33	15022013	Phạm Việt Đức	K60HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
34	15022058	Hồ Đức Thành	K60HTTT	0	3,470,350	0	3,470,350	
35	15021027	Đặng Thị Lệ	K60KHMT	0	1,868,650	0	1,868,650	
36	15021041	Nguyễn Ngọc Khánh	K60KHMT	0	7,741,550	0	7,741,550	
37	15021053	Đào Văn Dương	K60KHMT	0	1,868,650	0	1,868,650	
38	15021373	Nguyễn Tiến Đạt	K60KHMT	0	1,868,650	0	1,868,650	
39	15021610	Mai Huy Thái	K60KHMT	0	2,669,500	0	2,669,500	
40	15021837	Lý Quang Thao	K60KHMT	0	1,868,650	0	1,868,650	
41	15022865	Nguyễn Việt Cường	K60KHMT	0	1,868,650	0	1,868,650	
42	15020971	Nguyễn Tuấn Anh	K60KHMT-NVCL	0	6,406,800	0	6,406,800	
43	15021108	Vũ Hoàng Long	K60KHMT-NVCL	0	266,950	0	266,950	
44	15021745	Phạm Nguyễn Ngọc Biên	K60KHMT-NVCL	0	800,850	0	800,850	
45	15021754	Trần Tuấn Minh	K60KHMT-NVCL	0	2,669,500	0	2,669,500	
46	15021770	Trần Anh Dũng	K60KHMT-NVCL	0	1,868,650	0	1,868,650	
47	15021779	Phạm Văn Hạnh	K60KHMT-NVCL	0	2,669,500	0	2,669,500	
48	15021780	Lê Minh Hiếu	K60KHMT-NVCL	0	3,203,400	0	3,203,400	
49	15021988	Lê Văn Lợi	K60KHMT-NVCL	0	5,072,050	0	5,072,050	
50	15021476	Phạm Thị Quỳnh Mai	K60TDL-MMT	0	2,669,500	0	2,669,500	
51	15021478	Nguyễn Thế Ngọc	K60TDL-MMT	0	2,936,450	0	2,936,450	
52	15021492	Nguyễn Văn Nhất	K60TDL-MMT	0	2,669,500	0	2,669,500	
53	15021924	Phan Anh Dương	K60TDL-MMT	0	2,669,500	0	2,669,500	
54	15021948	Nguyễn Mạnh Linh	K60TDL-MMT	0	2,669,500	0	2,669,500	
55	15021952	Đinh Nguyễn Hoàng Hiệp	K60TDL-MMT	0	1,067,800	0	1,067,800	
56	15021957	Nguyễn Thị Phòng	K60TDL-MMT	0	2,669,500	0	2,669,500	
57	15021080	Trần Thế Anh	K60VLKT	0	266,950	0	266,950	
58	15022661	Nguyễn Võ Thắng	K60VLKT	0	2,135,600	0	2,135,600	
59	15022881	Trần Trung Đức	K60VLKT	6,735,000	5,072,050	0	11,807,050	
		TỔNG K60		**32,724,000**	**143,886,050**	**0**	**176,610,050**	
1	16020002	Đặng Đức Anh	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
2	16020003	Nguyễn Văn Hiếu	K61CĐT	0	1,868,650	0	1,868,650	
3	16020004	Nguyễn Văn Hoan	K61CĐT	0	5,072,050	0	5,072,050	
4	16020462	Nguyễn Ngọc Thành	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
5	16020503	Đỗ Xuân An	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
6	16020507	Nguyễn Tuấn Anh	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
7	16020508	Trịnh Phan Anh	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
8	16020509	Trần Lâm Bách	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
9	16020510	Lê Thế Ban	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
10	16020517	Đỗ Văn Đại	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
11	16020518	Đặng Ngọc Đam	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
12	16020519	Nguyễn Hải Đăng	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
13	16020520	Nguyễn Hải Đăng	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
14	16020523	Đinh Đức Đạt	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
15	16020524	Đỗ Hữu Đô	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
16	16020532	Nguyễn Tiến Dũng	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
17	16020535	Trần Văn Dũng	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
18	16020540	Nguyễn Ngọc Duy	K61CĐT	0	4,271,200	0	4,271,200	
19	16020542	Phạm Duy	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
20	16020544	Đỗ Hồng Giang	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
21	16020545	Nguyễn Hữu Giang	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
22	16020547	Nguyễn Thị Hà	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
23	16020548	Trần Tuấn Hạ	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
24	16020549	Lê Văn Hai	K61CĐT	0	5,072,050	0	5,072,050	
25	16020551	Hoàng Ngọc Hải	K61CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
26	16020553	Đỗ Hữu Hậu	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
27	16020555	Bùi Minh Hiếu	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
28	16020556	Dương Minh Hiếu	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
29	16020559	Nguyễn Đức Hiếu	K61CĐT	0	4,004,250	0	4,004,250	
30	16020562	Nguyễn Trọng Hiếu	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
31	16020565	Đặng Huy Hiệu	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
32	16020566	Nguyễn Ngọc Hòa	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
33	16020569	Bùi Văn Hoàng	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
34	16020571	Nguyễn Việt Hoàng	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
35	16020572	Nguyễn Thái Học	K61CĐT	0	6,673,750	0	6,673,750	
36	16020574	Bùi Phúc Hưng	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
37	16020578	Nguyễn Quang Huy	K61CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
38	16020582	Trương Văn Kế	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
39	16020585	Nguyễn Văn Khải	K61CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
40	16020586	Trần Nhân Khải	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
41	16020587	Trần Ngọc Khánh	K61CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
42	16020588	Nguyễn Trung Kiên	K61CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
43	16020590	Trần Trung Kiên	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
44	16020592	Trương Văn Lâm	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
45	16020593	Vũ Lâm	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
46	16020594	Phạm Quang Linh	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
47	16020595	Trần Hoàng Linh	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
48	16020597	Nguyễn Xuân Lĩnh	K61CĐT	0	4,004,250	0	4,004,250	
49	16020600	Phùng Văn Long	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
50	16020604	Nguyễn Thị Mai	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
51	16020606	Nguyễn Văn Mạnh	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
52	16020607	Nguyễn Văn Mạnh	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
53	16020609	Trần Đức Mạnh	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
54	16020611	Vũ Hồng Mạnh	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
55	16020612	Bùi Công Minh	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
56	16020613	Nguyễn Công Minh	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
57	16020621	Vũ Văn Nam	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
58	16020622	Nguyễn Đức Nghĩa	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
59	16020624	Lương Đức Nguyên	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
60	16020629	Nguyễn Đình Phong	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
61	16020630	Phạm Thanh Phong	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
62	16020637	Tạ Văn Quỳnh	K61CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
63	16020648	Phạm Thanh Sơn	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
64	16020653	Phạm Hoàng Thái	K61CĐT	0	4,004,250	0	4,004,250	
65	16020654	Ngô Văn Thắng	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
66	16020657	Phạm Văn Thắng	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
67	16020658	Phùng Quang Thắng	K61CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
68	16020660	Nguyễn Tuấn Thành	K61CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
69	16020669	Nguyễn Thành Trung	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
70	16020670	Đặng Trọng Trường	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
71	16020674	Trịnh Quang Tú	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
72	16020675	Đỗ Văn Tuấn	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
73	16020682	Nguyễn Quang Tùng	K61CĐT	0	4,004,250	0	4,004,250	
74	16020684	Nguyễn Trọng Tùng	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
75	16020685	Nguyễn Văn Tùng	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
76	16020688	Vũ Ngọc Vinh	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
77	16020689	Bùi Tuấn Vũ	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
78	16020690	Nguyễn Văn Vũ	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
79	16020691	Nguyễn Văn Vũ	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
80	16021824	Đỗ Thành Đạt	K61CĐT	0	3,470,350	0	3,470,350	
81	16021830	Trần Thị Nhật Mây	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
82	16021832	Nguyễn Gia Phong	K61CĐT	0	4,271,200	0	4,271,200	
83	16021835	Phạm Quang Trường	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
84	16022253	Nguyễn Thị Vân Anh	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
85	16022255	Đinh Việt Cường	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
86	16022256	Trần Hoàng Dương	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
87	16022257	Nguyễn Thị Thu Hà	K61CĐT	0	5,072,050	0	5,072,050	
88	16022259	Lê Công Hoàn	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
89	16022260	Dương Văn Hoàng	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
90	16022261	Nguyễn Tấn Hoàng	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
91	16022263	Mai Thế Lực	K61CĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
92	16022266	Đặng Hải Ninh	K61CĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
93	16022267	Thân Thế Nghiệp	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
94	16022269	Nguyễn Văn Nhật	K61CĐT	0	5,072,050	0	5,072,050	
95	16022270	Phạm Ngọc Sông	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
96	16022273	Nguyễn Quang Tấn	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
97	16022276	Đỗ Đức Việt	K61CĐT	0	4,271,200	0	4,271,200	
98	16022471	Trần Hữu Hoàn	K61CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
99	16022497	Đỗ Quốc Trọng	K61CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
100	16020303	Nguyễn Văn Anh	K61CHKT	0	3,203,400	0	3,203,400	
101	16020304	Nguyễn Việt Anh	K61CHKT	0	3,203,400	0	3,203,400	
102	16020312	Đoàn Văn Cảnh	K61CHKT	0	3,203,400	0	3,203,400	
103	16020313	Nguyễn Duy Chinh	K61CHKT	0	3,470,350	0	3,470,350	
104	16020321	Nguyễn Mạnh Cường	K61CHKT	0	3,470,350	0	3,470,350	
105	16020335	Nguyễn Văn Đạt	K61CHKT	0	3,203,400	0	3,203,400	
106	16020336	Phan Văn Đạt	K61CHKT	0	6,139,850	0	6,139,850	
107	16020340	Nguyễn Văn Doanh	K61CHKT	0	3,470,350	0	3,470,350	
108	16020341	Nguyễn Văn Đông	K61CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
109	16020343	Nguyễn Trọng Đức	K61CHKT	0	3,737,300	0	3,737,300	
110	16020344	Nguyễn Văn Đức	K61CHKT	0	3,470,350	0	3,470,350	
111	16020346	Phạm Trung Đức	K61CHKT	0	3,470,350	0	3,470,350	
112	16020358	Nguyễn Tùng Dương	K61CHKT	0	3,737,300	0	3,737,300	
113	16020360	Nguyễn Đình Duy	K61CHKT	0	6,940,700	0	6,940,700	
114	16020369	Trần Xuân Hanh	K61CHKT	0	5,072,050	0	5,072,050	
115	16020370	Nguyễn Vinh Hiển	K61CHKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
116	16020373	Phạm Minh Hiếu	K61CHKT	0	3,737,300	0	3,737,300	
117	16020377	Trịnh Văn Hòa	K61CHKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
118	16020380	Nguyễn Thế Hoàng	K61CHKT	0	3,203,400	0	3,203,400	
119	16020382	Nguyễn Bá Huân	K61CHKT	0	6,139,850	0	6,139,850	
120	16020383	Nguyễn Viết Hùng	K61CHKT	0	3,470,350	0	3,470,350	
121	16020384	Vương Mạnh Hùng	K61CHKT	0	3,470,350	0	3,470,350	
122	16020388	Lê Quang Huy	K61CHKT	0	3,470,350	0	3,470,350	
123	16020393	Nguyễn Lê Kiên	K61CHKT	0	3,203,400	0	3,203,400	
124	16020419	Mai Thế Minh	K61CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
125	16020421	Nguyễn Công Minh	K61CHKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
126	16020424	Huỳnh Phương Nam	K61CHKT	0	3,203,400	0	3,203,400	
127	16020435	Tống Minh Phong	K61CHKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
128	16020447	Nguyễn Ngọc Sơn	K61CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
129	16020449	Nguyễn Thế Tài	K61CHKT	0	3,203,400	0	3,203,400	
130	16020450	Nguyễn Thiên Tân	K61CHKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
131	16020456	Trần Mạnh Thắng	K61CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
132	16020457	Nguyễn Chí Thanh	K61CHKT	0	5,072,050	0	5,072,050	
133	16020470	Tô Đức Thiện	K61CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
134	16020471	Trần Quang Thoại	K61CHKT	0	3,470,350	0	3,470,350	
135	16020482	Lê Thị Trang	K61CHKT	0	3,203,400	0	3,203,400	
136	16020483	Phạm Thị Trang	K61CHKT	0	3,203,400	0	3,203,400	
137	16020491	Nguyễn Đăng Tuấn	K61CHKT	0	3,470,350	0	3,470,350	
138	16020497	Phan Quốc Việt	K61CHKT	0	5,072,050	0	5,072,050	
139	16020498	Đỗ Thành Vũ	K61CHKT	0	3,737,300	0	3,737,300	
140	16020499	Nguyễn Văn Vũ	K61CHKT	0	6,139,850	0	6,139,850	
141	16020501	Nguy Như Đặng Vỹ	K61CHKT	0	3,203,400	0	3,203,400	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
142	16021795	Nguyễn Văn Hải	K61CHKT	0	1,868,650	0	1,868,650	
143	16021798	Đỗ Thành Huy	K61CHKT	0	1,868,650	0	1,868,650	
144	16021813	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	K61CHKT	0	3,203,400	0	3,203,400	
145	16021910	Nguyễn Việt Anh	K61CHKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
146	16021963	Ngô Việt Anh	K61CHKT	0	5,872,900	0	5,872,900	
147	16021977	Lại Văn Đàn	K61CHKT	0	6,139,850	0	6,139,850	
148	16021983	Hoàng Tiến Đông	K61CHKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
149	16021997	Phạm Văn Huân	K61CHKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
150	16022006	Vũ Văn Kiểm	K61CHKT	-564,000	4,271,200	0	3,707,200	Bù trừ BHYT
151	16022013	Nguyễn Văn Lộc	K61CHKT	0	3,203,400	0	3,203,400	
152	16022017	Vũ Hoài Mạnh	K61CHKT	0	8,008,500	0	8,008,500	
153	16022316	Trương Tuấn An	K61CHKT	0	3,203,400	0	3,203,400	
154	16022317	Nguyễn Thị ánh	K61CHKT	0	3,203,400	0	3,203,400	
155	16022318	Nguyễn Đức Bình	K61CHKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
156	16022320	Lưu Văn Cường	K61CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
157	16022321	Lê Công Chính	K61CHKT	0	5,072,050	0	5,072,050	
158	16022325	Nguyễn Văn Định	K61CHKT	0	4,805,100	0	4,805,100	
159	16022326	Nguyễn Thị Hằng	K61CHKT	0	3,737,300	0	3,737,300	
160	16022327	Nguyễn Vũ Minh Hiếu	K61CHKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
161	16022329	Bùi Đình Huy	K61CHKT	0	5,072,050	0	5,072,050	
162	16022331	Phạm Văn Lĩnh	K61CHKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
163	16022333	Chu Hoàng Nam	K61CHKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
164	16022334	Lê Xuân Nam	K61CHKT	0	3,203,400	0	3,203,400	
165	16022335	Trần Văn Ninh	K61CHKT	0	5,872,900	0	5,872,900	
166	16022336	Nguyễn Bích Ngọc	K61CHKT	0	3,203,400	0	3,203,400	
167	16022337	Nguyễn Đức Phước	K61CHKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
168	16022338	Nguyễn Quốc Phương	K61CHKT	0	5,072,050	0	5,072,050	
169	16022339	Nguyễn Đức Quang	K61CHKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
170	16022340	Mai Văn Quang	K61CHKT	0	4,805,100	0	4,805,100	
171	16022342	Mai Hồng Sơn	K61CHKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
172	16022344	Nguyễn Văn Tùng	K61CHKT	0	3,203,400	0	3,203,400	
173	16022346	Phạm Văn Thái	K61CHKT	0	3,203,400	0	3,203,400	
174	16022354	Lương Văn Vịnh	K61CHKT	0	4,698,320	0	4,698,320	
175	16022453	Mai Ngọc Trinh	K61CHKT	0	2,669,500	0	2,669,500	
176	16022473	Nguyễn Tiến Dũng	K61CHKT	0	3,203,400	0	3,203,400	
177	16022476	Phạm Trung Hiếu	K61CHKT	0	6,139,850	0	6,139,850	
178	16022484	Đinh Minh Hải	K61CHKT	0	5,072,050	0	5,072,050	
179	16022486	Nguyễn Thị Lan Anh	K61CHKT	0	3,203,400	0	3,203,400	
180	16022488	Trần Mạnh Linh	K61CHKT	0	6,139,850	0	6,139,850	
181	16022506	Đặng Văn Luân	K61CHKT	0	3,203,400	0	3,203,400	
182	16020009	Nguyễn Hoàng Đức	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
183	16020016	Phùng Quang Huy	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
184	16020028	Nguyễn Tiến Xuân	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
185	16020048	Nguyễn Việt Thắng	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
186	16020052	Lê Quang Hưng	K61CNTT	0	3,470,350	0	3,470,350	
187	16020054	Nguyễn Đình Khoa	K61CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	bao gồm cả HP bằng kép
188	16020055	Trần Hoàng Minh	K61CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
189	16020077	Hoàng Văn Đại	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
190	16020078	Hoàng Vĩnh Thịnh	K61CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
191	16020079	Trần Minh Tiến	K61CNTT	0	3,737,300	0	3,737,300	
192	16020081	Trương Văn Dương	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
193	16020829	Phạm Khắc Ân	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
194	16020831	Đỗ Tuấn Anh	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
195	16020839	Phạm Công Anh	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
196	16020842	Trần Lan Anh	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
197	16020844	Trần Thị Phương Anh	K61CNTT	0	1,067,800	0	1,067,800	
198	16020845	Trần Thị Phương Anh	K61CNTT	0	3,737,300	0	3,737,300	
199	16020850	Nguyễn Thanh Bình	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
200	16020853	Vũ Ngọc Chi	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
201	16020855	Hoàng Văn Chính	K61CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
202	16020858	Trần Văn Chung	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
203	16020859	Lê Văn Công	K61CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
204	16020869	Nguyễn Thành Đại	K61CNTT	-282,000	1,868,650	0	1,586,650	Bù trừ BHYT
205	16020875	Lê Quang Đạo	K61CNTT	-500	3,470,350	0	3,469,850	Kỳ trước thừa HP
206	16020877	Nguyễn Trọng Đạt	K61CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
207	16020881	Trương Quốc Đạt	K61CNTT	0	3,470,350	0	3,470,350	
208	16020885	Trần Văn Định	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
209	16020886	Nguyễn Tài Đô	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
210	16020892	Đỗ Trung Đức	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
211	16020897	Đậu Trọng Dũng	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
212	16020898	Đỗ Đức Dũng	K61CNTT	0	4,004,250	0	4,004,250	
213	16020899	Hoàng Mạnh Dũng	K61CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
214	16020904	Nguyễn Mạnh Dũng	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
215	16020906	Nguyễn Thế Chí Dũng	K61CNTT	0	4,004,250	0	4,004,250	
216	16020908	Nguyễn Tiến Dũng	K61CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
217	16020913	Nguyễn Bình Dương	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
218	16020914	Nguyễn Ngọc Dương	K61CNTT	0	3,737,300	0	3,737,300	
219	16020918	Nguyễn Tùng Dương	K61CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
220	16020919	Nguyễn Văn Dương	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
221	16020921	Vũ Tùng Dương	K61CNTT	0	3,470,350	0	3,470,350	
222	16020925	Phạm Ngọc Duy	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
223	16020926	Đinh Văn Giang	K61CNTT	0	3,470,350	0	3,470,350	
224	16020928	Trương Hoàng Giang	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
225	16020930	Trần Thị Quỳnh Giao	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
226	16020933	Nguyễn Trọng Hà	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
227	16020934	Dương Thanh Hải	K61CNTT	0	800,850	0	800,850	
228	16020936	Lê Viết Hải	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
229	16020944	Nguyễn Khắc Vũ Hiệp	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
230	16020948	Hà Minh Hiếu	K61CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
231	16020950	Hoàng Minh Hiếu	K61CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
232	16020952	Lê Trung Hiếu	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
233	16020956	Nguyễn Hữu Thị Hiếu	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
234	16020958	Nguyễn Trung Hiếu	K61CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
235	16020961	Trần Minh Hiếu	K61CNTT	0	3,737,300	0	3,737,300	
236	16020966	Lê Thị Thanh Hoa	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
237	16020971	Nguyễn Văn Hoàn	K61CNTT	0	3,470,350	0	3,470,350	
238	16020973	Nguyễn Đức Hoàng	K61CNTT	0	1,067,800	0	1,067,800	
239	16020974	Nguyễn Minh Hoàng	K61CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
240	16020975	Phạm Việt Hoàng	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
241	16020978	Vũ Huy Hoàng	K61CNTT	0	8,542,400	0	8,542,400	
242	16020980	Trần Đức Học	K61CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
243	16020985	Hoàng Việt Hưng	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
244	16020991	Vũ Đình Hướng	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
245	16020992	Trần Văn Hưởng	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
246	16020996	Lê Văn Huy	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
247	16020997	Nguyễn Nhật Huy	K61CNTT	0	3,470,350	0	3,470,350	
248	16020999	Nguyễn Quang Huy	K61CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
249	16021000	Nguyễn Quang Huy	K61CNTT	0	4,004,250	0	4,004,250	
250	16021002	Trần Văn Huy	K61CNTT	4,636,500	5,072,050	0	9,708,550	
251	16021003	Nguyễn Thị Huyền	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
252	16021004	Phạm Minh Huyền	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
253	16021006	Nguyễn Văn Khải	K61CNTT	0	934,325	0	934,325	
254	16021008	Lê Duy Khánh	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
255	16021011	Lê Trung Kiên	K61CNTT	0	3,470,350	0	3,470,350	
256	16021020	Bùi Quang Linh	K61CNTT	0	3,737,300	0	3,737,300	
257	16021021	Chu Thị Thùy Linh	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
258	16021023	Lê Phạm Văn Linh	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
259	16021024	Lê Quang Linh	K61CNTT	11,437,000	3,470,350	0	14,907,350	
260	16021027	Nguyễn Duy Linh	K61CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
261	16021029	Nguyễn Phương Linh	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
262	16021030	Phạm Duy Linh	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
263	16021031	Trần Quang Linh	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
264	16021041	Hà Thế Lực	K61CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
265	16021042	Cao Đức Mạnh	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
266	16021043	Đào Tiến Mạnh	K61CNTT	0	800,850	0	800,850	
267	16021044	Lương Quang Mạnh	K61CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
268	16021046	Nguyễn Văn Mạnh	K61CNTT	0	3,203,400	0	3,203,400	
269	16021051	Nguyễn Văn Minh	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
270	16021052	Phùng Công Minh	K61CNTT	0	2,936,450	0	2,936,450	
271	16021057	Lê Hà My	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
272	16021061	Mai Hoàng Nam	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
273	16021064	Nguyễn Nhật Nam	K61CNTT	0	3,737,300	0	3,737,300	
274	16021071	Ngô Đức Nghĩa	K61CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
275	16021072	Nguyễn Hữu Nghĩa	K61CNTT	0	3,470,350	0	3,470,350	
276	16021078	Nguyễn Mạnh Nguyên	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
277	16021082	Nguyễn Đức Nhiên	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
278	16021087	Phạm Văn Oánh	K61CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
279	16021089	Vũ Quốc Phong	K61CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
280	16021090	Hoàng Văn Phú	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
281	16021091	Nguyễn Văn Phúc	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
282	16021099	Nguyễn Thị Phượng	K61CNTT	0	3,470,350	0	3,470,350	
283	16021103	Nguyễn Hồng Quân	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
284	16021105	Nguyễn Viết Quân	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
285	16021107	Bùi Minh Quang	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
286	16021112	Nguyễn Minh Quang	K61CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
287	16021113	Thái Huy Nhật Quang	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
288	16021116	Vũ Văn Qúy	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
289	16021119	Phạm Danh Quyền	K61CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
290	16021120	Nguyễn Thị Quỳnh	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
291	16021121	Nguyễn Thái San	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
292	16021125	Đinh Quang Sơn	K61CNTT	0	4,004,250	0	4,004,250	
293	16021126	Hà Phi Sơn	K61CNTT	0	2,536,025	0	2,536,025	
294	16021127	Lê Thái Sơn	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
295	16021139	Nguyễn Hoàng Thạch	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
296	16021140	Nguyễn Quang Thái	K61CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
297	16021143	Cao Quyết Thắng	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
298	16021145	Đỗ Việt Thắng	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
299	16021146	Nguyễn Đức Thắng	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
300	16021147	Nguyễn Hữu Thắng	K61CNTT	0	3,470,350	0	3,470,350	
301	16021150	Vũ Tiến Thắng	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
302	16021155	Đàm Tiến Thành	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
303	16021159	Cao Thị Phương Thảo	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
304	16021164	Nguyễn Đức Thiện	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
305	16021167	Đoàn Thị Hoài Thu	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
306	16021168	Nguyễn Hoài Thu	K61CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
307	16021172	Lê Công Thương	K61CNTT	0	3,470,350	0	3,470,350	
308	16021175	Lê Thị Thúy	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
309	16021177	Đào Trọng Thủy	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
310	16021180	Phạm Thị Thùy Tiên	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
311	16021182	Nguyễn Đức Tiến	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
312	16021183	Nguyễn Mạnh Tiến	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
313	16021186	Phạm Văn Tiến	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
314	16021189	Trần Quang Toàn	K61CNTT	0	2,135,600	0	2,135,600	
315	16021197	Tống Lý Trinh	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
316	16021198	Phạm Văn Trọng	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
317	16021201	Nguyễn Duy Trường	K61CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
318	16021204	Hà Văn Tú	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
319	16021205	Nghiêm Anh Tú	K61CNTT	0	2,936,450	0	2,936,450	
320	16021208	Trần Anh Tú	K61CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
321	16021209	Đỗ Quốc Tuấn	K61CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
322	16021210	Hoàng Anh Tuấn	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
323	16021211	Ngô Kiên Tuấn	K61CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
324	16021213	Nguyễn Anh Tuấn	K61CNTT	0	7,474,600	0	7,474,600	
325	16021215	Phương Anh Tuấn	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
326	16021216	Trần Anh Tuấn	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
327	16021218	Trần Quang Tuấn	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
328	16021219	Trần Thế Tuấn	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
329	16021220	Bùi Thanh Tùng	K61CNTT	0	3,470,350	0	3,470,350	
330	16021221	Lương Ngọc Tùng	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
331	16021223	Nguyễn Lê Tùng	K61CNTT	17,846,000	3,737,300	0	21,583,300	
332	16021225	Nguyễn Văn Tùng	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
333	16021226	Trần Mạnh Tùng	K61CNTT	0	3,470,350	0	3,470,350	
334	16021228	Nguyễn Hoàng Tuyên	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
335	16021229	Đặng Thị Tuyết	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
336	16021235	Nguyễn Tiến Việt	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
337	16021236	Phạm Hoàng Quốc Việt	K61CNTT	0	3,470,350	0	3,470,350	
338	16021242	Nguyễn Như ý	K61CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
339	16021243	Nguyễn Thị Hải Yến	K61CNTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
340	16020118	Nguyễn Mạnh Dũng	K61ĐTVT	0	5,072,050	0	5,072,050	
341	16020693	Lê Quốc Anh	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
342	16020697	Trần Tuấn Anh	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
343	16020699	Lâm Xuân Biển	K61ĐTVT	0	2,669,500	0	2,669,500	
344	16020700	Trần Đức Bình	K61ĐTVT	0	4,538,150	0	4,538,150	
345	16020702	Ngô Minh Chiến	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
346	16020703	Đỗ Đức Chính	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
347	16020711	Phạm Thành Đạt	K61ĐTVT	0	2,669,500	0	2,669,500	
348	16020716	Nguyễn Hồng Đức	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
349	16020719	Nguyễn Trung Dũng	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
350	16020726	Vũ Văn Dương	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
351	16020734	Lê Nguyễn Mỹ Hạnh	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
352	16020737	Cù Đức Hiệp	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
353	16020739	Lê Chung Hiếu	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
354	16020750	Nguyễn Thành Hưng	K61ĐTVT	0	6,673,750	0	6,673,750	
355	16020757	Lưu Hoàng Kiên	K61ĐTVT	0	2,936,450	0	2,936,450	
356	16020759	Nguyễn Văn Lâm	K61ĐTVT	0	4,004,250	0	4,004,250	
357	16020760	Trần Quang Lân	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
358	16020763	Nguyễn Thị Thùy Linh	K61ĐTVT	0	2,669,500	0	2,669,500	
359	16020765	Phùng Tuấn Linh	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
360	16020767	Vũ Văn Linh	K61ĐTVT	0	2,669,500	0	2,669,500	
361	16020772	Trần Đức Mạnh	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
362	16020774	Đinh Bảo Minh	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
363	16020776	Vũ Quang Minh	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
364	16020778	Đỗ Phương Nam	K61ĐTVT	0	2,402,550	0	2,402,550	
365	16020779	Kiều Đức Nam	K61ĐTVT	0	2,669,500	0	2,669,500	
366	16020784	Phan Văn Nhiệm	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
367	16020785	Vũ Văn Phước	K61ĐTVT	0	2,135,600	0	2,135,600	
368	16020791	Vũ Văn Quân	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
369	16020796	Nguyễn Quang Sang	K61ĐTVT	0	2,135,600	0	2,135,600	
370	16020798	Đỗ Hải Sơn	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
371	16020799	Nguyễn Thế Sơn	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
372	16020803	Vũ Đình Thắng	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
373	16020805	Nguyễn Thị Vy Thảo	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
374	16020808	Vũ Ngọc Tiến	K61ĐTVT	0	2,135,600	0	2,135,600	
375	16020809	Lê Văn Toản	K61ĐTVT	0	2,402,550	0	2,402,550	
376	16020811	Nguyễn Văn Trường	K61ĐTVT	0	3,737,300	0	3,737,300	
377	16020815	Nguyễn Tất Tuấn	K61ĐTVT	0	2,669,500	0	2,669,500	
378	16020821	Mai Thế Vinh	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
379	16020822	Nguyễn Thế Vinh	K61ĐTVT	0	2,669,500	0	2,669,500	
380	16020824	Nguyễn Thị Yến	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
381	16021842	Đặng Ngọc Kiên	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
382	16021843	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	K61ĐTVT	0	4,805,100	0	4,805,100	
383	16021846	Trần Văn Thùy	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
384	16021955	Phạm Quốc Hưng	K61ĐTVT	0	4,271,200	0	4,271,200	
385	16022278	Trần Thế Anh	K61ĐTVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
386	16022279	Nguyễn Văn Cần	K61ĐTVT	0	3,470,350	0	3,470,350	
387	16022281	Nguyễn Khánh Duy	K61ĐTVT	0	2,402,550	0	2,402,550	
388	16022283	Nguyễn Thị Thu Hà	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
389	16022284	Vũ Ngọc Hà	K61ĐTVT	0	934,325	0	934,325	
390	16022285	Hoàng Văn Học	K61ĐTVT	0	3,737,300	0	3,737,300	
391	16022286	Triệu Thị Huệ	K61ĐTVT	0	2,135,600	0	2,135,600	
392	16022288	Nguyễn Tùng Lâm	K61ĐTVT	0	4,805,100	0	4,805,100	
393	16022289	Khuất Việt Long	K61ĐTVT	0	2,669,500	0	2,669,500	
394	16022290	Nguyễn Văn Mạch	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
395	16022291	Nguyễn Quỳnh Nga	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
396	16022292	Hoàng Văn Nhất	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
397	16022293	Khổng Thị Mai Quyên	K61ĐTVT	0	2,669,500	0	2,669,500	
398	16022294	Nguyễn Trường Sơn	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
399	16022295	Trần Phùng Nam Sơn	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
400	16022296	Đặng Đức Tiến	K61ĐTVT	0	1,067,800	0	1,067,800	
401	16022297	Đỗ Duy Tùng	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
402	16022298	Trần Văn Thiên	K61ĐTVT	0	2,936,450	0	2,936,450	
403	16022299	Trần Đức Thịnh	K61ĐTVT	0	7,474,600	0	7,474,600	
404	16022474	Trần Thị Hồng Nhung	K61ĐTVT	0	1,868,650	0	1,868,650	
405	16021252	Nguyễn Tuấn Anh	K61HTTT	0	2,135,600	0	2,135,600	
406	16021254	Tạ Hoàng Anh	K61HTTT	15,970,000	5,339,000	0	21,309,000	
407	16021259	Lê Thành Công	K61HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
408	16021260	Nguyễn Đức Công	K61HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
409	16021262	Bùi Ngọc Đăng	K61HTTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
410	16021270	Lê Thuận Đức	K61HTTT	0	3,737,300	0	3,737,300	
411	16021272	Bùi Tiến Dũng	K61HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
412	16021273	Phạm Tuấn Dũng	K61HTTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
413	16021274	Lê Văn Duy	K61HTTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
414	16021275	Nguyễn Đắc Duy	K61HTTT	0	3,737,300	0	3,737,300	
415	16021276	Nguyễn Khánh Duy	K61HTTT	0	2,135,600	0	2,135,600	
416	16021278	Nguyễn Quang Hà	K61HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
417	16021280	Nguyễn Thu Hiền	K61HTTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
418	16021288	Dương Thanh Hòa	K61HTTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
419	16021289	Tiêu Công Hòa	K61HTTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
420	16021292	Nguyễn Thị Hợp	K61HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
421	16021297	Nguyễn Thị Hường	K61HTTT	0	3,737,300	0	3,737,300	
422	16021299	Vũ Thanh Huyền	K61HTTT	0	3,737,300	0	3,737,300	
423	16021303	Nguyễn Bá Khiêm	K61HTTT	0	1,067,800	0	1,067,800	
424	16021307	Nguyễn Văn Long	K61HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
425	16021309	Mai Thị Lý	K61HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
426	16021311	Nguyễn Đức Minh	K61HTTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
427	16021312	Nguyễn Thanh Minh	K61HTTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
428	16021313	Nguyễn Tuấn Minh	K61HTTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
429	16021314	Phan Thế Minh	K61HTTT	0	3,737,300	0	3,737,300	
430	16021323	Trần Hưng Nhật	K61HTTT	0	3,470,350	0	3,470,350	
431	16021324	Nguyễn Thị Hồng Nhung	K61HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
432	16021325	Lê Quý Phong	K61HTTT	0	2,135,600	0	2,135,600	
433	16021326	Trần Văn Phương	K61HTTT	0	2,135,600	0	2,135,600	
434	16021332	Nguyễn Trường Sơn	K61HTTT	843,000	3,737,300	0	4,580,300	
435	16021333	Tống Thanh Sơn	K61HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
436	16021335	Nguyễn Đức Thái	K61HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
437	16021342	Vũ Thủy Tiên	K61HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
438	16021344	Nguyễn Mạnh Tiến	K61HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
439	16021345	Nguyễn Ngọc Tiến	K61HTTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
440	16021353	Lê Thanh Tuấn	K61HTTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
441	16021354	Nguyễn Minh Tuấn	K61HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
442	16021355	Vũ Quốc Tuấn	K61HTTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
443	16021357	Đặng Quang Tường	K61HTTT	0	2,135,600	0	2,135,600	
444	16021358	Nguyễn Văn Tuyền	K61HTTT	0	3,203,400	0	3,203,400	
445	16021360	Nguyễn Minh Vũ	K61HTTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
446	16021590	Hoàng Mạnh Hưng	K61HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
447	16021898	Hoàng Đức Tuấn	K61HTTT	0	1,601,700	0	1,601,700	
448	16022054	Phạm Minh Cường	K61HTTT	0	2,936,450	0	2,936,450	
449	16022069	Phan Minh Đức	K61HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
450	16022072	Trần Văn Hải	K61HTTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
451	16022075	Đoàn Trung Hiếu	K61HTTT	0	3,737,300	0	3,737,300	
452	16022090	Vũ Sỹ Kiên	K61HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
453	16022094	Phan Nguyên Lâm	K61HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
454	16022108	Trần Thị Minh Nguyệt	K61HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
455	16022120	Đỗ Thanh Tâm	K61HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
456	16022131	Đoàn Thị Thoa	K61HTTT	0	3,737,300	0	3,737,300	
457	16022134	Phùng Đình Xuân	K61HTTT	0	2,135,600	0	2,135,600	
458	16022357	Đinh Việt Anh	K61HTTT	6,182,000	4,271,200	0	10,453,200	
459	16022358	Đỗ Hải Bình	K61HTTT	0	2,135,600	0	2,135,600	
460	16022359	Hoàng Xuân Cường	K61HTTT	0	2,135,600	0	2,135,600	
461	16022362	Bùi Mạnh Dũng	K61HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
462	16022363	Phạm Văn Duy	K61HTTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
463	16022364	Vũ Đức Duy	K61HTTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
464	16022365	Nguyễn Kim Đại	K61HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
465	16022366	Nguyễn Tiến Đạt	K61HTTT	0	4,004,250	0	4,004,250	
466	16022368	Bùi Thị Hiền	K61HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
467	16022369	Nguyễn Đình Hiếu	K61HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
468	16022370	Nguyễn Trung Hiếu	K61HTTT	0	934,325	0	934,325	
469	16022372	Trần Vũ Hoàng	K61HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
470	16022374	Nguyễn Mậu Đức Huy	K61HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
471	16022375	Hà Quang Huy	K61HTTT	0	4,004,250	0	4,004,250	
472	16022378	Nguyễn Đức Mạnh	K61HTTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
473	16022380	Nguyễn Văn Oai	K61HTTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
474	16022381	Đặng Văn Phúc	K61HTTT	0	3,470,350	0	3,470,350	
475	16022382	Nguyễn Văn Phúc	K61HTTT	0	3,737,300	0	3,737,300	
476	16022383	Nguyễn Thị Phượng	K61HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
477	16022384	Vũ Trường Quang	K61HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
478	16022385	Trần Văn Tuấn	K61HTTT	0	2,402,550	0	2,402,550	
479	16022388	Nguyễn Huyền Thư	K61HTTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
480	16022389	Trần Văn Trung	K61HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
481	16022477	Lê Lương Tuấn Anh	K61HTTT	0	3,470,350	0	3,470,350	
482	16022479	Trịnh Quang Sơn	K61HTTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
483	16022492	Nguyễn Văn Lâm	K61HTTT	0	1,868,650	0	1,868,650	
484	16022493	Nguyễn Bá Tiến	K61HTTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
485	16020036	Lưu Quang Tùng	K61KHMT	0	2,669,500	0	2,669,500	
486	16020059	Nguyễn Huy Tuyển	K61KHMT	0	2,669,500	0	2,669,500	
487	16020281	Trần Xuân Thành	K61KHMT	0	6,406,800	0	6,406,800	
488	16021362	Trần Quang Bách	K61KHMT	0	3,470,350	0	3,470,350	
489	16021363	Nguyễn Trí Công	K61KHMT	0	2,669,500	0	2,669,500	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
490	16021376	Trần Viết Hà	K61KHMT	0	2,936,450	0	2,936,450	
491	16021377	Đỗ Quang Hải	K61KHMT	0	4,538,150	0	4,538,150	
492	16021387	Phạm Huy Hoàng	K61KHMT	0	4,004,250	0	4,004,250	
493	16021388	Cao Đức Huân	K61KHMT	0	2,936,450	0	2,936,450	
494	16021391	Nguyễn Đắc Huy	K61KHMT	0	3,470,350	0	3,470,350	
495	16021396	Lương Hoàng Kiên	K61KHMT	0	4,271,200	0	4,271,200	
496	16021398	Đinh Khánh Linh	K61KHMT	0	3,470,350	0	3,470,350	
497	16021399	Đỗ Huy Linh	K61KHMT	0	5,872,900	0	5,872,900	
498	16021400	Nguyễn Tuấn Linh	K61KHMT	0	1,868,650	0	1,868,650	
499	16021406	Nguyễn Văn Phi	K61KHMT	0	2,669,500	0	2,669,500	
500	16021408	Nguyễn Ngọc Phúc	K61KHMT	0	1,868,650	0	1,868,650	
501	16021412	Vũ Xuân Quân	K61KHMT	0	1,868,650	0	1,868,650	
502	16021417	Hoàng Văn Thắng	K61KHMT	0	1,868,650	0	1,868,650	
503	16021418	Trần Văn Thắng	K61KHMT	0	2,669,500	0	2,669,500	
504	16021420	Phạm Thuận Thành	K61KHMT	0	1,868,650	0	1,868,650	
505	16021424	Bùi Thị Hoài Thu	K61KHMT	0	3,870,775	0	3,870,775	
506	16021427	Đồng Xuân Toàn	K61KHMT	0	1,868,650	0	1,868,650	
507	16021430	Nguyễn Anh Tuấn	K61KHMT	0	1,868,650	0	1,868,650	
508	16021432	Trần Duy Việt	K61KHMT	843,000	9,343,250	0	10,186,250	
509	16022119	Nguyễn Minh Tâm	K61KHMT	0	1,868,650	0	1,868,650	
510	16022145	Nguyễn Thanh Tuyên	K61KHMT	0	2,669,500	0	2,669,500	
511	16022146	Lê Công Thái	K61KHMT	0	5,605,950	0	5,605,950	
512	16022148	Trần Minh Trí	K61KHMT	0	8,008,500	0	8,008,500	
513	16021439	Nguyễn Thành Công	K61KTNL	0	5,339,000	0	5,339,000	
514	16021446	Nguyễn Văn Đông	K61KTNL	0	5,605,950	0	5,605,950	
515	16021447	Phạm Đình Duẩn	K61KTNL	0	5,339,000	0	5,339,000	
516	16021450	Nguyễn Tiến Dũng	K61KTNL	0	5,339,000	0	5,339,000	
517	16021451	Phạm Văn Dũng	K61KTNL	0	5,339,000	0	5,339,000	
518	16021455	Phạm Đình Duy	K61KTNL	0	5,339,000	0	5,339,000	
519	16021457	Vũ Hoàng Hà	K61KTNL	0	5,339,000	0	5,339,000	
520	16021458	Bùi Thu Hậu	K61KTNL	0	5,339,000	0	5,339,000	
521	16021460	Đỗ Danh Hiếu	K61KTNL	0	5,339,000	0	5,339,000	
522	16021461	Nguyễn Duy Hiếu	K61KTNL	0	5,339,000	0	5,339,000	
523	16021466	Mai Huy Hoàng	K61KTNL	0	6,673,750	0	6,673,750	
524	16021471	Hoàng Đình Huy	K61KTNL	0	5,339,000	0	5,339,000	
525	16021473	Nguyễn Thị Huyền	K61KTNL	0	5,339,000	0	5,339,000	
526	16021477	Nguyễn Văn Khánh	K61KTNL	843,000	8,275,450	0	9,118,450	
527	16021480	Nguyễn Tùng Lâm	K61KTNL	0	6,139,850	0	6,139,850	
528	16021482	Trần Tùng Lâm	K61KTNL	0	5,339,000	0	5,339,000	
529	16021484	Phạm Thành Linh	K61KTNL	0	5,339,000	0	5,339,000	
530	16021486	Trần Thùy Linh	K61KTNL	0	5,339,000	0	5,339,000	
531	16021499	Lê Thị Oanh	K61KTNL	0	5,339,000	0	5,339,000	
532	16021500	Nguyễn Minh Phát	K61KTNL	0	6,139,850	0	6,139,850	
533	16021501	Nguyễn Hữu Minh Phụng	K61KTNL	0	5,339,000	0	5,339,000	
534	16021506	Trần Hồng Quang	K61KTNL	0	5,605,950	0	5,605,950	
535	16021518	Đoàn Văn Thịnh	K61KTNL	0	5,605,950	0	5,605,950	
536	16021523	Nguyễn Văn Thức	K61KTNL	0	5,339,000	0	5,339,000	
537	16021526	Lê Văn Tiến	K61KTNL	0	7,474,600	0	7,474,600	
538	16021532	Nguyễn Anh Tú	K61KTNL	0	5,339,000	0	5,339,000	
539	16021536	Hoàng Nguyễn Minh Tuấn	K61KTNL	0	6,406,800	0	6,406,800	
540	16021537	Lê Hồng Anh Tuấn	K61KTNL	0	5,339,000	0	5,339,000	
541	16021538	Nguyễn Duy Tuấn	K61KTNL	0	5,339,000	0	5,339,000	
542	16021541	Nguyễn Thanh Tùng	K61KTNL	0	5,339,000	0	5,339,000	
543	16021542	Nguyễn Thanh Tùng	K61KTNL	0	5,339,000	0	5,339,000	
544	16021544	Ngô Văn Tuyến	K61KTNL	0	5,605,950	0	5,605,950	
545	16021914	Phạm Đăng Chung	K61KTNL	0	5,605,950	0	5,605,950	
546	16021919	Nguyễn Trần Trung Đức	K61KTNL	0	6,406,800	0	6,406,800	
547	16021924	Nguyễn Duy Hoàng	K61KTNL	0	5,605,950	0	5,605,950	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
548	16021925	Bùi Văn Hùng	K61KTNL	0	5,605,950	0	5,605,950	
549	16021932	Nguyễn Minh Phong	K61KTNL	0	5,605,950	0	5,605,950	
550	16021940	Lê Anh Thư	K61KTNL	0	5,339,000	0	5,339,000	
551	16021941	Nguyễn Đức Toàn	K61KTNL	0	5,339,000	0	5,339,000	
552	16021942	Ngô Thị Huyền Trang	K61KTNL	0	5,605,950	0	5,605,950	
553	16021944	Khúc Tuấn Tú	K61KTNL	0	5,605,950	0	5,605,950	
554	16022391	Nguyễn Đắc Bình	K61KTNL	0	5,339,000	0	5,339,000	
555	16022394	Vũ Thị Kim Duyên	K61KTNL	0	5,339,000	0	5,339,000	
556	16022395	Nguyễn Văn Đại	K61KTNL	0	5,605,950	0	5,605,950	
557	16022396	Lê Minh Hiếu	K61KTNL	0	5,339,000	0	5,339,000	
558	16022397	Nguyễn Thanh Mai	K61KTNL	0	6,406,800	0	6,406,800	
559	16022398	Vũ Văn Siêu	K61KTNL	0	5,339,000	0	5,339,000	
560	16022399	Nguyễn Thị Thịnh	K61KTNL	0	5,605,950	0	5,605,950	
561	16022400	Nguyễn Sơn Trường	K61KTNL	0	5,339,000	0	5,339,000	
562	16021551	Đào Thế Anh	K61TT-MMT	0	4,271,200	0	4,271,200	
563	16021554	Phạm Tuấn Anh	K61TT-MMT	9,246,000	2,936,450	0	12,182,450	
564	16021563	Trần Quý Đông	K61TT-MMT	0	3,470,350	0	3,470,350	
565	16021570	Vương Xuân Dương	K61TT-MMT	-564,000	1,067,800	0	503,800	Bù trừ BHYT
566	16021571	Trần Đại Trường Giang	K61TT-MMT	0	4,271,200	0	4,271,200	
567	16021572	Hoàng Thái Hà	K61TT-MMT	0	6,940,700	0	6,940,700	
568	16021574	Nguyễn Minh Hiền	K61TT-MMT	0	5,605,950	0	5,605,950	
569	16021577	Đỗ Minh Hiếu	K61TT-MMT	0	3,203,400	0	3,203,400	
570	16021580	Nguyễn Đắc Hoàn	K61TT-MMT	0	4,271,200	0	4,271,200	
571	16021585	Trương Xuân Hội	K61TT-MMT	0	4,805,100	0	4,805,100	
572	16021588	Nguyễn Việt Hùng	K61TT-MMT	0	2,669,500	0	2,669,500	
573	16021589	Cao Hữu Hưng	K61TT-MMT	0	3,203,400	0	3,203,400	
574	16021591	Lê Duy Hưng	K61TT-MMT	0	1,601,700	0	1,601,700	
575	16021594	Nguyễn Công Huynh	K61TT-MMT	0	5,339,000	0	5,339,000	
576	16021597	Đào Ngọc Lâm	K61TT-MMT	0	3,203,400	0	3,203,400	
577	16021601	Ninh Thị Nhật Lệ	K61TT-MMT	0	3,470,350	0	3,470,350	
578	16021605	Nguyễn Đăng Bảo Long	K61TT-MMT	0	3,203,400	0	3,203,400	
579	16021607	Đồng Thị Thanh Lương	K61TT-MMT	0	3,203,400	0	3,203,400	
580	16021614	Bùi Phương Nam	K61TT-MMT	0	2,402,550	0	2,402,550	
581	16021616	Trương Văn Nam	K61TT-MMT	0	7,207,650	0	7,207,650	
582	16021617	Nguyễn Thị Thúy Nga	K61TT-MMT	0	3,203,400	0	3,203,400	
583	16021621	Bùi Thị Hồng Nhung	K61TT-MMT	0	3,203,400	0	3,203,400	
584	16021622	Tăng Thị Nhung	K61TT-MMT	0	800,850	0	800,850	
585	16021623	Kiều Thanh Phong	K61TT-MMT	0	3,203,400	0	3,203,400	
586	16021628	Phan Tiến Phước	K61TT-MMT	0	2,669,500	0	2,669,500	
587	16021629	Ngô Minh Phương	K61TT-MMT	0	1,601,700	0	1,601,700	
588	16021636	Phạm Văn Quyến	K61TT-MMT	0	6,673,750	0	6,673,750	
589	16021637	Phạm Xuân Quỳnh	K61TT-MMT	0	800,850	0	800,850	
590	16021644	Phan Văn Thắng	K61TT-MMT	0	1,601,700	0	1,601,700	
591	16021645	Nguyễn Thị Thanh	K61TT-MMT	0	4,004,250	0	4,004,250	
592	16021647	Đồng Văn Thành	K61TT-MMT	0	2,669,500	0	2,669,500	
593	16021648	Lê Ngọc Thành	K61TT-MMT	0	2,669,500	0	2,669,500	
594	16021652	Nguyễn Thị Thanh Thư	K61TT-MMT	0	800,850	0	800,850	
595	16021658	Mai Phúc Triệu	K61TT-MMT	0	2,669,500	0	2,669,500	
596	16021659	Đinh Bá Trung	K61TT-MMT	0	3,203,400	0	3,203,400	
597	16021661	Trần Hữu Tuân	K61TT-MMT	0	2,669,500	0	2,669,500	
598	16022150	Trần Hoàng Anh	K61TT-MMT	0	5,339,000	0	5,339,000	
599	16022164	Lê Quang Đạt	K61TT-MMT	0	6,139,850	0	6,139,850	
600	16022171	Ngô Thị Hiền	K61TT-MMT	0	5,872,900	0	5,872,900	
601	16022173	Lê Xuân Hiếu	K61TT-MMT	0	6,673,750	0	6,673,750	
602	16022183	Vũ Đăng Huy	K61TT-MMT	0	6,139,850	0	6,139,850	
603	16022193	Nguyễn Ngọc Lâm	K61TT-MMT	0	2,669,500	0	2,669,500	
604	16022194	Đoàn Nho Lâm	K61TT-MMT	0	3,203,400	0	3,203,400	
605	16022215	Nguyễn Hữu Phúc	K61TT-MMT	0	6,406,800	0	6,406,800	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
606	16022222	Trần Ngọc Tân	K61TT-MMT	0	1,067,800	0	1,067,800	
607	16022424	Nguyễn Thanh Bình	K61TT-MMT	0	6,139,850	0	6,139,850	
608	16022428	Nguyễn Văn Diên	K61TT-MMT	0	3,470,350	0	3,470,350	
609	16022430	Nguyễn Văn Dũng	K61TT-MMT	0	4,271,200	0	4,271,200	
610	16022433	Nguyễn Thị Hoài	K61TT-MMT	0	800,850	0	800,850	
611	16022435	Doãn Đoàn Đại Hùng	K61TT-MMT	0	5,072,050	0	5,072,050	
612	16022440	Trịnh Ngọc Huy	K61TT-MMT	0	3,470,350	0	3,470,350	
613	16022441	Nguyễn Duy Hưng	K61TT-MMT	0	6,139,850	0	6,139,850	
614	16022442	Hà Ngọc Linh	K61TT-MMT	0	4,538,150	0	4,538,150	
615	16022443	Kiều Thanh Nam	K61TT-MMT	0	5,872,900	0	5,872,900	
616	16022445	Phan Văn Tài	K61TT-MMT	0	2,669,500	0	2,669,500	
617	16022448	Đặng Thanh Tuấn	K61TT-MMT	0	4,538,150	0	4,538,150	
618	16022450	Tưởng Công Thành	K61TT-MMT	0	6,940,700	0	6,940,700	
619	16022451	Ngô Doãn Thông	K61TT-MMT	0	800,850	0	800,850	
620	16022452	Trần Thị Anh Thư	K61TT-MMT	0	3,203,400	0	3,203,400	
621	16022470	Nguyễn Tân Sơn	K61TT-MMT	0	1,601,700	0	1,601,700	
622	16022482	Đoàn Hồng Phúc	K61TT-MMT	0	4,004,250	0	4,004,250	
623	16022483	Nguyễn Bá Toàn	K61TT-MMT	0	2,669,500	0	2,669,500	
624	16022502	Nguyễn Hồng Quang	K61TT-MMT	0	1,868,650	0	1,868,650	
625	16021672	Trần Tiến Anh	K61VLKT	0	1,868,650	0	1,868,650	
626	16021678	Trần Thị Linh Chi	K61VLKT	0	1,868,650	0	1,868,650	
627	16021690	Dương Tuấn Dũng	K61VLKT	0	1,868,650	0	1,868,650	
628	16021691	Nguyễn Tiến Dũng	K61VLKT	0	1,868,650	0	1,868,650	
629	16021693	Phan Lạc Dương	K61VLKT	0	1,868,650	0	1,868,650	
630	16021715	Phan Ngọc Huy	K61VLKT	0	1,868,650	0	1,868,650	
631	16021718	Trần Quang Huy	K61VLKT	0	2,135,600	0	2,135,600	
632	16021721	Vũ Thị Ngọc Khánh	K61VLKT	0	1,868,650	0	1,868,650	
633	16021726	Nguyễn Thế Lâm	K61VLKT	0	1,868,650	0	1,868,650	
634	16021730	Trần Quyền Linh	K61VLKT	0	1,868,650	0	1,868,650	
635	16021740	Nguyễn Nghĩa Minh	K61VLKT	0	2,135,600	0	2,135,600	
636	16021743	Lê Trọng Nghĩa	K61VLKT	0	1,868,650	0	1,868,650	
637	16021746	Hà Thị Hồng Nhung	K61VLKT	0	1,868,650	0	1,868,650	
638	16021767	Nguyễn Thị Thoa	K61VLKT	0	1,868,650	0	1,868,650	
639	16021768	Nguyễn Quang Thông	K61VLKT	0	1,868,650	0	1,868,650	
640	16021769	Nguyễn Thị Thường	K61VLKT	0	1,868,650	0	1,868,650	
641	16021779	Hoàng Lê Anh Tuấn	K61VLKT	0	1,868,650	0	1,868,650	
642	16021787	Nguyễn Trọng Vinh	K61VLKT	0	1,868,650	0	1,868,650	
643	16021856	Đại Văn Dương	K61VLKT	0	3,737,300	0	3,737,300	
644	16021861	Đặng Mỹ Duyên	K61VLKT	0	4,805,100	0	4,805,100	
645	16021878	Hoàng Đình Nam	K61VLKT	843,000	266,950	0	1,109,950	
646	16022458	Nguyễn Đình ánh	K61VLKT	0	2,135,600	0	2,135,600	
647	16022459	Nguyễn Văn Điệp	K61VLKT	0	1,868,650	0	1,868,650	
648	16022460	Trần Thị Thu Hà	K61VLKT	0	1,868,650	0	1,868,650	
649	16022463	Nguyễn Thị Thu Huyền	K61VLKT	0	1,868,650	0	1,868,650	
650	16022465	Tạ Đức Mạnh	K61VLKT	0	1,868,650	0	1,868,650	
651	16022466	Nguyễn Văn Quân	K61VLKT	0	1,868,650	0	1,868,650	
652	16022500	Nguyễn Đình Cường	K61VLKT	0	1,868,650	0	1,868,650	
		TỔNG K61		**67,279,000**	**2,276,843,245**	**0**	**2,344,122,245**	
1	17020074	Phạm Mạnh Tuấn	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
2	17020228	Đào Sỹ An	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
3	17020229	Nguyễn Thế An	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
4	17020230	Phạm Ngọc An	K62CĐT	0	5,872,900	0	5,872,900	
5	17020231	Ngô Tuấn Anh	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
6	17020232	Phạm Ngọc Anh	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
7	17020233	Phạm Thế Anh	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
8	17020234	Trần Minh Anh	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
9	17020235	Vũ Tiến Anh	K62CĐT	0	6,940,700	0	6,940,700	
10	17020237	Vũ Tuấn Anh	K62CĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
11	17020238	Vũ Văn ánh	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
12	17020239	Nguyễn Xuân Bách	K62CĐT	0	6,139,850	0	6,139,850	
13	17020240	Nguyễn Đình Bảo	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
14	17020241	Nguyễn Văn Bình	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
15	17020242	Trương Văn Bình	K62CĐT	0	6,139,850	0	6,139,850	
16	17020243	Phạm Văn Cảnh	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
17	17020244	Nguyễn Minh Chí	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
18	17020245	Nguyễn Văn Chiến	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
19	17020246	Trần Đình Chính	K62CĐT	0	5,072,050	0	5,072,050	
20	17020248	Trần Bảo Công	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
21	17020249	Nguyễn Duy Cương	K62CĐT	0	6,139,850	0	6,139,850	
22	17020250	Hồ Mạnh Cường	K62CĐT	3,934,000	800,850	0	4,734,850	
23	17020251	Đỗ Quốc Dân	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
24	17020252	Đặng Văn Duẩn	K62CĐT	0	6,139,850	0	6,139,850	
25	17020253	Nguyễn Mạnh Dũng	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
26	17020254	Nguyễn Tiến Dũng	K62CĐT	0	6,406,800	0	6,406,800	
27	17020255	Phạm Đăng Dũng	K62CĐT	0	6,406,800	0	6,406,800	
28	17020256	Phùng Khắc Dũng	K62CĐT	0	5,872,900	0	5,872,900	
29	17020257	Lê Chấp Duy	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
30	17020259	Nguyễn Quang Duy	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
31	17020260	Trần Đình Khánh Duy	K62CĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
32	17020261	Nguyễn Huy Dư	K62CĐT	0	8,008,500	0	8,008,500	
33	17020262	Hà Hải Dương	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
34	17020263	Nguyễn Sỹ Dương	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
35	17020264	Nguyễn Tùng Dương	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
36	17020265	Trần Văn Đán	K62CĐT	0	6,673,750	0	6,673,750	
37	17020266	Mai Tiến Đạt	K62CĐT	0	5,872,900	0	5,872,900	
38	17020267	Nguyễn Khắc Anh Đạt	K62CĐT	0	6,406,800	0	6,406,800	
39	17020268	Vũ Thành Đạt	K62CĐT	0	6,406,800	0	6,406,800	
40	17020269	Đỗ Hải Đăng	K62CĐT	0	5,872,900	0	5,872,900	
41	17020271	Nguyễn Xuân Đỉnh	K62CĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
42	17020272	Nguyễn Văn Đông	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
43	17020273	Đặng Xuân Đức	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
44	17020274	Nguyễn Duy Đức	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
45	17020275	Nguyễn Văn Đức	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
46	17020276	Trần Minh Đức	K62CĐT	0	7,207,650	0	7,207,650	
47	17020277	Vũ Trí Đức	K62CĐT	9,772,000	800,850	0	10,572,850	
48	17020278	Hoàng Việt Hà	K62CĐT	0	7,207,650	0	7,207,650	
49	17020279	Trần Hữu Hà	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
50	17020280	Lê Hữu Hải	K62CĐT	0	800,850	0	800,850	
51	17020281	Phạm Hoàng Hải	K62CĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
52	17020282	Đỗ Văn Hậu	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
53	17020283	Hoàng Văn Hiển	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
54	17020284	Nguyễn Đức Hiển	K62CĐT	0	5,872,900	0	5,872,900	
55	17020285	Đàm Đình Hiệp	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
56	17020286	Trần Hoàng Hiệp	K62CĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
57	17020287	Vũ Đức Hiệp	K62CĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
58	17020288	Vũ Thế Hiệp	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
59	17020290	Bùi Minh Hiếu	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
60	17020291	Đỗ Minh Hiếu	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
61	17020292	Nguyễn Lương Hiếu	K62CĐT	0	6,139,850	0	6,139,850	
62	17020293	Nguyễn Minh Hiếu	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
63	17020294	Nguyễn Trung Hiếu	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
64	17020295	Nguyễn Trung Hiếu	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
65	17020296	Phạm Trung Hiếu	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
66	17020297	Thân Đăng Hiếu	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
67	17020299	Ngô Văn Họa	K62CĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
68	17020301	Chu Văn Hoàng	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
69	17020302	Nguyễn Huy Hoàng	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
70	17020303	Nguyễn Nghiêm Huy Hoàng	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
71	17020304	Nguyễn Văn Hoàng	K62CĐT	0	5,872,900	0	5,872,900	
72	17020305	Nguyễn Việt Hoàng	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
73	17020306	Phạm Đắc Hoàng	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
74	17020307	Lê Văn Hồng	K62CĐT	0	5,872,900	0	5,872,900	
75	17020309	Bùi Văn Huân	K62CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
76	17020311	Đoàn Mạnh Hùng	K62CĐT	0	5,872,900	0	5,872,900	
77	17020312	Đỗ Việt Hùng	K62CĐT	0	5,872,900	0	5,872,900	
78	17020314	Nguyễn Xuân Hùng	K62CĐT	0	800,850	0	800,850	
79	17020315	Tô Văn Hùng	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
80	17020316	Vũ Mạnh Hùng	K62CĐT	0	5,872,900	0	5,872,900	
81	17020317	An Quang Huy	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
82	17020318	Bùi Quang Huy	K62CĐT	0	6,139,850	0	6,139,850	
83	17020319	Bùi Quang Huy	K62CĐT	0	6,139,850	0	6,139,850	
84	17020320	Đoàn Văn Huy	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
85	17020321	Lại Đình Huy	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
86	17020322	Ngô Văn Huy	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
87	17020323	Nguyễn Đức Huy	K62CĐT	0	6,673,750	0	6,673,750	
88	17020324	Nguyễn Minh Huy	K62CĐT	0	2,669,500	0	2,669,500	
89	17020325	Nguyễn Quang Huy	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
90	17020326	Nguyễn Quốc Huy	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
91	17020327	Nguyễn Trần Huy	K62CĐT	3,934,000	800,850	0	4,734,850	
92	17020328	Trương Thành Huy	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
93	17020329	Vũ Văn Huy	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
94	17020331	Nguyễn Tiến Huỳnh	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
95	17020332	Đặng Hải Hưng	K62CĐT	0	5,072,050	0	5,072,050	
96	17020333	Lê Quang Hưng	K62CĐT	0	5,072,050	0	5,072,050	
97	17020334	Nguyễn Duy Hưng	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
98	17020335	Nguyễn Việt Hưng	K62CĐT	0	6,406,800	0	6,406,800	
99	17020336	Đinh Văn Hưởng	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
100	17020337	Phùng Kim Khải	K62CĐT	0	6,139,850	0	6,139,850	
101	17020338	Nguyễn Thành Khang	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
102	17020339	Nguyễn Duy Khánh	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
103	17020340	Phạm Văn Khánh	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
104	17020341	Đỗ Đức Khiêm	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
105	17020342	Nguyễn Việt Khoa	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
106	17020343	Phạm Đăng Khoa	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
107	17020344	Nguyễn Đình Khôi	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
108	17020345	Đoàn Trung Kiên	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
109	17020346	Lê Đức Kiên	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
110	17020347	Vũ Quốc Kiên	K62CĐT	0	5,872,900	0	5,872,900	
111	17020348	Lê Đức Linh	K62CĐT	0	6,139,850	0	6,139,850	
112	17020349	Nghiêm Ngọc Linh	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
113	17020350	Nguyễn Duy Linh	K62CĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
114	17020351	Nguyễn Quang Linh	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
115	17020352	Nguyễn Văn Linh	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
116	17020353	Phạm Quang Linh	K62CĐT	0	6,139,850	0	6,139,850	
117	17020355	Dương Văn Long	K62CĐT	0	5,872,900	0	5,872,900	
118	17020356	Đặng Văn Long	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
119	17020357	Lê Việt Long	K62CĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
120	17020358	Nguyễn Đức Long	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
121	17020359	Phương Thành Long	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
122	17020360	Triệu Gia Long	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
123	17020361	Đào Thành Lộc	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
124	17020362	Vũ Tiến Lộc	K62CĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
125	17020363	Phạm Văn Lực	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
126	17020364	Vũ Đình Lực	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
127	17020365	Vũ Sinh Lương	K62CĐT	0	7,474,600	0	7,474,600	
128	17020366	Chu Văn Mạnh	K62CĐT	6,240,000	800,850	0	7,040,850	
129	17020367	Ngô Viết Mạnh	K62CĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
130	17020368	Nguyễn Bá Mạnh	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
131	17020369	Nguyễn Văn Mạnh	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
132	17020370	Vương Hữu Mạnh	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
133	17020371	Đào Sĩ Mão	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
134	17020373	Đinh Văn Minh	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
135	17020375	Trần Công Minh	K62CĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
136	17020376	Trần Quang Minh	K62CĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
137	17020377	Vũ Công Minh	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
138	17020379	Doãn Phương Nam	K62CĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
139	17020380	Đào Đình Nam	K62CĐT	0	4,271,200	0	4,271,200	
140	17020381	Lê Hoài Nam	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
141	17020382	Phạm Minh Nam	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
142	17020383	Trần Hữu Nam	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
143	17020384	Nguyễn Thị Nga	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
144	17020385	Nguyễn Duy Nghĩa	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
145	17020386	Nguyễn Trọng Nghĩa	K62CĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
146	17020387	Nguyễn Thế Nghiệp	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
147	17020388	Lương Thị Hồng Ngọc	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
148	17020389	Vũ Tú Nguyên	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
149	17020390	Nguyễn Đắc Ngư	K62CĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
150	17020391	Nguyễn Bá Nhật	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
151	17020392	Nguyễn Yến Nhi	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
152	17020393	Nguyễn Tú Ninh	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
153	17020394	Giáp Hồng Phát	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
154	17020395	Diêm Công Phong	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
155	17020396	Nguyễn Hùng Phong	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
156	17020397	Nguyễn Viết Phong	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
157	17020398	Trần Văn Phơn	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
158	17020399	Phạm Xuân Phúc	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
159	17020400	Ngô Thị Phương	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
160	17020401	Nguyễn Văn Quang	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
161	17020402	Trần Minh Quang	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
162	17020403	Nghiêm Hồng Quân	K62CĐT	0	5,072,050	0	5,072,050	
163	17020404	Trần Hồng Quân	K62CĐT	0	5,872,900	0	5,872,900	
164	17020405	Nguyễn Minh Quốc	K62CĐT	0	3,737,300	0	3,737,300	
165	17020406	Lê Minh Quyết	K62CĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
166	17020407	Nguyễn Đình Quyết	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
167	17020408	Triệu Thị Quỳnh	K62CĐT	-564,000	4,538,150	0	3,974,150	Bù trừ BHYT
168	17020409	Nguyễn Đức Sâm	K62CĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
169	17020410	Nguyễn Đắc Sơn	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
170	17020411	Phạm Văn Sơn	K62CĐT	0	6,406,800	0	6,406,800	
171	17020412	Trần Quang Sơn	K62CĐT	0	6,406,800	0	6,406,800	
172	17020413	Vi Ngọc Sơn	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
173	17020414	Tường Duy Tài	K62CĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
174	17020416	Nguyễn Đăng Tâm	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
175	17020417	Giáp Văn Tân	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
176	17020418	Bùi Anh Thái	K62CĐT	3,934,000	800,850	0	4,734,850	
177	17020419	Nguyễn Bá Thái	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
178	17020421	Lê Hoàng Thanh	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
179	17020422	Nguyễn Duy Thành	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
180	17020423	Nguyễn Như Thạo	K62CĐT	0	6,139,850	0	6,139,850	
181	17020424	Nguyễn Văn Thạo	K62CĐT	20,200,000	800,850	0	21,000,850	
182	17020425	Nguyễn Hữu Thắng	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
183	17020426	Nguyễn Văn Thắng	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
184	17020427	Nguyễn Văn Thắng	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
185	17020428	Trần Văn Thập	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
186	17020430	Nguyễn Đức Thịnh	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
187	17020431	Trần Đức Thông	K62CĐT	0	6,139,850	0	6,139,850	
188	17020432	Nguyễn Văn Thuân	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
189	17020433	Vũ Kim Thuận	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
190	17020434	Nguyễn Văn Tiến	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
191	17020435	Nguyễn Văn Tình	K62CĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
192	17020436	Bùi Duy Toàn	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
193	17020437	Chu Quốc Toàn	K62CĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
194	17020438	Nguyễn Văn Toàn	K62CĐT	0	6,406,800	0	6,406,800	
195	17020439	Nguyễn Quang Tôn	K62CĐT	-673,000	800,850	0	127,850	
196	17020440	Nguyễn Thùy Trang	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
197	17020441	Bùi Thái Trung	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
198	17020443	Hoàng Quốc Trung	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
199	17020444	Lưu Hữu Trung	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
200	17020446	Nguyễn Việt Trung	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
201	17020447	Nguyễn Văn Trường	K62CĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
202	17020448	Nguyễn Văn Trường	K62CĐT	0	5,872,900	0	5,872,900	
203	17020449	Nguyễn Hoàng Trượng	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
204	17020451	Đào Anh Tuấn	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
205	17020452	Hàn Văn Tuấn	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
206	17020454	Nguyễn Duy Tuấn	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
207	17020455	Nguyễn Quang Tuấn	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
208	17020456	Phạm Minh Tuấn	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
209	17020457	Trịnh Quốc Tuấn	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
210	17020458	Hoàng Thanh Tùng	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
211	17020459	Lê Mạnh Tùng	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
212	17020460	Ngô Thanh Tùng	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
213	17020461	Nguyễn Duy Tùng	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
214	17020462	Nguyễn Huy Tùng	K62CĐT	0	5,872,900	0	5,872,900	
215	17020463	Nguyễn Thanh Tùng	K62CĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
216	17020464	Nguyễn Thanh Tùng	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
217	17020465	Nguyễn Thanh Tùng	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
218	17020466	Phan Văn Tùng	K62CĐT	0	5,072,050	0	5,072,050	
219	17020467	Tô Việt Tùng	K62CĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
220	17020468	Vũ Văn Tùng	K62CĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
221	17020469	Hoàng Văn Tuyển	K62CĐT	0	6,940,700	0	6,940,700	
222	17020470	Vũ Văn Tuyến	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
223	17020471	Nguyễn Tiến Tuynh	K62CĐT	0	7,207,650	0	7,207,650	
224	17020472	Phạm Anh Văn	K62CĐT	0	6,673,750	0	6,673,750	
225	17020473	Nguyễn Thành Vĩ	K62CĐT	0	5,072,050	0	5,072,050	
226	17020474	Nguyễn Tiến Việt	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
227	17020475	Trần Quang Vinh	K62CĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
228	17020476	Nguyễn Anh Vũ	K62CĐT	0	5,072,050	0	5,072,050	
229	17020477	Đặng Văn Xuân	K62CĐT	0	5,872,900	0	5,872,900	
230	17020478	Phùng Thị Yến	K62CĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
231	17020151	Lê Ngọc Hải	K62CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
232	17020152	Lại Hữu Thái	K62CHKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
233	17020153	Lê Ngô Hồng Thái	K62CHKT	0	5,872,900	0	5,872,900	
234	17020201	Lê Công An	K62CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
235	17020202	Nguyễn Trọng Quang Anh	K62CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
236	17020203	Nguyễn Tú Anh	K62CHKT	0	6,673,750	0	6,673,750	
237	17020204	Đỗ Văn Chường	K62CHKT	0	5,072,050	0	5,072,050	
238	17020205	Đinh Văn Dũng	K62CHKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
239	17020207	Tạ Xuân Đức	K62CHKT	0	6,673,750	0	6,673,750	
240	17020208	Vũ Thanh Hà	K62CHKT	0	5,872,900	0	5,872,900	
241	17020209	Đỗ Đức Hải	K62CHKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
242	17020210	Nguyễn Ngọc Hải	K62CHKT	0	5,872,900	0	5,872,900	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
243	17020211	Hồ Sỹ Hưng	K62CHKT	12,008,000	800,850	0	12,808,850	
244	17020212	Nguyễn Đình Khiêm	K62CHKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
245	17020213	Vũ Đình Khoẻ	K62CHKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
246	17020214	Trần Quang Kiên	K62CHKT	0	5,872,900	0	5,872,900	
247	17020215	Nguyễn Thị Loan	K62CHKT	0	5,872,900	0	5,872,900	
248	17020216	Đinh Khắc Mác	K62CHKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
249	17020218	Lương Nhật Minh	K62CHKT	0	4,805,100	0	4,805,100	
250	17020220	Đặng Hồng Sơn	K62CHKT	0	6,139,850	0	6,139,850	
251	17020221	Vũ Tấn Thành	K62CHKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
252	17020222	Vũ Trọng Thành	K62CHKT	0	5,872,900	0	5,872,900	
253	17020223	Nguyễn Văn Thể	K62CHKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
254	17020224	Đặng Văn Toàn	K62CHKT	0	5,872,900	0	5,872,900	
255	17020225	Vũ Văn Trường	K62CHKT	0	4,805,100	0	4,805,100	
256	17020226	Nghiêm Ngọc Vĩ	K62CHKT	0	6,673,750	0	6,673,750	
257	17020227	Cao Văn Vũ	K62CHKT	0	6,673,750	0	6,673,750	
258	17021146	Nguyễn Thành An	K62CNNB	0	4,805,100	0	4,805,100	
259	17021147	Hồ Thị Kim Anh	K62CNNB	4,496,000	5,872,900	0	10,368,900	
260	17021148	Nguyễn Thế Anh	K62CNNB	0	7,474,600	0	7,474,600	
261	17021149	Hoàng Quang Chỉnh	K62CNNB	0	6,673,750	0	6,673,750	
262	17021150	Trần Thành Công	K62CNNB	0	6,673,750	0	6,673,750	
263	17021152	Lê Hữu Đạt	K62CNNB	0	6,406,800	0	6,406,800	
264	17021153	Đặng Minh Hoàng	K62CNNB	0	6,673,750	0	6,673,750	
265	17021154	Trần Huy Hoàng	K62CNNB	0	6,139,850	0	6,139,850	
266	17021155	Lê Văn Hợp	K62CNNB	0	6,940,700	0	6,940,700	
267	17021156	Nguyễn Thị Huệ	K62CNNB	0	5,605,950	0	5,605,950	
268	17021157	Nguyễn Việt Hùng	K62CNNB	0	6,673,750	0	6,673,750	
269	17021158	Hoàng Thị Ngọc Huyền	K62CNNB	0	7,741,550	0	7,741,550	
270	17021159	Nguyễn Thị Lan Hương	K62CNNB	0	8,542,400	0	8,542,400	
271	17021160	Hoàng Ngọc Khôi	K62CNNB	0	6,673,750	0	6,673,750	
272	17021161	Vũ Trí Kiên	K62CNNB	0	5,872,900	0	5,872,900	
273	17021162	Dương Khánh Linh	K62CNNB	0	6,673,750	0	6,673,750	
274	17021163	Kiều Nhật Long	K62CNNB	0	6,940,700	0	6,940,700	
275	17021164	Phạm Hoàng Nam	K62CNNB	0	5,872,900	0	5,872,900	
276	17021165	Nguyễn Tiến Nhật	K62CNNB	0	6,940,700	0	6,940,700	
277	17021166	Nguyễn Trường Sơn	K62CNNB	0	8,542,400	0	8,542,400	
278	17021168	Nguyễn Thị Thu Thủy	K62CNNB	0	7,474,600	0	7,474,600	
279	17021169	Nguyễn Duy Thức	K62CNNB	0	7,741,550	0	7,741,550	
280	17020003	Nguyễn Đình Đại	K62CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
281	17020009	Nguyễn Anh Khoa	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
282	17020012	Nguyễn Đinh Quang Minh	K62CNTT	16,149,000	800,850	0	16,949,850	
283	17020014	Trần Nguyễn Khánh Ninh	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
284	17020076	Trần Mạnh Cường	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
285	17020077	Nguyễn Ngọc Đăng	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
286	17020087	Nguyễn Văn Dũng	K62CNTT	0	4,004,250	0	4,004,250	
287	17020093	Phạm Anh Tuấn	K62CNTT	0	4,004,250	0	4,004,250	
288	17020095	Mai Duy Dương	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
289	17020096	Giang Nam Hải	K62CNTT	6,977,000	2,402,550	0	9,379,550	
290	17020099	Hoàng Tuấn Sơn	K62CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
291	17020100	Vũ Đức Thành Sơn	K62CNTT	8,062,000	2,402,550	0	10,464,550	
292	17020165	Đào Quang Huy	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
293	17020167	Nguyễn Trọng Thắng	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
294	17020168	Nguyễn Trọng Thưởng	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
295	17020181	Lèo Thị Thu Hà	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
296	17020182	Diệp Văn Hiếu	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
297	17020183	Hoàng Việt Hùng	K62CNTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
298	17020184	Nguyễn Mạnh Hưng	K62CNTT	0	7,741,550	0	7,741,550	
299	17020185	Trần Tuấn Anh	K62CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
300	17020186	Hà Trường Sơn	K62CNTT	5,620,000	4,538,150	0	10,158,150	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
301	17020188	Lương Đức Phạm Tường	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
302	17020190	Phommachan Souphit	K62CNTT	0	8,809,350	0	8,809,350	
303	17020191	Ngô Quang Dương	K62CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
304	17020560	Dương Hoài An	K62CNTT	0	7,474,600	0	7,474,600	
305	17020561	Nguyễn Thành An	K62CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
306	17020562	Vũ Tuấn An	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
307	17020563	Bùi Khánh Ngọc Anh	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
308	17020564	Bùi Vũ Anh	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
309	17020566	Dương Văn Hải Anh	K62CNTT	0	8,275,450	0	8,275,450	
310	17020567	Đào Việt Anh	K62CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
311	17020568	Đỗ Minh Anh	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
312	17020569	Hoàng Tuấn Anh	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
313	17020570	Lê Thị Lâm Anh	K62CNTT	0	800,850	0	800,850	
314	17020572	Lê Tuấn Anh	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
315	17020573	Ngô Bá Anh	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
316	17020574	Nguyễn Đạt Ngọc Anh	K62CNTT	0	2,936,450	0	2,936,450	
317	17020575	Nguyễn Đức Anh	K62CNTT	0	7,207,650	0	7,207,650	
318	17020576	Nguyễn Đức Anh	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
319	17020577	Nguyễn Hoàng Anh	K62CNTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
320	17020580	Nguyễn Tất Trường Anh	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
321	17020581	Nguyễn Thị Lan Anh	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
322	17020582	Nguyễn Thị Quý Anh	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
323	17020583	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	K62CNTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
324	17020584	Nguyễn Thị Vân Anh	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
325	17020585	Nguyễn Tuấn Anh	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
326	17020586	Nguyễn Tuấn Anh	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
327	17020587	Phạm Công Tuấn Anh	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
328	17020588	Phạm Tuấn Anh	K62CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
329	17020589	Phan Anh	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
330	17020590	Trần Đăng Anh	K62CNTT	0	4,004,250	0	4,004,250	
331	17020592	Trịnh Đức Anh	K62CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
332	17020593	Vi Thế Anh	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
333	17020594	Võ Lộc Anh	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
334	17020595	Vũ Trung Anh	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
335	17020596	Vũ Tuấn Anh	K62CNTT	0	800,850	0	800,850	
336	17020597	Đặng Thị Ngọc ánh	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
337	17020598	Vũ Ngọc ánh	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
338	17020599	Bùi Văn Bảo	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
339	17020600	Nguyễn Văn Bảo	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
340	17020601	Trần Việt Bảo	K62CNTT	0	7,741,550	0	7,741,550	
341	17020602	Đỗ Tuấn Bắc	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
342	17020603	Hà Văn Bắc	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
343	17020604	Nguyễn Văn Bằng	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
344	17020605	Nguyễn Thị Ngọc Bích	K62CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
345	17020606	Đinh Quang Bình	K62CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
346	17020607	Phạm Cơ Bình	K62CNTT	0	3,336,875	0	3,336,875	
347	17020608	Nguyễn Duy Chiến	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
348	17020609	Nguyễn Viết Chiến	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
349	17020610	Phạm Danh Chiến	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
350	17020611	Trương Bách Chiến	K62CNTT	0	8,542,400	0	8,542,400	
351	17020612	Phạm Văn Chính	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
352	17020613	Lò Văn Chọi	K62CNTT	0	800,850	0	800,850	
353	17020614	Ngụy Mạnh Chung	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
354	17020615	Vũ Văn Chức	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
355	17020616	Nguyễn Duy Chương	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
356	17020617	Kiều Chí Công	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
357	17020618	Nguyễn Hoàng Minh Công	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
358	17020619	Nguyễn Thành Công	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
359	17020620	Chu Minh Cương	K62CNTT	0	8,008,500	0	8,008,500	
360	17020621	Bùi Quốc Cường	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
361	17020622	Cao Văn Cường	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
362	17020623	Đinh Đức Cường	K62CNTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
363	17020624	Đinh Việt Cường	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
364	17020625	Đoàn Mạnh Cường	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
365	17020626	Nguyễn Cao Cường	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
366	17020627	Nguyễn Khả Cường	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
367	17020628	Tô Việt Cường	K62CNTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
368	17020629	Tống Đức Cường	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
369	17020630	Vương Quốc Cường	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
370	17020631	Phạm Mạnh Dân	K62CNTT	0	7,474,600	0	7,474,600	
371	17020633	Ninh Hồng Diệp	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
372	17020634	Trần Văn Diệp	K62CNTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
373	17020635	Nguyễn Ngọc Diệu	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
374	17020636	Dư Đình Doanh	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
375	17020637	Nguyễn Hồng Doanh	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
376	17020638	Nguyễn Thị Xuân Dung	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
377	17020639	Đặng Anh Dũng	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020641	Đỗ Xuân Dũng	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17020642	Lê Công Dũng	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020643	Vũ Đức Dũng	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020644	Bùi Tiến Duy	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020645	Đào Văn Duy	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020646	Đỗ Đường Duy	K62CNTT	0	8,008,500	0	8,008,500	
#REF!	17020647	Lê Cảnh Duy	K62CNTT	0	7,207,650	0	7,207,650	
#REF!	17020648	Nguyễn Trung Duy	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020649	Nguyễn Viết Tuấn Duy	K62CNTT	0	7,207,650	0	7,207,650	
#REF!	17020650	Vũ Khương Duy	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020651	Đặng Thị Duyên	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020652	Bùi Nguyễn Minh Dương	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020653	Cao Thị Thùy Dương	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020655	Đinh Quý Dương	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020656	Nguyễn Thái Dương	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020657	Nguyễn Vũ Tùng Dương	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020658	Nguyễn Xuân Dương	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020659	Phạm ích Dương	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17020660	Trần Hải Dương	K62CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
#REF!	17020661	Trần Hải Dương	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17020662	Trần Ngọc Dương	K62CNTT	0	800,850	0	800,850	
#REF!	17020663	Mai Thế Đại	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17020665	Bùi Trọng A Đam	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020666	Vũ Mạnh Đan	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020667	Nguyễn Thị Đào	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020668	Đào Trọng Đạt	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020669	Đinh Tiến Đạt	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17020670	Lê Quốc Đạt	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020671	Lưu Lê Tuấn Đạt	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020672	Mai Thành Đạt	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17020673	Ngô Quốc Đạt	K62CNTT	0	7,474,600	0	7,474,600	
#REF!	17020674	Ngô Văn Đạt	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020675	Nguyễn Chí Đạt	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020676	Nguyễn Văn Đạt	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020677	Phạm Tiến Đạt	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020678	Thân Chí Đạt	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020679	Trần Tiến Đạt	K62CNTT	0	3,470,350	0	3,470,350	
#REF!	17020680	Cao Quý Đăng	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020681	Lê Hải Đăng	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
#REF!	17020682	Trịnh Xuân Đinh	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020683	Nguyễn Văn Đình	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020684	Hoàng Văn Định	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020685	Lê Quý Đôn	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020686	Nguyễn Vũ Đông	K62CNTT	0	7,207,650	0	7,207,650	
#REF!	17020687	Phạm Ngọc Đông	K62CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
#REF!	17020688	Bùi Huỳnh Đức	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020689	Diệp Huy Đức	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020690	Dương Cao Đức	K62CNTT	6,463,000	2,402,550	0	8,865,550	
#REF!	17020691	Dương Minh Đức	K62CNTT	2,248,000	2,936,450	0	5,184,450	
#REF!	17020692	Đào Anh Đức	K62CNTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17020693	Đặng Mạnh Đức	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020694	Hoàng Mạnh Đức	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020695	Lê Văn Đức	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020696	Nguyễn Bá Đức	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020697	Nguyễn Minh Đức	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020698	Nguyễn Tiến Đức	K62CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
#REF!	17020699	Phạm Minh Đức	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020700	Phạm Minh Đức	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020701	Trần Tiến Đức	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020702	Trịnh Văn Đức	K62CNTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17020703	Vũ Văn Đức	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020704	Nguyễn Văn Thắng Em	K62CNTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17020705	Nguyễn Trường Giang	K62CNTT	0	2,402,550	0	2,402,550	
#REF!	17020706	Nguyễn Trường Giang	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020707	Trần Mạnh Giang	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020708	Nguyễn Ngọc Giỏi	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020709	Dương Thu Hà	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020710	Lê Ngọc Hà	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020711	Nguyễn Thị Lệ Hà	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020712	Nguyễn Việt Hà	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020713	Đặng Thanh Hải	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020714	Nguyễn Đình Hải	K62CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
#REF!	17020715	Nguyễn Đức Hải	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020716	Nguyễn Minh Hải	K62CNTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17020717	Nguyễn Ngọc Hải	K62CNTT	0	7,741,550	0	7,741,550	
#REF!	17020718	Trần Ngọc Hải	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17020719	Lê Hồng Hạnh	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020720	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020721	Phạm Minh Hạnh	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020722	Đinh Sỹ Hào	K62CNTT	0	4,004,250	0	4,004,250	
#REF!	17020724	Nguyễn Thu Hằng	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020725	Phan Thị Thanh Hằng	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020726	Phan Công Hậu	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020727	Trần Trung Hậu	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020728	Cao Văn Hiển	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020729	Đoàn Duy Hiển	K62CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
#REF!	17020730	Nguyễn Xuân Hiển	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020731	Đinh Thế Hiệp	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020732	Hà Đức Hiệp	K62CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
#REF!	17020733	Lê Ngọc Hiệp	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020734	Nguyễn Bá Hiệp	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020735	Nguyễn Quang Hiệp	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020736	Bùi Chí Hiếu	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020738	Lê Văn Hiếu	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020740	Nguyễn Danh Hiếu	K62CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
#REF!	17020741	Nguyễn Đức Hiếu	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020742	Nguyễn Đức Hiếu	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
#REF!	17020743	Nguyễn Mạnh Hiếu	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020744	Nguyễn Mạnh Hiếu	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020745	Nguyễn Minh Hiếu	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020746	Nguyễn Minh Hiếu	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020747	Nguyễn Phương Hiếu	K62CNTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17020748	Nguyễn Trung Hiếu	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020749	Nguyễn Trung Hiếu	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020750	Trần Kim Hiếu	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17020751	Trần Trung Hiếu	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020752	Vũ Trung Hiếu	K62CNTT	0	8,275,450	0	8,275,450	
#REF!	17020753	Dương Văn Hòa	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020754	Lưu Thị Thu Hoài	K62CNTT	0	7,474,600	0	7,474,600	
#REF!	17020755	Mai Thu Hoài	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020758	Nguyễn Văn Hoan	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020759	Phí Xuân Hoàn	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17020760	Bùi Duy Hoàng	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020761	Bùi Huy Hoàng	K62CNTT	0	3,470,350	0	3,470,350	
#REF!	17020763	Đào Khả Hoàng	K62CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
#REF!	17020764	Lê Minh Hoàng	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020765	Lương Văn Hoàng	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020766	Nguyễn Cảnh Hoàng	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020767	Nguyễn Đức Hoàng	K62CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
#REF!	17020769	Nguyễn Văn Hoàng	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020770	Nguyễn Việt Hoàng	K62CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
#REF!	17020771	Nguyễn Việt Hoàng	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020772	Nguyễn Xuân Hoàng	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020774	Phạm Văn Hoàng	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020776	Trương Việt Hoàng	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020777	Vũ Mạnh Hoàng	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020778	Vũ Việt Hoàng	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020779	Lê Viết Hoành	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020780	Vũ Văn Học	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020781	Phan Lương Huân	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020782	Bùi Mạnh Hùng	K62CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17020783	Đỗ Mạnh Hùng	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020784	Hà Anh Hùng	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020786	Nguyễn Đình Hùng	K62CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
#REF!	17020787	Nguyễn Kim Hùng	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020788	Nguyễn Mạnh Hùng	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020789	Nguyễn Mạnh Hùng	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17020790	Nguyễn Mạnh Hùng	K62CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
#REF!	17020791	Nguyễn Văn Hùng	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020792	Phạm Văn Hùng	K62CNTT	0	7,474,600	0	7,474,600	
#REF!	17020793	Vi Mạnh Hùng	K62CNTT	0	1,521,615	0	1,521,615	
#REF!	17020794	Vũ Trí Hùng	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020795	Bùi Quang Huy	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020796	Đặng Bá Huy	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020797	Lê Quang Huy	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020798	Ngô Đức Huy	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020799	Nguỵ Thế Huy	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020800	Nguyễn Văn Huy	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020801	Phan Quốc Huy	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020802	Trần Văn Huy	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020803	Trương Văn Huy	K62CNTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17020804	Vũ Quang Huy	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020805	Vũ Quang Huy	K62CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
#REF!	17020806	Nguyễn Ngọc Huyên	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020807	Cao Thị Ngọc Huyền	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
#REF!	17020809	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	K62CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
#REF!	17020810	Nguyễn Thị Thanh Huyền	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020812	Nguyễn Đức Huynh	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020813	Hà Quang Hưng	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020814	Lê Xuân Hưng	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020815	Nguyễn Quang Hưng	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020816	Nguyễn Trung Hưng	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020817	Phạm Nhật Hưng	K62CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
#REF!	17020818	Trịnh Ngọc Hưng	K62CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17020819	Đỗ Thị Hương	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17020820	Nguyễn Lan Hương	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020821	Nguyễn Thị Thu Hương	K62CNTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17020822	Phạm Thị Hương	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020823	Hoàng Vũ Hường	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17020824	Nguyễn Thị Hường	K62CNTT	0	7,474,600	0	7,474,600	
#REF!	17020825	Lê Văn Hướng	K62CNTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17020826	Phạm Đức Khả	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17020827	Đỗ Minh Khá	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020828	Nguyễn Đình Khải	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020829	Nguyễn Văn Khải	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020830	Trần Văn Khải	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020831	Đinh Minh Khang	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17020833	Nguyễn Thị Khanh	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17020835	Nguyễn Duy Khánh	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020836	Tăng Ngọc Khánh	K62CNTT	-843,000	5,872,900	0	5,029,900	Thừa HP do đc môn HK1/19-20
#REF!	17020837	Đào Đức Khiêm	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020838	Đỗ Lương Khoa	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020839	Lê Trung Kiên	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020840	Ngô Trung Kiên	K62CNTT	0	2,402,550	0	2,402,550	
#REF!	17020841	Nguyễn Trung Kiên	K62CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17020842	Lê Công Kỳ	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020843	Phan Thế Kỷ	K62CNTT	11,711,000	5,072,050	0	16,783,050	
#REF!	17020844	Nguyễn Thị Lan	K62CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
#REF!	17020845	Nguyễn Tùng Lâm	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020846	Vũ Văn Lâm	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020847	Nguyễn Thị Lê	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020848	Vũ Thị Ngọc Lê	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020849	Đặng Quang Liêm	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020850	Nguyễn Thị Liên	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17020851	Dương Ngọc Linh	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020852	Hoàng Thị Linh	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020853	Lê Thị Thùy Linh	K62CNTT	0	7,207,650	0	7,207,650	
#REF!	17020854	Lê Thị Thùy Linh	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020855	Ngọc Văn Linh	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020856	Nguyễn Quang Linh	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020857	Nguyễn Sỹ Linh	K62CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
#REF!	17020858	Nguyễn Thị Linh	K62CNTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17020859	Nguyễn Tuấn Linh	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020860	Nguyễn Việt Linh	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020861	Vương Thị Ngọc Linh	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020864	Nguyễn Đắc Long	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020865	Nguyễn Đức Long	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020866	Phạm Đức Long	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020867	Trần Quang Long	K62CNTT	0	8,008,500	0	8,008,500	
#REF!	17020868	Trương Văn Long	K62CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17020869	ứng Thành Long	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020870	Võ Hồng Long	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020871	Nguyễn Đức Lộc	K62CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
#REF!	17020872	Dương Văn Lượng	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020873	Đỗ Thị Ly	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020874	Đoàn Thị Mai	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020875	Phùng Thị Tuyết Mai	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020876	Trần Thị Thúy Mai	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020877	Vũ Thị Thanh Mai	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020878	Nguyễn Đăng Mạnh	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020879	Nguyễn Đức Mạnh	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020880	Nguyễn Văn Mạnh	K62CNTT	0	7,474,600	0	7,474,600	
#REF!	17020881	Phạm Đức Mạnh	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020882	Phạm Hùng Mạnh	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17020883	Tạ Văn Mạnh	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020884	Trần Đào Mạnh	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020885	Trần Đức Mạnh	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020886	Vũ Thị Mây	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020887	Lý Tả Mẩy	K62CNTT	-564,000	1,922,040	0	1,358,040	Bù trừ BHYT
#REF!	17020888	Bùi Quang Minh	K62CNTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17020889	Bùi Văn Minh	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020891	Hoàng Kim Minh	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020892	Lại Đức Minh	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020893	Lê Đức Minh	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020894	Lê Sỹ Minh	K62CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17020895	Nguyễn Đức Minh	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020896	Nguyễn Ngọc Minh	K62CNTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17020897	Nguyễn Tài Nhật Minh	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020898	Nguyễn Thị Minh	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020899	Nguyễn Văn Minh	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020900	Nguyễn Văn Minh	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020901	Trần Đức Minh	K62CNTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17020902	Vũ Đức Minh	K62CNTT	0	7,207,650	0	7,207,650	
#REF!	17020903	Giàng Văn Mừng	K62CNTT	3,372,000	2,402,550	0	5,774,550	
#REF!	17020904	Bùi Bá Nam	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020905	Bùi Hoàng Nam	K62CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
#REF!	17020907	Dương Hoài Nam	K62CNTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17020908	Dương Phương Nam	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020909	Đào Duy Nam	K62CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17020910	Nguyễn Hữu Nam	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020911	Nguyễn Hữu Nam	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020912	Nguyễn Ngọc Nam	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020913	Nguyễn Sỹ Nam	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020914	Nguyễn Thành Nam	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020915	Nguyễn Thành Nam	K62CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
#REF!	17020916	Nguyễn Thế Nam	K62CNTT	0	7,741,550	0	7,741,550	
#REF!	17020918	Phan Phương Nam	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020919	Vũ Hải Nam	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020920	Vũ Thiệu Nam	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020922	Bùi Thị Ngát	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020924	Lý Minh Nghĩa	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020925	Nguyễn Minh Nghĩa	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020926	Nguyễn Ngọc Nghĩa	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020927	Phan Đức Nghĩa	K62CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
#REF!	17020928	Trần Đại Nghĩa	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17020929	Trương Tuấn Nghĩa	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020930	Cao Thị Ngoan	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020931	Nguyễn Khắc Ngọc	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020932	Nguyễn Thị Ngọc	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020933	Nguyễn Thị Ngọc	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020934	Nguyễn Tuấn Ngọc	K62CNTT	-564,000	5,072,050	0	4,508,050	Bù trừ BHYT

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
#REF!	17020935	Trần Tuấn Ngọc	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020936	Ngô Gia Nguyên	K62CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17020937	Phạm Thị Thảo Nguyên	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020938	Phạm Xuân Nguyên	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020939	Đặng Văn Nguyễn	K62CNTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17020940	Nguyễn Đức Nhã	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020941	Phạm Đình Nhã	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020942	Nguyễn Ngọc Nhanh	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020943	Lê Văn Nhân	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020944	Hoàng Trần Long Nhật	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020945	Nguyễn Thị Hoài Nhi	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020946	Đỗ Văn Nhị	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020947	Bùi Phương Nhung	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17020948	Nguyễn Trường Phát	K62CNTT	-564,000	6,673,750	0	6,109,750	Bù trừ BHYT
#REF!	17020949	Hoàng Cao Phi	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020950	Trần Viết Phi	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020951	Đỗ Hồng Phong	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020952	Lê Hồng Phong	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020953	Nguyễn Đắc Phong	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020954	Nguyễn Văn Phong	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020955	Trần Tiến Phong	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020956	Triệu Hải Phong	K62CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17020957	Chu Đức Phúc	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020958	Lê Thị Phúc	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020960	Nguyễn Thị Phúc	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020961	Trần Duy Phúc	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020962	Trần Hồng Phúc	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17020963	Trương Quang Phúc	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020964	Nguyễn Công Phước	K62CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17020965	Dương Tuấn Phương	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020966	Lại Thị Thu Phương	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020968	Nguyễn Minh Phương	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020969	Nguyễn Thị Thanh Phương	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020970	Nguyễn Văn Phương	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020971	Nguyễn Văn Phương	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17020972	Vũ Thị Minh Phương	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020973	Bùi Minh Quang	K62CNTT	0	2,402,550	0	2,402,550	
#REF!	17020974	Cao Xuân Quang	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17020975	Đặng Vũ Nhật Quang	K62CNTT	0	7,741,550	0	7,741,550	
#REF!	17020976	Đoàn Văn Quang	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020977	Đỗ Văn Quang	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020978	Nguyễn Hữu Minh Quang	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020979	Nguyễn Xuân Quang	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020980	Phạm Hồng Quang	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020981	Phạm Minh Quang	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020982	Nguyễn Văn Quảng	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020983	Đào Văn Quân	K62CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17020984	Hạp Tiến Quân	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020985	Lương Văn Quân	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020986	Nguyễn Anh Quân	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020987	Phạm Doãn Anh Quân	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020988	Phạm Hồng Quân	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020989	Thái Trần Hồng Quân	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17020990	Nguyễn Trung Quốc	K62CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
#REF!	17020991	Nguyễn Thị Thanh Quý	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020992	Nguyễn Văn Quyết	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020993	Phạm Trọng Quyết	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020994	Đặng Như Quỳnh	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
#REF!	17020995	Phạm Thị Như Quỳnh	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020996	Nguyễn Trọng Rưỡng	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020997	Vũ Ngọc Sáng	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020998	Đỗ Văn Sĩ	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17020999	Đặng Anh Sơn	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17021000	Ngô Thái Sơn	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021001	Nguyễn Ngọc Sơn	K62CNTT	0	7,474,600	0	7,474,600	
#REF!	17021003	Phạm Công Sơn	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021004	Phạm Hoàng Sơn	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17021006	Trần Thiên Sơn	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17021007	Phạm Thị Thu Sương	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021008	Đặng Đức Tài	K62CNTT	0	7,741,550	0	7,741,550	
#REF!	17021009	Nguyễn Duy Tâm	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021010	Nguyễn Nhật Tây	K62CNTT	-564,000	7,474,600	0	6,910,600	Bù trừ BHYT
#REF!	17021011	Lại Quang Thái	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021012	Nguyễn Hồng Thái	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17021013	Ngô Thị Hoài Thanh	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021014	Nguyễn Hữu Thanh	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021015	Vũ Thị Thanh	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021016	Nguyễn Bá Thành	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17021017	Nguyễn Tiến Thành	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021018	Nguyễn Văn Thành	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17021019	Phạm Sơn Thành	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021020	Phạm Văn Thành	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021021	Vũ Hà Thành	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021024	Nguyễn Trần Phương Thảo	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17021025	Trịnh Thị Thảo	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17021026	Trịnh Như Thăng	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021027	Ngô Xuân Thắng	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021028	Nguyễn Chiến Thắng	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021029	Nguyễn Mạnh Thắng	K62CNTT	0	8,275,450	0	8,275,450	
#REF!	17021030	Nguyễn Mạnh Thắng	K62CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
#REF!	17021031	Nguyễn Thành Thắng	K62CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17021032	Ninh Doãn Thắng	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021033	Phạm Quyết Thắng	K62CNTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17021034	Trần Mạnh Thắng	K62CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
#REF!	17021035	Trần Ngọc Thắng	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021037	Trịnh Hữu Thắng	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021038	Nguyễn Văn Thế	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021039	Bùi Anh Thi	K62CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
#REF!	17021040	Phạm Đình Thi	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17021041	Vũ Thanh Thiên	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021042	Nguyễn Đức Thiện	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021044	Ngô Bá Thiệu	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17021045	Nguyễn Đình Thịnh	K62CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
#REF!	17021046	Đinh Tiến Thịnh	K62CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
#REF!	17021047	Nguyễn Đức Thịnh	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021048	Nguyễn Vũ Thịnh	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021049	Phạm Văn Thuấn	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17021051	Phạm Trung Thuỷ	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17021052	Trần Thị Thuỷ	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021053	Nguyễn Thị Thu Thủy	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021054	Nguyễn Thị Thúy	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17021055	Phạm Thị Thúy	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021056	Đỗ Ngọc Thuyết	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021057	Phạm Văn Thường	K62CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
#REF!	17021058	Tạ Quang Thưởng	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17021059	Đặng Hữu Tiến	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
#REF!	17021060	Đặng Ngọc Tiến	K62CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
#REF!	17021061	Trần Quốc Tiến	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021062	Trần Xuân Tiến	K62CNTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17021063	Vũ Đức Tiến	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021064	Phạm Duy Tiếp	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021065	Đặng Trần Toàn	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17021066	Nguyễn Minh Toàn	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021067	Nguyễn Tiến Toàn	K62CNTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17021069	Bùi Đặng Thu Trà	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17021070	Nguyễn Thị Hương Trà	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021071	Bùi Thị Thu Trang	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021072	Đào Huyền Trang	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021073	Nguyễn Thu Trang	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021074	Nguyễn Quỳnh Trang	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17021075	Nguyễn Thị Huyền Trang	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17021076	Nguyễn Thị Kiều Trang	K62CNTT	0	8,542,400	0	8,542,400	
#REF!	17021077	Nguyễn Thị Minh Trang	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021078	Trần Thị Thu Trang	K62CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17021079	Nguyễn Văn Tráng	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021080	Nguyễn Hữu Trí	K62CNTT	0	4,004,250	0	4,004,250	
#REF!	17021081	Nguyễn Minh Trí	K62CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17021082	Bùi Thị Kiều Trinh	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17021083	Võ Thị Phương Trinh	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021084	Đỗ Quang Trung	K62CNTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17021085	Nguyễn Quang Trung	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021086	Nguyễn Quang Trung	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17021087	Nguyễn Thành Trung	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021088	Thân Thế Trung	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021089	Trần Đức Trung	K62CNTT	0	7,474,600	0	7,474,600	
#REF!	17021090	Đỗ Đình Trường	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17021091	Nguyễn Văn Trường	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17021092	Nguyễn Văn Trường	K62CNTT	0	7,741,550	0	7,741,550	
#REF!	17021093	Trần Xuân Trường	K62CNTT	0	7,474,600	0	7,474,600	
#REF!	17021094	Vũ Quốc Trưởng	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021095	Lê Tuấn Tú	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021096	Nguyễn Văn Tú	K62CNTT	0	7,741,550	0	7,741,550	
#REF!	17021097	Phạm Anh Tú	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021098	Trần Văn Tú	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021099	Trương Thành Tú	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17021100	Nguyễn Văn Tuân	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021101	Bùi Danh Tuấn	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021102	Đỗ Quang Tuấn	K62CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17021104	Nguyễn Anh Tuấn	K62CNTT	0	1,601,700	0	1,601,700	
#REF!	17021105	Nguyễn Anh Tuấn	K62CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17021106	Nguyễn Đăng Tuấn	K62CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
#REF!	17021107	Nguyễn Ngọc Tuấn	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021108	Nguyễn Văn Tuấn	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17021109	Phan Văn Tuấn	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021110	Trần Văn Tuấn	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021111	Đặng Sơn Tùng	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021112	Hoàng Duy Tùng	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021113	Nguyễn Thanh Tùng	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021114	Phạm Thanh Tùng	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021115	Vũ Văn Tùng	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021116	Đinh Văn Tuyên	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17021117	Nông Đình Tuyên	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021118	Phạm Văn Tuyên	K62CNTT	0	7,741,550	0	7,741,550	
#REF!	17021119	Nguyễn Xuân Tự	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
#REF!	17021120	Nguyễn Công Ngọc Tưởng	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021121	Trần Văn Tưởng	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021122	Trịnh Đức Văn	K62CNTT	0	3,470,350	0	3,470,350	
#REF!	17021123	Phạm Thị Ngọc Vân	K62CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17021124	Hà Xuân Việt	K62CNTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17021125	Lã Quốc Việt	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021126	Nguyễn Đức Việt	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021127	Nguyễn Huy Việt	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021128	Nguyễn Sỹ Việt	K62CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
#REF!	17021129	Trần Đại Việt	K62CNTT	0	800,850	0	800,850	
#REF!	17021130	Vũ Minh Việt	K62CNTT	0	9,343,250	0	9,343,250	
#REF!	17021131	Cao Thế Vinh	K62CNTT	0	7,207,650	0	7,207,650	
#REF!	17021132	Lê Thành Vinh	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021133	Lê Xuân Vinh	K62CNTT	0	7,741,550	0	7,741,550	
#REF!	17021134	Đặng Quang Vũ	K62CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17021135	Lê Quang Vũ	K62CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021136	Nguyễn Công Vũ	K62CNTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17021137	Nguyễn Trọng Vũ	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021138	Nguyễn Tuấn Vũ	K62CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021139	Trần Bảo Vũ	K62CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
#REF!	17021140	Vũ Việt Vương	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17021141	Phùng Xuân Vượng	K62CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17021142	Trần Thế Vượng	K62CNTT	0	5,872,900		5,872,900	
#REF!	17021143	Nguyễn Xuân Xá	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021144	Hoàng Thị Yến	K62CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021145	Vũ Thị Hải Yến	K62CNTT	0	7,474,600	0	7,474,600	
#REF!	17021170	Bùi Thị Minh Anh	K62HTTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021171	Nguyễn Thành Đức	K62HTTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17021172	Nguyễn Thị Hà	K62HTTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021173	Lê Quang Hưng	K62HTTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
#REF!	17021174	Phan Hữu Hưng	K62HTTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17021176	Đồng Ngọc Long	K62HTTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
#REF!	17021177	Phạm Thiên Long	K62HTTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021178	Trần Trường Thủy	K62HTTT	0	7,741,550	0	7,741,550	
#REF!	17020019	Lê Mai An	K62KHMT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020020	Vũ Thị Thiên Anh	K62KHMT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020022	Lê Bá Công	K62KHMT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020025	Phạm Ngọc Hiếu	K62KHMT	0	4,271,200	0	4,271,200	
#REF!	17020028	Đỗ Hoàng Khánh	K62KHMT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020031	Nguyễn Thị Ngọc Lan	K62KHMT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17020034	Lê Tuấn Minh	K62KHMT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020035	Nguyễn Nhật Minh	K62KHMT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020036	Nguyễn Nhật Nam	K62KHMT	0	8,275,450	0	8,275,450	
#REF!	17020039	Vương Hải Thanh	K62KHMT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020042	Phạm Thanh Tùng	K62KHMT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17020049	Nguyễn Thành Đạt	K62KHMT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020057	Hoàng Bảo Long	K62KHMT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020064	Nguyễn Đức Thắng	K62KHMT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020069	Đinh Quang Vũ	K62KHMT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020103	Nguyễn Hùng Quang	K62KHMT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17021179	Nguyễn Đăng An	K62KHMT	0	7,207,650	0	7,207,650	
#REF!	17021180	Phạm Lê Việt Anh	K62KHMT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17021181	Nguyễn Hải Bằng	K62KHMT	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17021182	Nguyễn Duy Công	K62KHMT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17021183	Hồ Đức Đạt	K62KHMT	0	7,207,650	0	7,207,650	
#REF!	17021184	Nguyễn Thành Đạt	K62KHMT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021185	Nguyễn Tiến Đạt	K62KHMT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17021186	Nguyễn Thị Phương Đông	K62KHMT	0	7,474,600	0	7,474,600	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
#REF!	17021187	Phạm Minh Đức	K62KHMT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17021188	Phạm Thị Hà	K62KHMT	-564,000	5,072,050	0	4,508,050	Bù trừ BHYT
#REF!	17021191	Nguyễn Huy Hoàng	K62KHMT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021192	Nguyễn Đức Hùng	K62KHMT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17021194	Nguyễn Khả Quang Huy	K62KHMT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17021195	Nguyễn Văn Linh	K62KHMT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17021196	Nguyễn Minh Long	K62KHMT	14,090,000	2,402,550	0	16,492,550	
#REF!	17021197	Vương Bảo Long	K62KHMT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021199	Nguyễn Hoài Nam	K62KHMT	0	7,474,600	0	7,474,600	
#REF!	17021200	Trần Phương Nam	K62KHMT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17021201	Nguyễn Trọng Nghĩa	K62KHMT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021203	Trần Văn Quân	K62KHMT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17020154	Đoàn Mạnh Cường	K62KTĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17020157	Lê Mạnh Hùng	K62KTĐT	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17020158	Phạm Tiến Mạnh	K62KTĐT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020159	Phùng Hoài Nam	K62KTĐT	0	800,850	0	800,850	
#REF!	17020160	Vũ Phương Nam	K62KTĐT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020161	Cao Huy Nhật	K62KTĐT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17020162	Nguyễn Văn Sang	K62KTĐT	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17020163	Dương Tiến Trung	K62KTĐT	300,000	6,673,750	0	6,973,750	Phòng KHTC thu thiếu GDQP
#REF!	17020479	Vũ Hương Giang	K62KTĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17020480	Hoàng Đức Hùng	K62KTĐT	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17020481	Phạm Xuân Thanh	K62KTĐT	0	7,207,650	0	7,207,650	
#REF!	17020482	Hoàng Thị Thu Tính	K62KTĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17020484	Đào Xuân Truyền	K62KTĐT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021361	Đặng Tài Đạt	K62KTMT	-525,420	800,850	0	275,430	
#REF!	17021363	Đào Văn Bang	K62KTNL	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17021364	Nguyễn Quốc Cường	K62KTNL	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17021365	Nguyễn Tiến Dũng	K62KTNL	0	7,207,650	0	7,207,650	
#REF!	17021367	Vũ Thanh Hà	K62KTNL	15,350,000	5,605,950	0	20,955,950	
#REF!	17021368	Phạm Trung Hiếu	K62KTNL	0	7,474,600	0	7,474,600	
#REF!	17021369	Nguyễn Mạnh Hoan	K62KTNL	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021370	Đỗ Quang Hợp	K62KTNL	0	7,474,600	0	7,474,600	
#REF!	17021371	Phạm Thị Thanh Huyền	K62KTNL	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17021372	Lường Thị Lan	K62KTNL	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17021375	Nguyễn Bùi Lưu	K62KTNL	0	7,207,650	0	7,207,650	
#REF!	17021376	Nguyễn Công Minh	K62KTNL	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17021378	Nguyễn Phương Nam	K62KTNL	0	7,207,650	0	7,207,650	
#REF!	17021379	Dương Văn Quang	K62KTNL	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021380	Trần Trọng Quyền	K62KTNL	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17021382	Phạm Mạnh Toàn	K62KTNL	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17021383	Nguyễn Thị Trang	K62KTNL	0	800,850	0	800,850	
#REF!	17021384	Vũ Nam Trường	K62KTNL	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17021385	Nguyễn Quốc Tuấn	K62KTNL	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17020170	Nguyễn Quang Minh	K62TT-MMT	0	4,805,100	0	4,805,100	
#REF!	17021386	Ngô Duy Đạt	K62TT-MMT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021387	Ngô Thị Mai Hạnh	K62TT-MMT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021388	Trần Hiếu	K62TT-MMT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17021389	Đỗ Thiện Hợp	K62TT-MMT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17021390	Nguyễn Phượng Linh	K62TT-MMT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021391	Trần Bá Linh	K62TT-MMT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021392	Thái Khắc Nguyên	K62TT-MMT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17021393	Phạm Ngọc Tuân	K62TT-MMT	0	7,207,650	0	7,207,650	
#REF!	17020171	Nguyễn Trọng Hòa	K62VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
#REF!	17021394	Nguyễn Thế Quân Anh	K62VLKT	0	6,139,850	0	6,139,850	
#REF!	17021395	Vũ Bá Bảo	K62VLKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17021397	Đỗ Văn Chính	K62VLKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17021399	Lê Văn Cường	K62VLKT	0	5,072,050	0	5,072,050	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
#REF!	17021400	Trần Tiến Dũng	K62VLKT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021401	Nguyễn Anh Duy	K62VLKT	13,951,000	800,850	0	14,751,850	
#REF!	17021402	Vũ Thị Duyên	K62VLKT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021403	Trần Văn Đắc	K62VLKT	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17021404	Nguyễn Văn Điệp	K62VLKT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021406	Trần Hữu Hậu	K62VLKT	3,934,000	800,850	0	4,734,850	
#REF!	17021407	Trần Bá Hiến	K62VLKT	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17021408	Huỳnh Ngọc Hiếu	K62VLKT	9,231,000	800,850	0	10,031,850	
#REF!	17021410	Nguyễn Việt Hoàng	K62VLKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17021412	Trần Thị Hồng	K62VLKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17021413	Bùi Mạnh Hùng	K62VLKT	0	3,737,300	0	3,737,300	
#REF!	17021414	Mai Thế Hùng	K62VLKT	0	800,850	0	800,850	
#REF!	17021415	Nguyễn Mạnh Hùng	K62VLKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
#REF!	17021416	Nguyễn Như Hùng	K62VLKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17021417	Nguyễn Văn Hùng	K62VLKT	0	5,872,900	0	5,872,900	
#REF!	17021419	Nguyễn Đình Huy	K62VLKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17021420	Nguyễn Xuân Huyến	K62VLKT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021421	Chu Thành Hưng	K62VLKT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021422	Phạm Thị Bích Hường	K62VLKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17021423	Nguyễn Duy Khánh	K62VLKT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021424	Hoàng Văn Kiên	K62VLKT	0	6,139,850	0	6,139,850	
#REF!	17021425	Phạm Hoàng Lâm	K62VLKT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021427	Nguyễn Thị Lượng	K62VLKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17021428	Ngô Huyền My	K62VLKT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021429	Nguyễn Văn Nam	K62VLKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17021430	Đinh Hồng Phong	K62VLKT	0	6,139,850	0	6,139,850	
#REF!	17021431	Dương Nguyễn Thiên Phúc	K62VLKT	0	6,139,850	0	6,139,850	
#REF!	17021432	Nguyễn Viết Phúc	K62VLKT	9,216,000	800,850	0	10,016,850	
#REF!	17021434	Nguyễn Văn Quý	K62VLKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17021435	Trần Đức Quý	K62VLKT	0	6,940,700	0	6,940,700	
#REF!	17021437	Trịnh Xuân Quỳnh	K62VLKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17021439	Phạm Hồng Sơn	K62VLKT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021440	Nguyễn Trung Tá	K62VLKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
#REF!	17021441	Nguyễn Thị Thanh Tâm	K62VLKT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021442	Nguyễn Đăng Thành	K62VLKT	0	6,673,750	0	6,673,750	
#REF!	17021443	Trần Văn Thành	K62VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
#REF!	17021444	Phạm Văn Thuần	K62VLKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17021445	Phạm Thị Trang	K62VLKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17021448	Nguyễn Bá Tuấn	K62VLKT	0	8,809,350	0	8,809,350	
#REF!	17021449	Vương Anh Tuấn	K62VLKT	0	5,072,050	0	5,072,050	
#REF!	17021450	Nguyễn Thị Vân	K62VLKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
#REF!	17021451	Nguyễn Đình Việt	K62VLKT	0	6,139,850	0	6,139,850	
#REF!	17021452	Đỗ Quang Vinh	K62VLKT	0	800,850	0	800,850	
#REF!	17021453	Nguyễn Ngọc Vỹ	K62VLKT	0	5,072,050	0	5,072,050	
		TỔNG K62		**185,766,580**	**5,528,641,280**	**0**	**5,714,407,860**	
1	18020102	Nguyễn Duy An	K63CHKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
2	18020137	Đỗ Ngọc Anh	K63CHKT	0	7,474,600	0	7,474,600	
3	18020152	Dương Thị Vân Anh	K63CHKT	0	6,139,850	0	6,139,850	
4	18020164	Phạm Thế Anh	K63CHKT	0	6,673,750	0	6,673,750	
5	18020176	Nguyễn Hồng ánh	K63CHKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
6	18020178	Phạm Văn ánh	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
7	18020181	Đỗ Thị Kim ánh	K63CHKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
8	18020188	Trần Trọng Bắc	K63CHKT	0	4,805,100	0	4,805,100	
9	18020191	Lê Xuân Bách	K63CHKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
10	18020202	Phạm Đức Bảo	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
11	18020207	Đào Việt Bích	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
12	18020226	Lương Đức Chiến	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
13	18020228	Nguyễn Đức Chiến	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
14	18020284	Phùng Quang Đạt	K63CHKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
15	18020289	Trần Quang Đạt	K63CHKT	6,279,775	6,139,850	0	12,419,625	
16	18020332	Phan Đặng Minh Đức	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
17	18020346	Trần Minh Đức	K63CHKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
18	18020374	Nguyễn Văn Dũng	K63CHKT	-4,900	5,872,900	0	5,868,000	Bù trừ do nộp thừa BHYT
19	18020407	Lý Văn Đương	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
20	18020415	Trương Khánh Duy	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
21	18020416	Nguyễn Mạnh Duy	K63CHKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
22	18020426	Vũ Đình Giang	K63CHKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
23	18020427	Nguyễn Hoàng Giang	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
24	18020437	Trần Bảo Hà	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
25	18020448	Lưu Hữu Hải	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
26	18020462	Nguyễn Đình Hảo	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
27	18020467	Nguyễn Huy Hậu	K63CHKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
28	18020470	Lê Đức Hiền	K63CHKT	4,496,000	6,139,850	0	10,635,850	
29	18020483	Trần Đức Hiếu	K63CHKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
30	18020504	Vũ Trung Hiếu	K63CHKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
31	18020508	Lê Công Hiếu	K63CHKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
32	18020509	Nguyễn Trung Hiếu	K63CHKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
33	18020521	Vũ Đình Hiệu	K63CHKT	0	6,139,850	0	6,139,850	
34	18020540	Trần Quốc Hoàn	K63CHKT	0	6,139,850	0	6,139,850	
35	18020563	Nguyễn Bá Hoàng	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
36	18020569	Trần Việt Hoàng	K63CHKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
37	18020572	Nguyễn Việt Hoàng	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
38	18020650	Ngô Quang Huy	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
39	18020652	Phạm Văn Huy	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
40	18020660	Nguyễn Đình Huy	K63CHKT	0	6,139,850	0	6,139,850	
41	18020676	Vương Nhĩ Khang	K63CHKT	0	6,139,850	0	6,139,850	
42	18020678	Nguyễn Ngọc Khang	K63CHKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
43	18020681	Hoàng Xuân Khanh	K63CHKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
44	18020705	Trần Ngọc Khánh	K63CHKT	4,496,000	5,605,950	0	10,101,950	
45	18020718	Phạm Văn Khỏe	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
46	18020736	Đỗ Trung Kiên	K63CHKT	0	6,673,750	0	6,673,750	
47	18020746	Hoàng Xuân Lâm	K63CHKT	0	6,139,850	0	6,139,850	
48	18020760	Nguyễn Quang Linh	K63CHKT	0	3,069,925	0	3,069,925	
49	18020783	Nguyễn Xuân Lộc	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
50	18020797	Nguyễn Đình Long	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
51	18020800	Nguyễn Văn Long	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
52	18020802	Vương Xuân Long	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
53	18020803	Nguyễn Bá Long	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
54	18020811	Nguyễn Văn Long	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
55	18020819	Phùng Trọng Long	K63CHKT	0	6,139,850	0	6,139,850	
56	18020827	Lê Kim Tuấn Long	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
57	18020838	Trịnh Văn Long	K63CHKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
58	18020841	Nguyễn Hoàng Long	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
59	18020842	Phạm Hải Long	K63CHKT	0	6,139,850	0	6,139,850	
60	18020846	Nguyễn Thành Long	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
61	18020863	Đặng Trần Luật	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
62	18020887	Nguyễn Công Mạnh	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
63	18020913	Ngô Nhật Minh	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
64	18021019	Trần Duy Phương	K63CHKT	0	7,207,650	0	7,207,650	
65	18021028	Viên Đình Phương	K63CHKT	0	6,940,700	0	6,940,700	
66	18021061	Nguyễn Hữu Quý	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
67	18021068	Nguyễn Công Quyền	K63CHKT	0	7,207,650	0	7,207,650	
68	18021073	Phan Huy Sang	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
69	18021083	Đặng Thái Sơn	K63CHKT	0	6,940,700	0	6,940,700	
70	18021094	Phạm Thanh Sơn	K63CHKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
71	18021104	Hoàng Khắc Sơn	K63CHKT	0	5,605,950	0	5,605,950	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
72	18021106	Hoàng Văn Sỹ	K63CHKT	0	6,139,850	0	6,139,850	
73	18021149	Lại Đình Thắng	K63CHKT	0	7,207,650	0	7,207,650	
74	18021154	Phạm Văn Thắng	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
75	18021184	Nguyễn Xuân Thành	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
76	18021200	Quyền Đình Thạo	K63CHKT	0	6,139,850	0	6,139,850	
77	18021218	Vũ Công Thiết	K63CHKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
78	18021223	Lê Canh Thìn	K63CHKT	0	6,139,850	0	6,139,850	
79	18021224	Đỗ Đức Thịnh	K63CHKT	7,107,775	6,406,800	0	13,514,575	
80	18021259	Nguyễn Trọng Thưởng	K63CHKT	0	6,673,750	0	6,673,750	
81	18021282	Vũ Thế Toàn	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
82	18021284	Nguyễn Đức Toàn	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
83	18021287	Nguyễn Khánh Toàn	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
84	18021300	Phạm Huyền Trang	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
85	18021305	Nguyễn Minh Trí	K63CHKT	10,225,775	6,139,850	0	16,365,625	
86	18021328	Mai Văn Trung	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
87	18021329	Nguyễn Đắc Trung	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
88	18021330	Lưu Quang Trung	K63CHKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
89	18021341	Nguyễn Đức Trường	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
90	18021358	Vương Văn Tuân	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
91	18021375	Nguyễn Anh Tuấn	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
92	18021380	Lê Đức Anh Tuấn	K63CHKT	0	7,207,650	0	7,207,650	
93	18021384	Phan Văn Tuấn	K63CHKT	0	6,940,700	0	6,940,700	
94	18021445	Lê Xuân Vương	K63CHKT	0	7,207,650	0	7,207,650	
95	18021453	Đinh Văn ý	K63CHKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
96	18020001	Hoàng Vũ Duy Anh	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
97	18020006	Lê Văn Cường	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
98	18020007	Nguyễn Tấn Đạt	K63CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
99	18020013	Phạm Việt Dũng	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
100	18020015	Phan Hữu Duy	K63CNTT	0	2,002,125	0	2,002,125	
101	18020019	Thái Phi Hoàng	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
102	18020020	Chu Văn Hưng	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
103	18020022	Đặng Quang Huy	K63CNTT	0	4,004,250	0	4,004,250	
104	18020023	Ngô Đức Huy	K63CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
105	18020024	Vũ Trần Quang Huy	K63CNTT	0	4,004,250	0	4,004,250	
106	18020029	Bùi Quang Long	K63CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
107	18020030	Nguyễn Nhật Long	K63CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
108	18020033	Lê Hồng Long	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
109	18020034	Ngô Xuân Long	K63CNTT	0	3,737,300	0	3,737,300	
110	18020039	Cao Duy Mạnh	K63CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
111	18020042	Phạm Quang Minh	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
112	18020043	Nguyễn Hải Nam	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
113	18020044	Phạm Tuấn Nghĩa	K63CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
114	18020045	Nguyễn Văn Ngọc	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
115	18020049	Lại Ngọc Tân	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
116	18020056	Nguyễn Tiến Trọng	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
117	18020057	Nguyễn Xuân Trường	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
118	18020058	Nguyễn Cẩm Tú	K63CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
119	18020060	Lê Đức Tùng	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
120	18020062	Hoàng Quốc Việt	K63CNTT	0	4,004,250	0	4,004,250	
121	18020065	Nguyễn Quang Vinh	K63CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
122	18020067	Đinh Mai Phương	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
123	18020070	Trịnh Tuấn Hùng	K63CNTT	-108,225	7,207,650	0	7,099,425	Bù trừ LP nhập học
124	18020073	Trần Minh Toàn	K63CNTT	0	3,737,300	0	3,737,300	
125	18020105	Ngô Văn An	K63CNTT	0	7,474,600	0	7,474,600	
126	18020108	Nguyễn Văn An	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
127	18020113	Nguyễn Hoàng Anh	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
128	18020117	Lại Tuấn Anh	K63CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
129	18020120	Nguyễn Tấn Việt Anh	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
130	18020122	Trần Việt Anh	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
131	18020127	Nguyễn Đức Anh	K63CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
132	18020136	Đỗ Quang Anh	K63CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
133	18020140	Nguyễn Tuấn Anh	K63CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
134	18020143	Nguyễn Đức Anh	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
135	18020146	Nguyễn Tú Anh	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
136	18020153	Phạm Đức Anh	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
137	18020165	Nguyễn Việt Anh	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
138	18020169	Đỗ Tuấn Anh	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
139	18020170	Lường Việt Anh	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
140	18020172	Võ Việt Anh	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
141	18020184	Nguyễn Hồ Bắc	K63CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
142	18020187	Phan Bắc	K63CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
143	18020192	Nguyễn Văn Bách	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
144	18020193	Lưu Xuân Bách	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
145	18020195	Nguyễn An Bằng	K63CNTT	0	4,004,250	0	4,004,250	
146	18020196	Nguyễn Hữu Bằng	K63CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
147	18020197	Đỗ Minh Bằng	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
148	18020198	Võ Lương Bằng	K63CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
149	18020199	Đậu Hữu Bằng	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
150	18020201	Nguyễn Thị Thanh Bảo	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
151	18020203	Nguyễn Gia Bảo	K63CNTT	0	3,737,300	0	3,737,300	
152	18020209	Lương Cao Biền	K63CNTT	0	3,737,300	0	3,737,300	
153	18020210	Nguyễn Đình Biển	K63CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
154	18020217	Phạm Quang Bình	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
155	18020218	Phan Thanh Bình	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
156	18020220	Nguyễn Ninh Chi	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
157	18020221	Nguyễn Ngọc Chi	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
158	18020230	Nguyễn Như Chiến	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
159	18020233	Bùi Cao Chinh	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
160	18020234	Đỗ Văn Chinh	K63CNTT	0	4,004,250	0	4,004,250	
161	18020243	Đào Đình Công	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
162	18020244	Trần Văn Công	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
163	18020246	Lê Minh Công	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
164	18020251	Lê Mạnh Cường	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
165	18020252	Nguyễn Mạnh Cường	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
166	18020255	Đồng Minh Cường	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
167	18020257	Lê Mạnh Cường	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
168	18020258	Nguyễn Việt Cường	K63CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
169	18020259	Nguyễn Kiên Cường	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
170	18020261	Nguyễn Cao Cường	K63CNTT	0	7,207,650	0	7,207,650	
171	18020262	Trần Quốc Cường	K63CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
172	18020263	Lương Thế Đại	K63CNTT	-564,000	6,673,750	0	6,109,750	Bù trừ BHYT
173	18020264	Phạm Trọng Đại	K63CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
174	18020265	Nguyễn Đức Quốc Đại	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
175	18020267	Phạm Thị Dân	K63CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
176	18020270	Lương Ngọc Đăng	K63CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
177	18020272	Lưu Hải Đăng	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
178	18020274	Bạch Trọng Đạo	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
179	18020281	Nguyễn Tiến Đạt	K63CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
180	18020285	Phạm Tiến Đạt	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
181	18020287	Nguyễn Tiến Đạt	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
182	18020291	Nguyễn Thành Đạt	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
183	18020293	Vũ Trọng Đạt	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
184	18020297	Nguyễn Thành Đạt	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
185	18020299	Nông Thị Diễm	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
186	18020305	Nguyễn Quang Dĩnh	K63CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
187	18020306	Lê Ngọc Đình	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
188	18020310	Vũ Thị Dịu	K63CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
189	18020316	Vũ Văn Đông	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
190	18020319	Nguyễn Anh Đức	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
191	18020326	Phạm Ngọc Việt Đức	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
192	18020329	Vũ Minh Đức	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
193	18020331	Bùi Đăng Đức	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
194	18020340	Phan Việt Đức	K63CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
195	18020341	Trần Mạnh Đức	K63CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
196	18020342	Vũ Trọng Đức	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
197	18020345	Đỗ Trung Đức	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
198	18020348	Lê Năng Đức	K63CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
199	18020351	Nguyễn Văn Đức	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
200	18020352	Lê Văn Đức	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
201	18020353	Nguyễn Chương Đức	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
202	18020359	Lê Anh Dũng	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
203	18020361	Nguyễn Quốc Dũng	K63CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
204	18020364	Nguyễn Mạnh Dũng	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
205	18020365	Nguyễn Đức Dũng	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
206	18020369	Phạm Mạnh Dũng	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
207	18020371	Ngô Đức Dũng	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
208	18020373	Nguyễn Tiến Dũng	K63CNTT	0	4,004,250	0	4,004,250	
209	18020377	Hoàng Trung Dũng	K63CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
210	18020380	Lê Tuấn Dũng	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
211	18020383	Nguyễn Trí Dũng	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
212	18020384	Trần Quốc Dũng	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
213	18020396	Hoàng Anh Dương	K63CNTT	0	1,441,530	0	1,441,530	
214	18020399	Bùi Xuân Dương	K63CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
215	18020400	Vũ Đức Dương	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
216	18020402	Tô Hải Dương	K63CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
217	18020405	Phạm Văn Dương	K63CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
218	18020406	Đoàn Đình Dương	K63CNTT	0	3,470,350	0	3,470,350	
219	18020409	Nguyễn Tiến Duy	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
220	18020413	Lê Quang Duy	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
221	18020417	Nguyễn Khắc Duy	K63CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
222	18020419	Nguyễn Hùng Duy	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
223	18020420	Phạm Ngọc Duy	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
224	18020432	Hoàng Văn Giáp	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
225	18020442	Triệu Vũ Hải	K63CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
226	18020445	Đào Minh Hải	K63CNTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
227	18020450	Trần Thanh Hải	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
228	18020453	Phạm Ngọc Hải	K63CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
229	18020456	Phạm Xuân Hanh	K63CNTT	0	8,008,500	0	8,008,500	
230	18020457	Lê Thị Hạnh	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
231	18020459	Ngô Văn Hào	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
232	18020460	Hoàng Dương Hào	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
233	18020466	Hoàng Văn Hậu	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
234	18020469	Trần Thị Hoa Hiên	K63CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
235	18020482	Nguyễn Minh Hiếu	K63CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
236	18020486	Đinh Trọng Hiếu	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
237	18020491	Bùi Đức Hiếu	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
238	18020499	Đinh Ngọc Hiếu	K63CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
239	18020513	Vũ Minh Hiếu	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
240	18020525	Nguyễn Xuân Hòa	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
241	18020529	Hà Văn Hoài	K63CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
242	18020530	Đỗ Thị Thu Hoài	K63CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
243	18020531	Phạm Văn Hoan	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
244	18020535	Đào Minh Hoàn	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
245	18020538	Phạm Văn Hoàn	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
246	18020539	Ngô Ngọc Hoàn	K63CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
247	18020546	Nguyễn Huy Hoàng	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
248	18020556	Dương Minh Hoàng	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
249	18020560	Lê Việt Hoàng	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
250	18020564	Phạm Văn Hoàng	K63CNTT	0	7,207,650	0	7,207,650	
251	18020571	Nguyễn Huy Hoàng	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
252	18020573	Phan Việt Hoàng	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
253	18020576	Đinh Lê Hoàng	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
254	18020579	Trần Đức Huân	K63CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
255	18020581	Đặng Văn Huấn	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
256	18020583	Nguyễn Mạnh Hùng	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
257	18020584	Phạm Thanh Hùng	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
258	18020585	Nguyễn Hữu Hùng	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
259	18020586	Trương Tuấn Hùng	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
260	18020587	Nguyễn Mạnh Hùng	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
261	18020590	Nguyễn Văn Hùng	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
262	18020593	Vũ Mạnh Hùng	K63CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
263	18020601	Nguyễn Mạnh Hùng	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
264	18020607	Đặng Tuấn Hưng	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
265	18020611	Phùng Tiến Hưng	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
266	18020614	Phạm Ngọc Hưng	K63CNTT	0	4,004,250	0	4,004,250	
267	18020626	Nguyễn Chính Hữu	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
268	18020629	Chu Thái Huy	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
269	18020634	Phạm Khánh Huy	K63CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
270	18020636	Lê Xuân Huy	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
271	18020640	Nguyễn Quốc Huy	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
272	18020641	Lê Đức Huy	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
273	18020644	Nguyễn Hữu Huy	K63CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
274	18020645	Đoàn Văn Huy	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
275	18020651	Nguyễn Văn Huy	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
276	18020653	Đặng Quang Huy	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
277	18020655	Phạm Văn Huy	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
278	18020659	Lê Đức Huy	K63CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
279	18020663	Tạ Thị Huyền	K63CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
280	18020666	Nguyễn Thanh Huyền	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
281	18020667	Hoàng Ngọc Huyền	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
282	18020669	Bùi Xuân Khải	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
283	18020671	Bùi Quang Khải	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
284	18020674	Cù Phúc Khang	K63CNTT	10,993,775	2,135,600	0	13,129,375	
285	18020675	Trần Trọng Nguyễn Khang	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
286	18020688	Nguyễn Ngọc Khánh	K63CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
287	18020695	Nguyễn Đức Khánh	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
288	18020699	Nguyễn Quốc Khánh	K63CNTT	0	1,681,785	0	1,681,785	
289	18020707	Lê Quốc Khánh	K63CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
290	18020711	Nguyễn Gia Khiêm	K63CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
291	18020713	Phạm Minh Khiêm	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
292	18020714	Lê Bỉnh Khiêm	K63CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
293	18020720	Nguyễn Hòa Khôi	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
294	18020721	Nguyễn Đức Khôi	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
295	18020723	Đoàn Trọng Khôi	K63CNTT	0	4,004,250	0	4,004,250	
296	18020725	Nguyễn Phúc Khởi	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
297	18020726	Trần Minh Khương	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
298	18020730	Nguyễn Trung Kiên	K63CNTT	9,944,775	4,538,150	0	14,482,925	
299	18020731	Nguyễn Trung Kiên	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
300	18020732	Đào Trung Kiên	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
301	18020740	Trịnh Thị Kim	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
302	18020742	Nguyễn Xuân Lâm	K63CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
303	18020748	Nguyễn Hoài Lâm	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
304	18020749	Đỗ Xuân Lâm	K63CNTT	0	1,067,800	0	1,067,800	
305	18020750	Nguyễn Ngọc Lan	K63CNTT	0	3,737,300	0	3,737,300	
306	18020767	Nguyễn Thị Ngọc Linh	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
307	18020768	Phạm Ngọc Linh	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
308	18020772	Phạm Mai Linh	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
309	18020776	Nguyễn Thùy Linh	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
310	18020778	Nguyễn Hồng Lĩnh	K63CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
311	18020781	Nguyễn Hữu Lộc	K63CNTT	0	7,741,550	0	7,741,550	
312	18020784	Nguyễn Xuân Lộc	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
313	18020801	Đỗ Văn Long	K63CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
314	18020805	Nguyễn Hoàng Long	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
315	18020821	Lê Văn Long	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
316	18020822	Nguyễn Ngọc Long	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
317	18020823	Nguyễn Cao Bảo Long	K63CNTT	0	4,004,250	0	4,004,250	
318	18020832	Phạm Đức Long	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
319	18020834	Lê Hoàng Long	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
320	18020835	Vũ Thăng Long	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
321	18020837	Vũ Văn Long	K63CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
322	18020845	Hoàng Thanh Long	K63CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
323	18020847	Phạm Văn Long	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
324	18020851	Lê Đăng Hoàng Long	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
325	18020853	Trương Hoàng Long	K63CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
326	18020855	Nguyễn Hoàng Long	K63CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
327	18020856	Trần Thanh Long	K63CNTT	0	2,669,500	0	2,669,500	
328	18020860	Nguyễn Văn Luân	K63CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
329	18020864	Nguyễn Đồng Lực	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
330	18020874	Nguyễn Thị Mai	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
331	18020877	Nguyễn Văn Mạnh	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
332	18020878	Phùng Quốc Mạnh	K63CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
333	18020881	Nguyễn Văn Mạnh	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
334	18020882	Đặng Sỹ Mạnh	K63CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
335	18020883	Nguyễn Huy Mạnh	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
336	18020885	Đặng Văn Mạnh	K63CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
337	18020886	Lê Đức Mạnh	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
338	18020888	Nguyễn Quang Minh	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
339	18020890	Hoàng Đức Minh	K63CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
340	18020893	Phạm Công Minh	K63CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
341	18020895	Trần Quang Minh	K63CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
342	18020896	Trần Khánh Minh	K63CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
343	18020901	Nguyễn Đức Minh	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
344	18020902	Trần Công Minh	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
345	18020908	Đào Đức Minh	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
346	18020910	Nguyễn Xuân Minh	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
347	18020914	Nguyễn Ngọc Minh	K63CNTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
348	18020916	Phan Văn Minh	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
349	18020920	Nguyễn Văn Nam	K63CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
350	18020921	Lưu Hoàng Nam	K63CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
351	18020923	Đỗ Văn Nam	K63CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
352	18020925	Nguyễn Thành Nam	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
353	18020927	Trần Nguyễn Phương Nam	K63CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
354	18020928	Bùi Văn Nam	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
355	18020930	Nguyễn Duy Nam	K63CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
356	18020931	Nguyễn Đăng Nam	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
357	18020937	Nguyễn Thành Nam	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
358	18020941	Đỗ Nam	K63CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
359	18020942	Nguyễn Văn Nam	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
360	18020943	Trịnh Thị Nga	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
361	18020945	Lê Hữu Nghĩa	K63CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
362	18020946	Đào Đình Nghĩa	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
363	18020952	Tạ Quang Ngọc	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
364	18020956	Phạm Thị Bích Ngọc	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
365	18020960	Đặng Xuân Ngọc	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
366	18020961	Phạm Văn Ngọc	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
367	18020964	Vương An Nguyên	K63CNTT	4,215,000	4,538,150	0	8,753,150	
368	18020970	Triệu Đình Nguyện	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
369	18020972	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
370	18020979	Ngô Sách Nhật	K63CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
371	18020982	Trịnh Thị Nhung	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
372	18020983	Trần Thị Nhung	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
373	18020985	Nguyễn Duy Niên	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
374	18020988	Vũ Thị Oanh	K63CNTT	0	4,004,250	0	4,004,250	
375	18020998	Hoàng Trung Phong	K63CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
376	18021000	Ngô Quang Phong	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
377	18021003	Nguyễn Viết Nam Phong	K63CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
378	18021015	Vũ Minh Phụng	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
379	18021020	Nguyễn Đức Phương	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
380	18021025	Nguyễn Thị Thu Phương	K63CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
381	18021026	Mai Thanh Phương	K63CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
382	18021044	Nguyễn Minh Quang	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
383	18021045	Nguyễn Minh Quang	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
384	18021054	Trần Văn Quang	K63CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
385	18021060	Nguyễn Trọng Quốc	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
386	18021074	Nguyễn Minh Sáng	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
387	18021075	Nguyễn Quốc Sinh	K63CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
388	18021076	Vương Tuấn Sơn	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
389	18021079	Nguyễn Ngọc Sơn	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
390	18021085	Hoàng Ngọc Sơn	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
391	18021087	Nguyễn Thanh Sơn	K63CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
392	18021089	Trịnh Lê Sơn	K63CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
393	18021110	Phạm Quang Tài	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
394	18021111	Nguyễn Đức Tài	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
395	18021112	Thái Duy Tài	K63CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
396	18021116	Nguyễn Văn Tâm	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
397	18021117	Bùi Linh Tâm	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
398	18021118	Lê Thị Tâm	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
399	18021120	Phạm Như Thiên Tân	K63CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
400	18021124	Phạm Trọng Tấn	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
401	18021127	Chung Trần Thạch	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
402	18021129	Nguyễn Hồng Thái	K63CNTT	0	3,737,300	0	3,737,300	
403	18021132	Nguyễn Hồng Thái	K63CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
404	18021134	Nguyễn Thị Hồng Thắm	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
405	18021140	Phạm Việt Thắng	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
406	18021143	Phạm Ngọc Thắng	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
407	18021145	Nguyễn Đức Thắng	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
408	18021146	Nguyễn Đức Thắng	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
409	18021147	Nguyễn Đức Thắng	K63CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
410	18021150	Vũ Hữu Thắng	K63CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
411	18021151	Nguyễn Minh Thắng	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
412	18021158	Nguyễn Văn Thắng	K63CNTT	0	1,681,785	0	1,681,785	
413	18021160	Lê Đức Thắng	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
414	18021161	Vũ Văn Thắng	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
415	18021170	Nguyễn Tuấn Thành	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
416	18021171	Đoàn Văn Thành	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
417	18021175	Nguyễn Chí Thành	K63CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
418	18021177	Nguyễn Minh Thành	K63CNTT	0	2,749,585	0	2,749,585	
419	18021181	Bùi Quang Thành	K63CNTT	0	2,402,550	0	2,402,550	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
420	18021183	Ngô Đức Thành	K63CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
421	18021186	Vương Tiến Thành	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
422	18021192	Đinh Kim Thành	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
423	18021193	Mai Tiến Thành	K63CNTT	0	3,737,300	0	3,737,300	
424	18021194	Nguyễn Duy Thành	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
425	18021195	Trương Gia Bảo Thao	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
426	18021196	Lê Thị Thảo	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
427	18021197	Nguyễn Trọng Thảo	K63CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
428	18021198	Nguyễn Phương Thảo	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
429	18021199	Vũ Thanh Thảo	K63CNTT	-564,000	5,339,000	0	4,775,000	Bù trừ BHYT
430	18021207	Nguyễn Minh Thi	K63CNTT	0	4,004,250	0	4,004,250	
431	18021208	Nguyễn Thị Thiêm	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
432	18021211	Hoàng Văn Thiện	K63CNTT	0	2,936,450	0	2,936,450	
433	18021213	Phạm Văn Thiện	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
434	18021217	Trần Khắc Thiện	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
435	18021219	Hoàng Vũ Thiết	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
436	18021221	Nguyễn Hữu Thìn	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
437	18021231	Phạm Quang Thịnh	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
438	18021233	Tăng Đức Thịnh	K63CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
439	18021238	Trần Văn Thời	K63CNTT	1,577,775	5,339,000	0	6,916,775	
440	18021240	Lưu Thị Hoài Thu	K63CNTT	0	1,681,785	0	1,681,785	
441	18021241	Đoàn Xuân Thu	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
442	18021242	Nguyễn Thị Hoài Thu	K63CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
443	18021245	Trịnh Thị Thư	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
444	18021246	Nguyễn Trung Thứ	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
445	18021250	Nguyễn Công Thuận	K63CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
446	18021253	Phạm Ngọc Thuận	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
447	18021255	Phạm Trung Thức	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
448	18021257	Hoàng Trung Thực	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
449	18021258	Nguyễn Trọng Thường	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
450	18021269	Nguyễn Mạnh Tiến	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
451	18021273	Vũ Ngọc Tiến	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
452	18021277	Nguyễn Thái Tiệp	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
453	18021279	Vương Thành Toàn	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
454	18021290	Trần Đức Toản	K63CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
455	18021292	Nguyễn Đức Tới	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
456	18021294	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	K63CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
457	18021298	Trịnh Thị Thu Trang	K63CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
458	18021301	Vũ Quỳnh Trang	K63CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
459	18021303	Đỗ Công Tráng	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
460	18021306	Lê Hữu Trí	K63CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
461	18021310	Trịnh Xuân Trình	K63CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
462	18021311	Nguyễn Tiến Trình	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
463	18021313	Phạm Văn Trọng	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
464	18021315	Lý Hà Trung	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
465	18021318	Vũ Thành Trung	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
466	18021324	Nguyễn Ngọc Trung	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
467	18021335	Nguyễn Phú Trường	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
468	18021336	Nguyễn Đắc Trường	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
469	18021337	Nguyễn Văn Trường	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
470	18021340	Dương Văn Trường	K63CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
471	18021345	Nguyễn Huy Trường	K63CNTT	-564,000	4,538,150	0	3,974,150	Bù trừ BHYT
472	18021348	Nguyễn Hoàng Tú	K63CNTT	0	1,067,800	0	1,067,800	
473	18021351	Nguyễn Anh Tú	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
474	18021354	Trần Văn Tú	K63CNTT	0	3,737,300	0	3,737,300	
475	18021359	Phạm Ngọc Tuân	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
476	18021360	Hoàng Minh Tuấn	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
477	18021367	Đặng Văn Tuấn	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
478	18021373	Lê Minh Tuấn	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
479	18021374	Đàm Anh Tuấn	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
480	18021376	Nguyễn Anh Tuấn	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
481	18021377	Nguyễn Anh Tuấn	K63CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
482	18021382	Trịnh Anh Tuấn	K63CNTT	0	4,004,250	0	4,004,250	
483	18021388	Lê Trần Hải Tùng	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
484	18021391	Kiều Văn Tùng	K63CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
485	18021395	Lê Thanh Tùng	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
486	18021404	Bùi Quang Tùng	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
487	18021405	Hoàng Thanh Tùng	K63CNTT	0	6,673,750	0	6,673,750	
488	18021406	Đinh Quang Tùng	K63CNTT	0	6,406,800	0	6,406,800	
489	18021412	Vũ Tố Uyên	K63CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
490	18021414	Đỗ Ngọc Thanh Vân	K63CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
491	18021415	Võ Thị Vân	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
492	18021420	Lê Xuân Việt	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
493	18021428	Đỗ Thành Vinh	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
494	18021434	Vũ Hữu Hải Vũ	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
495	18021436	Trần Anh Vũ	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
496	18021439	Hoàng Tuấn Vũ	K63CNTT	-564,000	6,406,800	0	5,842,800	Bù trừ BHYT
497	18021442	Phạm Trường Vũ	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
498	18021451	Nguyễn Thị Xuân	K63CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
499	18021452	Nguyễn Văn Xuân	K63CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
500	18020002	Đinh Việt Anh	K63CNTT-NB	0	5,872,900	0	5,872,900	
501	18020063	Nguyễn Hoàng Việt	K63CNTT-NB	0	6,406,800	0	6,406,800	
502	18020174	Trần Đức Anh	K63HKVT	0	6,406,800	0	6,406,800	
503	18020180	Vũ Duy ánh	K63HKVT	0	6,406,800	0	6,406,800	
504	18020186	Nguyễn Phương Bắc	K63HKVT	-564,000	4,805,100	0	4,241,100	Bù trừ BHYT
505	18020242	Nguyễn Thành Công	K63HKVT	0	5,605,950	0	5,605,950	
506	18020282	Trần Quang Đạt	K63HKVT	0	6,406,800	0	6,406,800	
507	18020334	Nguyễn Văn Đức	K63HKVT	0	7,207,650	0	7,207,650	
508	18020338	Nguyễn Tuấn Đức	K63HKVT	0	5,605,950	0	5,605,950	
509	18020360	Vũ Tiến Dũng	K63HKVT	0	5,605,950	0	5,605,950	
510	18020418	Phạm Văn Duy	K63HKVT	0	5,605,950	0	5,605,950	
511	18020438	Nguyễn Văn Hà	K63HKVT	0	5,605,950	0	5,605,950	
512	18020449	Trương Ngọc Hải	K63HKVT	0	5,072,050	0	5,072,050	
513	18020520	Nguyễn Văn Hiệu	K63HKVT	0	6,406,800	0	6,406,800	
514	18020545	Trịnh Minh Hoàng	K63HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
515	18020603	Trần Công Mạnh Hùng	K63HKVT	0	6,139,850	0	6,139,850	
516	18020648	Trần Đăng Huy	K63HKVT	0	6,406,800	0	6,406,800	
517	18020658	Lê Đình Huy	K63HKVT	0	4,538,150	0	4,538,150	
518	18020697	Nguyễn Đức Khánh	K63HKVT	0	6,406,800	0	6,406,800	
519	18020724	Chu Đình Khởi	K63HKVT	0	6,406,800	0	6,406,800	
520	18020765	Lê Ngọc Linh	K63HKVT	0	6,139,850	0	6,139,850	
521	18020787	Lê Ngọc Long	K63HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
522	18020789	Nghiêm Hoàng Long	K63HKVT	-564,000	5,605,950	0	5,041,950	Bù trừ BHYT
523	18020871	Trần Thị Ngọc Ly	K63HKVT	0	6,406,800	0	6,406,800	
524	18020880	Bùi Xuân Mạnh	K63HKVT	0	6,406,800	0	6,406,800	
525	18020973	Nguyễn Thị Nguyệt	K63HKVT	0	6,406,800	0	6,406,800	
526	18020980	Đỗ Lê Hồng Nhung	K63HKVT	0	6,406,800	0	6,406,800	
527	18021070	Trần Lệ Quỳnh	K63HKVT	0	6,139,850	0	6,139,850	
528	18021081	Nguyễn Đặng Thái Sơn	K63HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
529	18021167	Nguyễn Văn Thanh	K63HKVT	0	5,605,950	0	5,605,950	
530	18021187	Nguyễn Trí Thành	K63HKVT	0	5,605,950	0	5,605,950	
531	18021256	Ngô Trung Thực	K63HKVT	0	6,406,800	0	6,406,800	
532	18021266	Nguyễn Thị Thủy Tiên	K63HKVT	0	6,406,800	0	6,406,800	
533	18021268	Lê Văn Tiến	K63HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
534	18021379	Lê Anh Tuấn	K63HKVT	0	6,406,800	0	6,406,800	
535	18020005	Nguyễn Thanh Bình	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
536	18020028	Nguyễn Nhật Lâm	K63KTCĐT	0	7,207,650	0	7,207,650	
537	18020071	Đinh Đức Long	K63KTCĐT	0	5,872,900	0	5,872,900	
538	18020110	Nguyễn Đình An	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
539	18020128	Nguyễn Đức Anh	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
540	18020134	Tạ Tú Anh	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
541	18020142	Nguyễn Thị Anh	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
542	18020154	Lương Tuấn Anh	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
543	18020162	Phạm Thị Ngọc Anh	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
544	18020211	Nguyễn Công Bính	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
545	18020224	Nguyễn Văn Chiến	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
546	18020239	Võ Quang Chương	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
547	18020247	Nguyễn Đức Cương	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
548	18020249	Cao Văn Cương	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
549	18020256	Nguyễn Đình Cường	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
550	18020280	Lê Tiến Đạt	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
551	18020296	Lê Thành Đạt	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
552	18020302	Nguyễn Tiến Điệp	K63KTCĐT	0	6,406,800	0	6,406,800	
553	18020303	Nguyễn Văn Điệp	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
554	18020307	Vương Duy Định	K63KTCĐT	9,391,775	5,339,000	0	14,730,775	
555	18020314	Phạm Xuân Doanh	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
556	18020330	Lương Trung Đức	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
557	18020337	Ngô Duy Đức	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
558	18020343	Lưu Văn Đức	K63KTCĐT	0	6,139,850	0	6,139,850	
559	18020368	Phạm Anh Dũng	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
560	18020379	Phạm Trọng Dũng	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
561	18020410	Ngô Hoàng Duy	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
562	18020411	Nguyễn Văn Duy	K63KTCĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
563	18020440	Trần Mạnh Hải	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
564	18020443	Vũ Mạnh Hải	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
565	18020444	Lưu Đức Hải	K63KTCĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
566	18020446	Nguyễn Việt Hải	K63KTCĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
567	18020464	Đỗ Văn Hậu	K63KTCĐT	-564,000	5,605,950	0	5,041,950	Bù trừ BHYT
568	18020473	Ngô Quang Hiển	K63KTCĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
569	18020489	Đoàn Duy Hiếu	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
570	18020512	Vũ Công Hiếu	K63KTCĐT	0	6,406,800	0	6,406,800	
571	18020516	Vũ Thanh Hiếu	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
572	18020517	Trần Văn Hiếu	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
573	18020519	Đoàn Xuân Hiếu	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
574	18020547	Võ Việt Hoàng	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
575	18020567	Vũ Văn Hoàng	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
576	18020575	Văn Việt Hoàng	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
577	18020588	Trịnh Tiến Hùng	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
578	18020604	Phan Đức Hùng	K63KTCĐT	0	5,072,050	0	5,072,050	
579	18020610	Nguyễn Hữu Hưng	K63KTCĐT	0	6,139,850	0	6,139,850	
580	18020616	Lê Thế Hưng	K63KTCĐT	0	5,872,900	0	5,872,900	
581	18020625	Nguyễn Văn Hưởng	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
582	18020637	Nguyễn Trung Huy	K63KTCĐT	0	5,072,050	0	5,072,050	
583	18020646	An Văn Huy	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
584	18020679	Phạm Trọng Khang	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
585	18020692	Trần Minh Khánh	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
586	18020693	Bùi Xuân Khánh	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
587	18020694	Phạm Duy Khánh	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
588	18020704	Lê Quang Khánh	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
589	18020709	Nguyễn Quốc Khánh	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
590	18020716	Nguyễn Hồng Khoa	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
591	18020727	Nguyễn Văn Khương	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
592	18020728	Hứa Văn Khuyết	K63KTCĐT	0	6,406,800	0	6,406,800	
593	18020741	Nguyễn Tân Thế Kỷ	K63KTCĐT	0	6,406,800	0	6,406,800	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
594	18020745	Nguyễn Tùng Lâm	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
595	18020753	Nguyễn Duy Lăng	K63KTCĐT	0	6,406,800	0	6,406,800	
596	18020754	Nguyễn Thành Lập	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
597	18020755	Nguyễn Văn Liêm	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
598	18020766	Nguyễn Duy Linh	K63KTCĐT	0	6,673,750	0	6,673,750	
599	18020773	Bùi Sỹ Linh	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
600	18020782	Nguyễn Đình Lộc	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
601	18020786	Lê Văn Lợi	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
602	18020794	Nguyễn Thành Long	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
603	18020799	Nguyễn Duy Long	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
604	18020806	Nguyễn Sinh Long	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
605	18020814	Đinh Hải Long	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
606	18020824	Nguyễn Văn Long	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
607	18020826	Nguyễn Quang Long	K63KTCĐT	0	6,406,800	0	6,406,800	
608	18020828	Nguyễn Thăng Long	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
609	18020854	Cao Nguyên Long	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
610	18020858	Lê Mạnh Long	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
611	18020869	Nguyễn Khải Lượng	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
612	18020870	Phạm Văn Luyến	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
613	18020884	Đoàn Quang Mạnh	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
614	18020898	Đỗ Đăng Minh	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
615	18020904	Phạm Anh Minh	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
616	18020911	Trương Nhật Minh	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
617	18020924	Vũ Thanh Nam	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
618	18020948	Lê Anh Nghĩa	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
619	18020953	Trần Đức Ngọc	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
620	18020959	Ngô Minh Ngọc	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
621	18020962	Nguyễn Văn Ngọc	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
622	18020977	Bùi Đức Nhật	K63KTCĐT	0	5,072,050	0	5,072,050	
623	18020997	Phạm Trung Phong	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
624	18021023	Vũ Tiến Phương	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
625	18021024	Nguyễn Thanh Phương	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
626	18021032	Nguyễn Đăng Quân	K63KTCĐT	0	4,538,150	0	4,538,150	
627	18021035	Nguyễn Hồng Quân	K63KTCĐT	0	5,072,050	0	5,072,050	
628	18021036	Đại Văn Quân	K63KTCĐT	0	5,072,050	0	5,072,050	
629	18021042	Nguyễn Minh Quang	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
630	18021050	Khiếu Mạnh Quang	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
631	18021053	Phạm Hữu Quang	K63KTCĐT	0	6,139,850	0	6,139,850	
632	18021080	Nghiêm Xuân Sơn	K63KTCĐT	0	6,406,800	0	6,406,800	
633	18021091	Cao Xuân Sơn	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
634	18021095	Nguyễn Thái Sơn	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
635	18021109	Giáp Bằng Tài	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
636	18021114	Nguyễn Thị Minh Tâm	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
637	18021125	Phan Hoàng Tạo	K63KTCĐT	0	6,139,850	0	6,139,850	
638	18021136	Phạm Công Thăng	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
639	18021141	Trần Đức Thắng	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
640	18021144	Mạc Anh Thắng	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
641	18021156	Đinh Văn Thắng	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
642	18021182	Khổng Văn Thành	K63KTCĐT	0	6,406,800	0	6,406,800	
643	18021191	Hoàng Huy Thành	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
644	18021203	Ngô Văn Thế	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
645	18021204	Phạm Ngọc Thế	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
646	18021214	Trần Văn Thiện	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
647	18021215	Lưu Văn Thiện	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
648	18021216	Phạm Ngọc Thiện	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
649	18021252	Vũ Nghĩa Thuận	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
650	18021267	Lường Thế Anh Tiên	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
651	18021280	Nguyễn Văn Toàn	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
652	18021283	Nguyễn Xuân Toàn	K63KTCĐT	0	5,872,900	0	5,872,900	
653	18021289	Trịnh Văn Toản	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
654	18021308	Trần Duy Trinh	K63KTCĐT	0	6,139,850	0	6,139,850	
655	18021326	Lại Hữu Trung	K63KTCĐT	0	6,139,850	0	6,139,850	
656	18021327	Lưu Văn Trung	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
657	18021334	Doãn Văn Trường	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
658	18021344	Phạm Xuân Trường	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
659	18021355	Nguyễn Trung Từ	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
660	18021385	Lê Bá Tuệ	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
661	18021393	Nguyễn Sơn Tùng	K63KTCĐT	0	6,406,800	0	6,406,800	
662	18021401	Nguyễn Thanh Tùng	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
663	18021408	Vũ Thanh Tùng	K63KTCĐT	0	5,605,950	0	5,605,950	
664	18021411	Giáp Văn Tuyến	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
665	18021417	Ngô Đức Văn	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
666	18021427	Phạm Quang Vinh	K63KTCĐT	0	6,139,850	0	6,139,850	
667	18021430	Tống Thịnh Vinh	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
668	18021437	Bùi Văn Vũ	K63KTCĐT	0	4,805,100	0	4,805,100	
669	18021443	Lê Đức Vũ	K63KTCĐT	0	5,339,000	0	5,339,000	
670	18020055	Đỗ Hữu Toàn	K63KTMT	0	6,139,850	0	6,139,850	
671	18020011	Nguyễn Minh Đức	K63KTRB	0	6,406,800	0	6,406,800	
672	18020036	Lê Đình Long	K63KTRB	0	6,406,800	0	6,406,800	
673	18020052	Nguyễn Đức Thành	K63KTRB	-564,000	5,605,950	0	5,041,950	Bù trừ BHYT
674	18020074	Nguyễn Duy Kiên	K63KTXD	0	5,605,950	0	5,605,950	
675	18020139	Hứa Phạm Kiều Anh	K63KTXD	0	5,072,050	0	5,072,050	
676	18020158	Cao Thị Phương Anh	K63KTXD	0	5,605,950	0	5,605,950	
677	18020311	Trịnh Đức Đô	K63KTXD	0	5,605,950	0	5,605,950	
678	18020333	Bùi Anh Đức	K63KTXD	0	5,872,900	0	5,872,900	
679	18020389	Nguyễn Hải Dương	K63KTXD	0	5,605,950	0	5,605,950	
680	18020395	Vũ Triều Dương	K63KTXD	0	5,339,000	0	5,339,000	
681	18020404	Cao Ngọc Dương	K63KTXD	0	5,872,900	0	5,872,900	
682	18020478	Nguyễn Vũ Hiệp	K63KTXD	0	6,406,800	0	6,406,800	
683	18020518	Nguyễn Xuân Hiếu	K63KTXD	0	6,139,850	0	6,139,850	
684	18020536	Bùi Việt Hoàn	K63KTXD	0	6,139,850	0	6,139,850	
685	18020558	Nguyễn Huy Hoàng	K63KTXD	0	5,872,900	0	5,872,900	
686	18020595	Phạm Hữu Hùng	K63KTXD	0	5,605,950	0	5,605,950	
687	18020668	Trần Văn Huynh	K63KTXD	0	5,872,900	0	5,872,900	
688	18020682	Nguyễn Duy Khánh	K63KTXD	0	4,805,100	0	4,805,100	
689	18020733	Nguyễn Công Kiên	K63KTXD	0	6,673,750	0	6,673,750	
690	18020739	Lê Tuấn Kiệt	K63KTXD	-108,225	5,072,050	0	4,963,825	Bù trừ LP nhập học
691	18020785	Nguyễn Doãn Lợi	K63KTXD	0	5,339,000	0	5,339,000	
692	18020809	Nguyễn Đình Long	K63KTXD	0	5,872,900	0	5,872,900	
693	18020825	Lê Việt Long	K63KTXD	0	5,072,050	0	5,072,050	
694	18020900	Lương Tuấn Minh	K63KTXD	0	6,139,850	0	6,139,850	
695	18020978	Nguyễn Đình Minh Nhật	K63KTXD	0	5,605,950	0	5,605,950	
696	18021005	Mạc Tất Phú	K63KTXD	0	5,339,000	0	5,339,000	
697	18021012	Lê Huy Phúc	K63KTXD	0	5,072,050	0	5,072,050	
698	18021088	Nguyễn Trọng Sơn	K63KTXD	0	6,940,700	0	6,940,700	
699	18021090	Nguyễn Ngọc Sơn	K63KTXD	0	5,339,000	0	5,339,000	
700	18021119	Đỗ Minh Tân	K63KTXD	0	6,940,700	0	6,940,700	
701	18021164	Tạ Minh Thắng	K63KTXD	0	5,605,950	0	5,605,950	
702	18021180	Nguyễn Tiến Thành	K63KTXD	0	5,605,950	0	5,605,950	
703	18021201	Nguyễn Trọng Thập	K63KTXD	0	5,605,950	0	5,605,950	
704	18021234	Đậu Ngọc Thịnh	K63KTXD	-108,225	4,805,100	0	4,696,875	Bù trừ LP nhập học
705	18021347	Đỗ Quốc Trượng	K63KTXD	0	5,872,900	0	5,872,900	
706	18021423	Đào Minh Việt	K63KTXD	0	5,072,050	0	5,072,050	
707	18020003	Hoàng Minh Đức Anh	K63MMT-TDL	0	4,004,250	0	4,004,250	
708	18020037	Nguyễn Hải Long	K63MMT-TDL	0	5,605,950	0	5,605,950	
709	18020046	Lê Quang Quân	K63MMT-TDL	0	4,805,100	0	4,805,100	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
710	18020053	Nguyễn Chí Thành	K63MMT-TDL	0	5,605,950	0	5,605,950	
711	18020114	Phạm Đức Anh	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
712	18020116	Phạm Tuấn Anh	K63MT-R	0	5,072,050	0	5,072,050	
713	18020129	Nguyễn Hải Anh	K63MT-R	0	4,538,150	0	4,538,150	
714	18020132	Đào Đức Anh	K63MT-R	0	5,339,000	0	5,339,000	
715	18020144	Lưu Tuấn Anh	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
716	18020148	Hoàng Quốc Anh	K63MT-R	0	4,538,150	0	4,538,150	
717	18020156	Trần Đức Anh	K63MT-R	0	6,940,700	0	6,940,700	
718	18020157	Đỗ Tuấn Anh	K63MT-R	0	4,805,100	0	4,805,100	
719	18020163	Đào Ngọc Việt Anh	K63MT-R	0	5,339,000	0	5,339,000	
720	18020166	Dương Minh Hoàng Anh	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
721	18020175	Nguyễn Việt Anh	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
722	18020185	Trần Việt Bắc	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
723	18020189	Nguyễn Quang Bách	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
724	18020204	Phạm Thế Bảo	K63MT-R	0	5,339,000	0	5,339,000	
725	18020235	Phạm Công Chính	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
726	18020237	Nguyễn Bá Chung	K63MT-R	0	4,805,100	0	4,805,100	
727	18020240	Vương Trí Thiên Công	K63MT-R	0	5,339,000	0	5,339,000	
728	18020253	Nguyễn Quốc Cường	K63MT-R	0	6,940,700	0	6,940,700	
729	18020254	Dương Quốc Cường	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
730	18020266	Nguyễn Văn Đại	K63MT-R	0	5,605,950	0	5,605,950	
731	18020268	Lê Văn Đán	K63MT-R	0	6,940,700	0	6,940,700	
732	18020269	Phạm Đăng Đang	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
733	18020271	Hà Xuân Đăng	K63MT-R	0	5,339,000	0	5,339,000	
734	18020278	Nguyễn Thành Đạt	K63MT-R	0	5,339,000	0	5,339,000	
735	18020279	Nguyễn Thành Đạt	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
736	18020288	Nguyễn Minh Đạt	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
737	18020295	Trần Văn Đạt	K63MT-R	0	5,339,000	0	5,339,000	
738	18020308	Vũ Văn Định	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
739	18020312	Lê Tiến Đoàn	K63MT-R	0	5,339,000	0	5,339,000	
740	18020313	Đỗ Viết Đoàn	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
741	18020315	Khuất Thành Đông	K63MT-R	0	7,207,650	0	7,207,650	
742	18020317	Trần Hữu Quốc Đông	K63MT-R	0	5,605,950	0	5,605,950	
743	18020318	Trịnh Ngọc Du	K63MT-R	0	5,605,950	0	5,605,950	
744	18020321	Trần Đức Đức	K63MT-R	9,956,775	5,872,900	0	15,829,675	
745	18020325	Nguyễn Văn Đức	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
746	18020328	Nguyễn Ngọc Đức	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
747	18020349	Hà Duyên Đức	K63MT-R	0	6,940,700	0	6,940,700	
748	18020350	Tăng Minh Đức	K63MT-R	9,400,775	5,072,050	0	14,472,825	
749	18020363	Uông Việt Dũng	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
750	18020366	Đỗ Tiến Dũng	K63MT-R	0	5,605,950	0	5,605,950	
751	18020376	Lại Trung Dũng	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
752	18020378	Phạm Ngọc Dũng	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
753	18020381	Tạ Đình Dũng	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
754	18020382	Nguyễn Trọng Dũng	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
755	18020390	Nguyễn Đình Dương	K63MT-R	0	5,605,950	0	5,605,950	
756	18020391	Đỗ Đăng Dương	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
757	18020392	Hoàng Văn Dương	K63MT-R	0	8,008,500	0	8,008,500	
758	18020394	Đinh Tiến Dương	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
759	18020414	Nguyễn Quang Duy	K63MT-R	0	5,605,950	0	5,605,950	
760	18020447	Nguyễn Trọng Hải	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
761	18020454	Châu Thế Hân	K63MT-R	0	5,339,000	0	5,339,000	
762	18020458	Nguyễn Danh Hào	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
763	18020463	Nguyễn Duy Hậu	K63MT-R	0	6,406,800	0	6,406,800	
764	18020468	Phạm Văn Hệ	K63MT-R	0	5,072,050	0	5,072,050	
765	18020477	Trần Nguyên Hiệp	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
766	18020479	Nguyễn Duy Hiếu	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
767	18020481	Nguyễn Minh Hiếu	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
768	18020485	Vũ Sỹ Hiếu	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
769	18020493	Đặng Trung Hiếu	K63MT-R	5,339,000	5,872,900	0	11,211,900	
770	18020498	Đặng Trung Hiếu	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
771	18020500	Vũ Đức Hiếu	K63MT-R	0	6,406,800	0	6,406,800	
772	18020505	Trần Quang Hiếu	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
773	18020511	Đặng Văn Hiếu	K63MT-R	0	5,072,050	0	5,072,050	
774	18020524	Nguyễn Ngọc Hoa	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
775	18020528	Lê Phan Xuân Hòa	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
776	18020532	Nguyễn Huy Hoàn	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
777	18020541	Đặng Minh Hoàng	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
778	18020549	Trương Việt Hoàng	K63MT-R	0	6,406,800	0	6,406,800	
779	18020551	Lê Minh Hoàng	K63MT-R	0	4,538,150	0	4,538,150	
780	18020562	Phan Nho Hoàng	K63MT-R	0	5,339,000	0	5,339,000	
781	18020570	Nguyễn Việt Hoàng	K63MT-R	0	5,339,000	0	5,339,000	
782	18020574	Nguyễn Lê Việt Hoàng	K63MT-R	0	5,339,000	0	5,339,000	
783	18020577	Hoàng Văn Học	K63MT-R	0	6,406,800	0	6,406,800	
784	18020578	Nguyễn Duy Huân	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
785	18020580	Nguyễn Nhân Huấn	K63MT-R	0	5,339,000	0	5,339,000	
786	18020592	Nguyễn Nghĩa Hùng	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
787	18020594	Nguyễn Mạnh Hùng	K63MT-R	0	5,339,000	0	5,339,000	
788	18020596	Phạm Quang Hùng	K63MT-R	0	4,805,100	0	4,805,100	
789	18020597	Phạm Văn Hùng	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
790	18020600	Nguyễn Mạnh Hùng	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
791	18020612	Nguyễn Hữu Hưng	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
792	18020617	Vũ Duy Hưng	K63MT-R	0	5,605,950	0	5,605,950	
793	18020623	Vũ Thị Thu Hương	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
794	18020624	Nguyễn Thế Hưởng	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
795	18020643	Nguyễn Văn Huy	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
796	18020657	Nguyễn Hoàng Huy	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
797	18020672	Tống Đức Khải	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
798	18020683	Võ Gia Khánh	K63MT-R	0	6,940,700	0	6,940,700	
799	18020689	Nguyễn Ngọc Khánh	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
800	18020698	Ngô Minh Khánh	K63MT-R	0	5,339,000	0	5,339,000	
801	18020712	Lương Đình Khiêm	K63MT-R	0	5,605,950	0	5,605,950	
802	18020717	Trần Văn Khoa	K63MT-R	0	6,406,800	0	6,406,800	
803	18020734	Nguyễn Trọng Kiên	K63MT-R	0	5,339,000	0	5,339,000	
804	18020769	Phạm Thị Linh	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
805	18020770	Đinh Xuân Linh	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
806	18020777	Bùi Đoàn Tiến Lĩnh	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
807	18020798	Hoàng Hải Long	K63MT-R	0	5,605,950	0	5,605,950	
808	18020813	Vũ Thành Long	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
809	18020815	Hán Vũ Hoàng Long	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
810	18020816	Trịnh Đức Long	K63MT-R	0	4,805,100	0	4,805,100	
811	18020817	Nguyễn Lê Long	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
812	18020818	Nguyễn Đức Long	K63MT-R	14,087,775	4,004,250	0	18,092,025	
813	18020839	Phạm Thế Long	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
814	18020861	Võ Nguyễn Trọng Luân	K63MT-R	0	6,940,700	0	6,940,700	
815	18020879	Trần Đức Mạnh	K63MT-R	0	5,605,950	0	5,605,950	
816	18020891	Lưu Bá Ngọc Minh	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
817	18020892	Phạm Quang Minh	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
818	18020897	Nguyễn Quang Minh	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
819	18020905	Nguyễn Quang Minh	K63MT-R	0	7,207,650	0	7,207,650	
820	18020915	Nguyễn Quang Minh	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
821	18020917	Lê Thị Mơ	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
822	18020922	Đàm Phương Nam	K63MT-R	0	4,805,100	0	4,805,100	
823	18020929	Nguyễn Hoài Nam	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
824	18020935	Nguyễn Đắc Nam	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
825	18020936	Bùi Duy Nam	K63MT-R	0	4,805,100	0	4,805,100	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
826	18020938	Trần Hữu Nam	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
827	18020944	Đường Thị Thủy Ngân	K63MT-R	0	4,805,100	0	4,805,100	
828	18020955	Dương Minh Ngọc	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
829	18020957	Mai Xuân Ngọc	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
830	18020976	Phú Minh Nhật	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
831	18020989	Nguyễn Thị Kim Oanh	K63MT-R	0	5,339,000	0	5,339,000	
832	18020993	Lê Tiến Phát	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
833	18020994	Dương Đăng Phi	K63MT-R	0	6,940,700	0	6,940,700	
834	18020996	Bùi Thanh Phong	K63MT-R	0	4,805,100	0	4,805,100	
835	18020999	Nguyễn Văn Phong	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
836	18021004	Nguyễn Minh Phú	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
837	18021031	Nguyễn Anh Quân	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
838	18021043	Trần Đăng Quang	K63MT-R	0	3,203,400	0	3,203,400	
839	18021046	Nguyễn Văn Quang	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
840	18021049	Trịnh Minh Quang	K63MT-R	0	7,207,650	0	7,207,650	
841	18021051	Đào Minh Quang	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
842	18021056	Đỗ Văn Quảng	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
843	18021062	Ngô Thị Ngọc Quyên	K63MT-R	0	4,004,250	0	4,004,250	
844	18021066	Nguyễn Duy Quyền	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
845	18021092	Đặng Văn Sơn	K63MT-R	0	5,605,950	0	5,605,950	
846	18021093	Chu Ngọc Sơn	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
847	18021099	Trần Đức Sơn	K63MT-R	0	5,605,950	0	5,605,950	
848	18021103	Nguyễn Tất Sơn	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
849	18021123	Ngô Tiến Tấn	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
850	18021128	Nguyễn Tiến Thái	K63MT-R	0	5,339,000	0	5,339,000	
851	18021130	Vũ Hoàng Thái	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
852	18021131	Hoàng Ngọc Thái	K63MT-R	0	5,339,000	0	5,339,000	
853	18021135	Lê Thị Hồng Thắm	K63MT-R	0	5,339,000	0	5,339,000	
854	18021153	Mai Tất Thắng	K63MT-R	0	6,406,800	0	6,406,800	
855	18021163	Nguyễn Phạm Quang Thắng	K63MT-R	0	5,339,000	0	5,339,000	
856	18021166	Nguyễn Cảnh Thanh	K63MT-R	0	5,605,950	0	5,605,950	
857	18021176	Dương Quốc Thành	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
858	18021178	Đỗ Tiến Thành	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
859	18021179	Nguyễn Duy Thành	K63MT-R	0	7,207,650	0	7,207,650	
860	18021185	Nguyễn Hữu Thành	K63MT-R	0	5,339,000	0	5,339,000	
861	18021189	Phạm Minh Thành	K63MT-R	0	6,406,800	0	6,406,800	
862	18021220	Lê Đình Thiệu	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
863	18021236	Lê Chí Thọ	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
864	18021237	Viên Văn Thoại	K63MT-R	-564,000	6,139,850	0	5,575,850	Bù trừ BHYT
865	18021239	Nguyễn Hữu Thông	K63MT-R	0	5,605,950	0	5,605,950	
866	18021248	Nguyễn Văn Thuần	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
867	18021263	Nguyễn Thị Thùy	K63MT-R	0	4,805,100	0	4,805,100	
868	18021295	Lê Thu Trang	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
869	18021296	Trần Mỹ Hiền Trang	K63MT-R	0	5,339,000	0	5,339,000	
870	18021307	Mai Ngọc Trinh	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
871	18021314	Đặng Chí Trung	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
872	18021320	Nguyễn Hoàng Trung	K63MT-R	0	6,406,800	0	6,406,800	
873	18021322	Trần Thành Trung	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
874	18021323	Hoàng Lê Trọng Trung	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
875	18021331	Trần Quang Trung	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
876	18021333	Nguyễn Đam Trường	K63MT-R	0	5,339,000	0	5,339,000	
877	18021343	Đinh Nam Trường	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
878	18021353	Phạm Ngọc Tú	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
879	18021356	Phí Văn Tuân	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
880	18021363	Nguyễn Hữu Tuấn	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
881	18021364	Nguyễn Anh Tuấn	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
882	18021366	Nguyễn Anh Tuấn	K63MT-R	0	5,072,050	0	5,072,050	
883	18021370	Nguyễn Đình Tuấn	K63MT-R	0	7,207,650	0	7,207,650	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
884	18021372	Đào Anh Tuấn	K63MT-R	0	5,072,050	0	5,072,050	
885	18021413	Đỗ Thu Uyên	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
886	18021418	Vũ Đức Văn	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
887	18021419	Nguyễn Hoàng Việt	K63MT-R	0	5,072,050	0	5,072,050	
888	18021429	Nguyễn Quang Vinh	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
889	18021431	Thịnh Thành Vinh	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
890	18021435	Nguyễn Hoàng Vũ	K63MT-R	0	6,406,800	0	6,406,800	
891	18021438	Nguyễn Hữu Vũ	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
892	18021446	Lưu Văn Vương	K63MT-R	0	5,072,050	0	5,072,050	
893	18021448	Vũ Văn Vỹ	K63MT-R	0	6,139,850	0	6,139,850	
894	18021450	Dương Văn Xô	K63MT-R	0	5,339,000	0	5,339,000	
895	18021455	Nguyễn Diệp Yến	K63MT-R	0	5,872,900	0	5,872,900	
896	18020111	Phan Văn An	K63VLKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
897	18020133	Lưu Văn Anh	K63VLKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
898	18020141	Đèo Mai Thái Anh	K63VLKT	0	5,072,050	0	5,072,050	
899	18020171	Trần Thị Vân Anh	K63VLKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
900	18020173	Nguyễn Văn Việt Anh	K63VLKT	0	6,139,850	0	6,139,850	
901	18020179	Trần Thị Hồng ánh	K63VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
902	18020200	Đào Thái Bảo	K63VLKT	0	5,872,900	0	5,872,900	
903	18020208	Lê Long Biên	K63VLKT	0	5,072,050	0	5,072,050	
904	18020215	Nguyễn Thị Thanh Bình	K63VLKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
905	18020216	Vũ Văn Bình	K63VLKT	0	5,872,900	0	5,872,900	
906	18020222	Hoàng Linh Chi	K63VLKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
907	18020227	Mẫn Công Chiến	K63VLKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
908	18020238	Nguyễn Đức Chung	K63VLKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
909	18020241	Bùi Chí Công	K63VLKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
910	18020260	Đặng Ngọc Cường	K63VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
911	18020283	Khuất Duy Đạt	K63VLKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
912	18020292	Phạm Tuấn Đạt	K63VLKT	0	5,072,050	0	5,072,050	
913	18020298	Văn Huy Đạt	K63VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
914	18020301	Nguyễn Hữu Điệp	K63VLKT	0	9,877,150	0	9,877,150	bao gồm cả HP bằng kép
915	18020309	Đào Phúc Định	K63VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
916	18020320	Hoàng Ngọc Đức	K63VLKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
917	18020357	Nguyễn Thị Dung	K63VLKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
918	18020388	Phạm Nhật Dương	K63VLKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
919	18020397	Diêm Văn Dương	K63VLKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
920	18020421	Nguyễn Thị Mai Duyên	K63VLKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
921	18020433	Nguyễn Khánh Hà	K63VLKT	0	6,673,750	0	6,673,750	
922	18020435	Thân Thị Thu Hà	K63VLKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
923	18020441	Nguyễn Đình Hải	K63VLKT	0	6,139,850	0	6,139,850	
924	18020465	Phạm Đức Hậu	K63VLKT	0	5,872,900	0	5,872,900	
925	18020474	Hoàng Mạnh Hiệp	K63VLKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
926	18020476	Ngô Sỹ Hiệp	K63VLKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
927	18020490	Nguyễn Văn Hiếu	K63VLKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
928	18020496	Dương Quang Hiếu	K63VLKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
929	18020497	Đỗ Minh Hiếu	K63VLKT	0	9,343,250	0	9,343,250	bao gồm cả HP bằng kép
930	18020514	Đỗ Đông Hiếu	K63VLKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
931	18020515	Nguyễn Đức Hiếu	K63VLKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
932	18020534	Đồng Xuân Hoàn	K63VLKT	0	5,872,900	0	5,872,900	
933	18020537	Nguyễn Việt Hoàn	K63VLKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
934	18020550	Nguyễn Minh Hoàng	K63VLKT	0	7,474,600	0	7,474,600	bao gồm cả HP bằng kép
935	18020613	Nguyễn Quốc Hưng	K63VLKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
936	18020621	Đào Thu Hương	K63VLKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
937	18020622	Bùi Thị Thu Hương	K63VLKT	0	6,673,750	0	6,673,750	
938	18020627	Bùi Ngọc Hữu	K63VLKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
939	18020664	Bùi Thị Huyền	K63VLKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
940	18020665	Nguyễn Phú Thị Huyền	K63VLKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
941	18020700	Trần Thị Khánh	K63VLKT	0	4,805,100	0	4,805,100	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
942	18020701	Bùi Quốc Khánh	K63VLKT	0	6,940,700	0	6,940,700	
943	18020702	Phan Tân Khánh	K63VLKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
944	18020703	Nguyễn Tiến Khánh	K63VLKT	0	5,072,050	0	5,072,050	
945	18020708	Lê Đình Khánh	K63VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
946	18020722	Đào Minh Khôi	K63VLKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
947	18020752	Nguyễn Ngọc Lân	K63VLKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
948	18020756	Đinh Thị Liên	K63VLKT	8,769,775	6,139,850	0	14,909,625	
949	18020761	Chu Tuấn Linh	K63VLKT	5,209,775	6,139,850	0	11,349,625	
950	18020764	Phạm Quang Linh	K63VLKT	0	5,872,900	0	5,872,900	
951	18020771	Vũ Việt Linh	K63VLKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
952	18020840	Nguyễn Duy Long	K63VLKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
953	18020850	Trần Đức Long	K63VLKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
954	18020859	Nguyễn Xuân Long	K63VLKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
955	18020866	Giáp Thị Lương	K63VLKT	0	6,139,850	0	6,139,850	
956	18020867	Trần Thanh Lương	K63VLKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
957	18020872	Nguyễn Thị Lý	K63VLKT	0	5,072,050	0	5,072,050	
958	18020873	Nguyễn Thị Ngọc Mai	K63VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
959	18020876	Vũ Phúc Mạnh	K63VLKT	0	5,072,050	0	5,072,050	
960	18020926	Trần Hoài Nam	K63VLKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
961	18020954	Nguyễn Tiến Ngọc	K63VLKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
962	18020971	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	K63VLKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
963	18021001	Nguyễn Minh Phong	K63VLKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
964	18021011	Vũ Thế Phúc	K63VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
965	18021034	Cấn Đức Quân	K63VLKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
966	18021037	Trần Minh Quân	K63VLKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
967	18021041	Hoàng Kim Quang	K63VLKT	0	5,872,900	0	5,872,900	
968	18021057	Thái Duy Quát	K63VLKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
969	18021071	Vũ Đình Sang	K63VLKT	0	5,872,900	0	5,872,900	
970	18021096	Ngô Thái Sơn	K63VLKT	0	5,072,050	0	5,072,050	
971	18021097	Nguyễn Văn Sơn	K63VLKT	6,744,000	5,072,050	0	11,816,050	
972	18021098	Vũ Thái Sơn	K63VLKT	0	4,805,100	0	4,805,100	
973	18021108	Đoàn Trọng Sỹ	K63VLKT	0	5,072,050	0	5,072,050	
974	18021122	Vũ Trọng Tấn	K63VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
975	18021133	Đỗ Thị Thắm	K63VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
976	18021142	Đỗ Viết Thắng	K63VLKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
977	18021148	Nguyễn Đức Thắng	K63VLKT	0	6,139,850	0	6,139,850	
978	18021169	Phạm Tiến Thành	K63VLKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
979	18021205	Nguyễn Huy Thêm	K63VLKT	0	5,872,900	0	5,872,900	
980	18021212	Nguyễn Văn Thiện	K63VLKT	0	6,139,850	0	6,139,850	
981	18021230	Nguyễn Đức Thịnh	K63VLKT	0	5,872,900	0	5,872,900	
982	18021247	Nguyễn Quang Thuấn	K63VLKT	0	5,872,900	0	5,872,900	
983	18021262	Lê Thị Thùy	K63VLKT	0	7,207,650	0	7,207,650	
984	18021265	Lê Thị Thủy Tiên	K63VLKT	0	5,605,950	0	5,605,950	
985	18021274	Nguyễn Hữu Tiến	K63VLKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
986	18021288	Nguyễn Song Toàn	K63VLKT	0	5,872,900	0	5,872,900	
987	18021302	Phan Thị Huyền Trang	K63VLKT	0	4,805,100	0	4,805,100	
988	18021332	Nguyễn Thành Trung	K63VLKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
989	18021394	Trần Duy Tùng	K63VLKT	0	5,872,900	0	5,872,900	
990	18021396	Hoàng Công Tùng	K63VLKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
991	18021399	Nguyễn Xuân Tùng	K63VLKT	0	6,406,800	0	6,406,800	
992	18021403	Bùi Thanh Tùng	K63VLKT	0	5,072,050	0	5,072,050	
993	18021407	Đào Đức Tùng	K63VLKT	0	4,805,100	0	4,805,100	
994	18021410	Nguyễn Văn Tuyến	K63VLKT	0	5,072,050	0	5,072,050	
995	18021449	Nguyễn Quang Vỹ	K63VLKT	0	5,339,000	0	5,339,000	
996	18021454	Nguyễn Phương Yên	K63VLKT	0	7,207,650	0	7,207,650	
		TỔNG K63		**122,830,725**	**5,584,754,170**	**0**	**5,707,584,895**	
1	19020030	Nguyễn Đinh Tùng Anh	K64CHKT	2,248,000	1,334,750	0	3,582,750	Chưa đóng GDQP
2	19020790	Đào Lê Đức Anh	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
3	19020791	Đoàn Văn Bình	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
4	19020792	Phạm Thành Công	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
5	19020793	Nguyễn Đức Cương	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
6	19020794	Trần Quốc Cường	K64CHKT	2,248,000	4,271,200	0	6,519,200	Chưa đóng GDQP
7	19020795	Vũ Thành Đạt	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
8	19020796	Phạm Ngọc Đạt	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
9	19020797	Nguyễn Phương Đông	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
10	19020798	Phạm Thành Đông	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
11	19020799	Nguyễn Việt Đức	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
12	19020801	Trần Đăng Dũng	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
13	19020802	Trịnh Văn Dũng	K64CHKT	2,248,000	4,004,250	0	6,252,250	Chưa đóng GDQP
14	19020803	Nguyễn Tuấn Dũng	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
15	19020805	Nguyễn Văn Dương	K64CHKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
16	19020806	Trần Hữu Duy	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
17	19020807	Vũ Minh Giang	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
18	19020808	Hà Minh Hải	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
19	19020809	Đào Đình Hải	K64CHKT	2,248,000	4,004,250	0	6,252,250	Chưa đóng GDQP
20	19020810	Phạm Vĩnh Hải	K64CHKT	0	4,805,100	0	4,805,100	
21	19020811	Đặng Vũ Hiệp	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
22	19020812	Nguyễn Đình Hiếu	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
23	19020813	Lê Minh Hiếu	K64CHKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
24	19020814	Bùi Xuân Hiếu	K64CHKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
25	19020815	Đinh Văn Hiếu	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
26	19020816	Phạm Văn Hiếu	K64CHKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
27	19020817	Đỗ Thiện Hòa	K64CHKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
28	19020818	Nguyễn Văn Hoàng	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
29	19020819	Cao Việt Hoàng	K64CHKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
30	19020820	Vũ Huy Hoàng	K64CHKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
31	19020821	Đinh Việt Hoàng	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
32	19020822	Nguyễn Viết Hoàng	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
33	19020823	Nguyễn Thái Học	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
34	19020824	Vũ Mạnh Hùng	K64CHKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
35	19020825	Trần Danh Hùng	K64CHKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
36	19020826	Trần Quang Hưng	K64CHKT	0	4,805,100	0	4,805,100	
37	19020827	Nguyễn Đăng Hưng	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
38	19020829	Nguyễn Hoàng Huy	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
39	19020830	Từ Quang Huy	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
40	19020831	Nguyễn Xuân Khang	K64CHKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
41	19020833	Thiều Văn Khánh	K64CHKT	0	4,805,100	0	4,805,100	
42	19020834	Nguyễn Trí Kiên	K64CHKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
43	19020835	Phạm Đức Kiên	K64CHKT	0	4,805,100	0	4,805,100	
44	19020836	Phạm Văn Linh	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
45	19020837	Lê Văn Lộc	K64CHKT	0	4,805,100	0	4,805,100	
46	19020838	Lê Hoàng Long	K64CHKT	0	4,805,100	0	4,805,100	
47	19020839	Phạm Hữu Long	K64CHKT	0	4,805,100	0	4,805,100	
48	19020840	Phí Hữu Luận	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
49	19020841	Bùi Quang Lực	K64CHKT	0	3,470,350	0	3,470,350	
50	19020842	Cao Tiến Mạnh	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
51	19020844	Ngô Quang Nam	K64CHKT	0	4,805,100	0	4,805,100	
52	19020845	Đỗ Hùng Nam	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
53	19020846	Nguyễn Thị Hoài Nhung	K64CHKT	0	4,805,100	0	4,805,100	
54	19020848	Phạm Văn Phương	K64CHKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
55	19020849	Phạm Hồng Quân	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
56	19020850	Vũ Minh Quang	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
57	19020851	Dương Ngọc Quý	K64CHKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
58	19020853	Nguyễn Thế Quyền	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
59	19020854	Nguyễn Văn Sơn	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
60	19020855	Đỗ Bá Tấn	K64CHKT	0	4,805,100	0	4,805,100	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
61	19020856	Nguyễn Văn Thái	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
62	19020857	Vũ Đức Thắng	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
63	19020858	Nguyễn Văn Thắng	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
64	19020859	Nguyễn Văn Thế	K64CHKT	0	4,805,100	0	4,805,100	
65	19020860	Nguyễn Đình Thưởng	K64CHKT	2,248,000	4,538,150	0	6,786,150	Chưa đóng GDQP
66	19020861	Lý Văn Toàn	K64CHKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
67	19020862	Bùi Duy Toàn	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
68	19020863	Đỗ Thị Trang	K64CHKT	0	4,805,100	0	4,805,100	
69	19020865	Đoàn Văn Trình	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
70	19020866	Phạm Xuân Trường	K64CHKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
71	19020867	Nguyễn Quang Trường	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
72	19020868	Mai Đăng Trường	K64CHKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
73	19020869	Hoàng Tiệp Trường	K64CHKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
74	19020870	Nguyễn Xuân Tú	K64CHKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
75	19020871	Nguyễn Bá Tuấn	K64CHKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
76	19020872	Lại Đức Tùng	K64CHKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
77	19020873	Đỗ Văn Vĩnh	K64CHKT	2,248,000	4,004,250	0	6,252,250	Chưa đóng GDQP
78	19020874	Nguyễn Long Vũ	K64CHKT	0	4,805,100	0	4,805,100	
79	19020875	Nguyễn Đăng Vương	K64CHKT	0	4,805,100	0	4,805,100	
80	19021542	Vũ Đình Ấn	K64CNNN	2,248,000	4,538,150	0	6,786,150	Chưa đóng GDQP
81	19021543	Đặng Văn Chiến	K64CNNN	0	5,605,950	0	5,605,950	
82	19021544	Nguyễn Hoàng đạo	K64CNNN	0	4,805,100	0	4,805,100	
83	19021545	Đỗ Hồng Đức	K64CNNN	0	4,805,100	0	4,805,100	
84	19021546	Nguyễn Anh Đức	K64CNNN	0	5,605,950	0	5,605,950	
85	19021547	Lê Trọng Đức	K64CNNN	0	4,805,100	0	4,805,100	
86	19021548	Lâm Đức Dương	K64CNNN	0	5,605,950	0	5,605,950	
87	19021550	Nguyễn Như Duy	K64CNNN	0	6,406,800	0	6,406,800	
88	19021551	Nguyễn Đức Hải	K64CNNN	0	4,805,100	0	4,805,100	
89	19021552	Phạm Mỹ Hạnh	K64CNNN	0	4,538,150	0	4,538,150	
90	19021553	Hoàng Minh Hiếu	K64CNNN	0	4,805,100	0	4,805,100	
91	19021555	Nguyễn Thị Hồng	K64CNNN	0	4,805,100	0	4,805,100	
92	19021557	Nguyễn Thị Phương Huê	K64CNNN	0	6,406,800	0	6,406,800	
93	19021558	Nghiêm Thị Huế	K64CNNN	0	4,538,150	0	4,538,150	
94	19021559	Nguyễn Thị Thu Hương	K64CNNN	0	4,538,150	0	4,538,150	
95	19021561	Nguyễn Thị Thùy Linh	K64CNNN	0	5,605,950	0	5,605,950	
96	19021563	Trịnh Duy Linh	K64CNNN	0	4,805,100	0	4,805,100	
97	19021564	Nguyễn Thành Long	K64CNNN	0	5,605,950	0	5,605,950	
98	19021565	Nguyễn Hữu Miện	K64CNNN	0	4,805,100	0	4,805,100	
99	19021566	Hoàng Thị Hồng Nga	K64CNNN	0	4,805,100	0	4,805,100	
100	19021568	Nguyễn Thế Ngọc Phượng	K64CNNN	0	5,339,000	0	5,339,000	
101	19021569	Lương Hữu Quyết	K64CNNN	0	4,538,150	0	4,538,150	
102	19021570	Quách Văn Sơn	K64CNNN	0	1,681,785	0	1,681,785	
103	19021571	Phạm Đình Thản	K64CNNN	0	4,805,100	0	4,805,100	
104	19021572	Ngô Công Thành	K64CNNN	0	4,805,100	0	4,805,100	
105	19021573	Nguyễn Văn Thiện	K64CNNN	0	6,139,850	0	6,139,850	
106	19021574	Trần Tuấn Tiến	K64CNNN	0	4,805,100	0	4,805,100	
107	19021576	Dương Kim Trung	K64CNNN	0	4,805,100	0	4,805,100	
108	19021577	Lê Tiến Vượng	K64CNNN	0	4,805,100	0	4,805,100	
109	19020001	Nguyễn Bá Thành Bắc	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
110	19020002	Nguyễn Văn Chiến	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
111	19020003	Vũ Quốc Đạt	K64CNTT	3,620,000	4,271,200	0	7,891,200	Chưa đóng K1+GDQP
112	19020004	Nguyễn Anh Đức	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
113	19020005	Hoàng Gia Anh Đức	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
114	19020006	Nguyễn Kim Đức	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
115	19020007	Nguyễn Trần Anh Đức	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
116	19020009	Hồ Đức Hiếu	K64CNTT	0	2,135,600	0	2,135,600	
117	19020010	Nguyễn Văn Hoàn	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
118	19020011	Nguyễn Quang Huy	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
119	19020013	Nguyễn Quang Huy	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
120	19020014	Đinh Trường Lãm	K64CNTT	3,620,000	3,203,400	0	6,823,400	Chưa đóng K1+GDQP
121	19020015	Lương Hải Long	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
122	19020016	Trần Hữu Đức Mạnh	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
123	19020017	Trần Thế Phong	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
124	19020020	Lê Vũ Quang	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
125	19020021	Nguyễn Phú Quốc	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
126	19020022	Cao Phan Thái	K64CNTT	2,248,000	5,339,000	0	7,587,000	Chưa đóng GDQP
127	19020023	Nguyễn Bá Toàn Thắng	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
128	19020024	Phạm Văn Trọng	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
129	19020025	Đinh Quốc Trung	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
130	19020027	Nguyễn Thành Minh	K64CNTT	3,620,000	4,271,200	0	7,891,200	Chưa đóng K1+GDQP
131	19020031	Lê Hoàng Anh	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
132	19020032	Trần Công Việt An	K64CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
133	19020038	Phạm Anh Cường	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
134	19020039	Lương Duy Đạt	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
135	19020040	Nguyễn Tiến Dũng	K64CNTT	-2,000	5,072,050	0	5,070,050	Bù trừ do nộp thừa HP GDQP
136	19020041	Cao Đức Anh Dũng	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
137	19020042	Cao Thanh Hải	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
138	19020043	Nguyễn Minh Hiển	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
139	19020045	Đặng Minh Hoàng	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
140	19020046	Nguyễn Đình Huy	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
141	19020047	Ngô Ngọc Huyền	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
142	19020048	Nguyễn Thanh Huyền	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
143	19020049	Vũ Quế Lâm	K64CNTT	0	3,737,300	0	3,737,300	
144	19020050	Nguyễn Văn Minh	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
145	19020051	Phạm Trung Nghĩa	K64CNTT	3,620,000	4,538,150	0	8,158,150	Chưa đóng K1+GDQP
146	19020052	Hoàng Việt Phương	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
147	19020053	Đồng Vũ Hạnh Thảo	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
148	19020054	Bùi Chí Trung	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
149	19020055	Cao Hoàng Tùng	K64CNTT	0	6,940,700	0	6,940,700	
150	19020057	Vũ Chí Dũng	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
151	19020062	Phạm Huy Hoàng	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
152	19020070	Tạ Minh Hiếu	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
153	19020072	Nguyễn Quang Minh	K64CNTT	0	2,536,025	0	2,536,025	
154	19020074	Ngô Đức Anh	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
155	19020075	Nguyễn Đình Tuấn Anh	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
156	19020076	Đỗ Hồng Hà	K64CNTT	-2,248,000	5,339,000	0	3,091,000	
157	19020077	Trần Trung Hiếu	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
158	19020078	Đặng TrungKiên	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
159	19020079	Nguyễn Vũ Hải Long	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
160	19020080	Trần Đình Long	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
161	19020081	Nguyễn Quang Minh	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
162	19020082	Nguyễn Quốc Nhật	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
163	19020083	Phạm Bảo Phúc	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
164	19020084	Trịnh Ngọc Tâm	K64CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
165	19020085	Vũ Đức Thành	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
166	19020086	Nguyễn Đức Thành	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
167	19020087	Nguyễn Quốc Trung	K64CNTT	2,248,000	4,271,200	0	6,519,200	Chưa đóng GDQP
168	19020123	Nguyễn Công Tuấn Anh	K64CNTT	0	4,004,250	0	4,004,250	
169	19020124	Nguyễn Quý Đôn	K64CNTT	0	3,203,400	0	3,203,400	
170	19020152	Hà Trung Đức	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
171	19020153	Nông Lương Đức	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
172	19020155	Lăng Văn Quang Hiếu	K64CNTT	0	1,361,445	0	1,361,445	
173	19020163	Vi Tiến Đạt	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
174	19020164	Triệu Minh Đức	K64CNTT	2,248,000	4,538,150	0	6,786,150	Chưa đóng GDQP
175	19020165	Nông Bích Loan	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
176	19020166	Hoàng Văn Lương	K64CNTT	0	2,162,295	0	2,162,295	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
177	19020167	Chu Trường Phi	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
178	19020169	Triệu Minh Tiến	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
179	19020170	Vi Anh Tuấn	K64CNTT	0	3,470,350	0	3,470,350	
180	19020171	Vi Quốc Thiện	K64CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
181	19020172	Lữ Thị Thùy Linh	K64CNTT	0	1,521,615	0	1,521,615	
182	19020174	Lê Văn Sơn	K64CNTT	2,248,000	5,072,050	0	7,320,050	Chưa đóng GDQP
183	19020175	Nguyễn Văn Quân	K64CNTT	2,248,000	4,271,200	0	6,519,200	Chưa đóng GDQP
184	19020176	Lương Thành Công	K64CNTT	3,620,000	2,135,600	0	5,755,600	Chưa đóng K1+GDQP
185	19020201	Nguyễn Hữu An	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
186	19020202	Nguyễn Đức An	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
187	19020203	Nguyễn Đức An	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
188	19020204	Lê Thị An	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
189	19020205	Lê Văn An	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
190	19020206	Nguyễn Văn Anh	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
191	19020207	Phạm Tuấn Anh	K64CNTT	2,248,000	5,339,000	0	7,587,000	Chưa đóng GDQP
192	19020208	Thái Đức Anh	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
193	19020209	Trần Thị Lan Anh	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
194	19020210	Nguyễn Trần Nhật Anh	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
195	19020211	Cao Đức Anh	K64CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
196	19020212	Nguyễn Việt Anh	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
197	19020213	Đậu Công Tuấn Anh	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
198	19020214	Trần Quốc Anh	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
199	19020215	Hoàng Công Anh	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
200	19020216	Đỗ Thị Hồng ánh	K64CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
201	19020217	Đàm Đức ánh	K64CNTT	2,248,000	5,605,950	0	7,853,950	Chưa đóng GDQP
202	19020218	Nguyễn Cao Bách	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
203	19020219	Nguyễn Xuân Bách	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
204	19020220	Nhâm Đức Bách	K64CNTT	2,248,000	4,271,200	0	6,519,200	Chưa đóng GDQP
205	19020221	Nguyễn Lương Bằng	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
206	19020222	Vũ Quốc Bảo	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
207	19020223	Đặng Thị Bình	K64CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
208	19020224	Phạm Quốc Bình	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
209	19020225	Ngô Tiến Bình	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
210	19020226	Lê Trần Lâm Bình	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
211	19020227	Nguyễn Duy Chiến	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
212	19020228	Vũ Minh Chiến	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
213	19020229	Phạm Minh Chiến	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
214	19020230	Nguyễn Quang Chiều	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
215	19020231	Vương Văn Chính	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
216	19020232	Nguyễn Văn Chính	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
217	19020233	Phí Hữu Chính	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
218	19020234	Lê Văn Chương	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
219	19020235	Phan Văn Cơ	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
220	19020236	Lê Thiên Cường	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
221	19020237	Đỗ Mạnh Cường	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
222	19020238	Văn Đăng Cường	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
223	19020239	Đoàn Duy Cường	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
224	19020240	Nguyễn Tiến Đàn	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
225	19020241	Nguyễn Hải Đăng	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
226	19020242	Nguyễn Quang Đăng	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
227	19020243	Nguyễn Tiến Đạt	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
228	19020244	Đỗ Văn Đạt	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
229	19020245	Đỗ Tiến Đạt	K64CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
230	19020246	Ngô Quang Đạt	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
231	19020247	Phạm Thanh Đạt	K64CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
232	19020248	Nguyễn Văn Điệp	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
233	19020249	Bùi Xuân Định	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
234	19020250	Nguyễn Thành Đô	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
235	19020251	Hoàng Văn Đô	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
236	19020252	Phạm Tiến Đoàn	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
237	19020253	Đoàn Văn Dự	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
238	19020254	Nguyễn Minh Đức	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
239	19020255	Đậu Việt Đức	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
240	19020256	Nguyễn Đình Minh Đức	K64CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
241	19020257	Trần Xuân Đức	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
242	19020258	Lê Trung Đức	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
243	19020259	Lê Văn Đức	K64CNTT	2,248,000	5,072,050	0	7,320,050	Chưa đóng GDQP
244	19020260	Trần Minh Đức	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
245	19020261	Nguyễn Thị Dung	K64CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
246	19020263	Nguyễn Đức Dũng	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
247	19020264	Nguyễn Phan Việt Dũng	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
248	19020265	Nguyễn Quang Đại Dương	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
249	19020266	Nguyễn Duy Đường	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
250	19020267	Chu Đình Duy	K64CNTT	360,400	1,601,700	0	1,962,100	Chưa đóng GDQP
251	19020268	Trần Phương Duy	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
252	19020269	Đinh Tùng Duy	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
253	19020270	Hoàng Đức Giang	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
254	19020271	Phạm Hoàng Giang	K64CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
255	19020272	Vũ Đức Giang	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
256	19020273	Phạm Việt Hà	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
257	19020274	Đậu Nam Hải	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
258	19020275	Đinh Thanh Hải	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
259	19020276	Khuất Văn Hải	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
260	19020277	Phí Mạnh Hải	K64CNTT	-2,000	4,271,200	0	4,269,200	Bù trừ do nộp thừa HP GDQP
261	19020278	Nguyễn Đình Hải	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
262	19020279	Nguyễn Thị Hằng	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
263	19020280	Bùi Văn Hậu	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
264	19020281	Trần Thị Hiền	K64CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
265	19020282	Nguyễn Bá Hiệp	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
266	19020283	Lưu Tiến Hiệp	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
267	19020284	Nguyễn Văn Hiếu	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
268	19020285	Phạm Trung Hiếu	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
269	19020286	Đặng Trần Hiếu	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
270	19020287	Trần Đức Hiếu	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
271	19020288	Trương Xuân Hiếu	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
272	19020289	Đào Quang Hiếu	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
273	19020290	Phạm Trung Hiếu	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
274	19020291	Bùi Xuân Hiếu	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
275	19020292	Vũ Minh Hiếu	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
276	19020293	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
277	19020294	Đặng Thị Thanh Hoa	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
278	19020295	Nguyễn Như Hoa	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
279	19020296	Nguyễn Việt Hòa	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
280	19020297	Nguyễn Việt Hoàn	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
281	19020298	Lưu Việt Hoàng	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
282	19020299	Phạm Ngọc Hoàng	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
283	19020300	Trần Văn Hoàng	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
284	19020301	Trịnh Hoàng	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
285	19020302	Trần ích Hoàng	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
286	19020303	Nguyễn Đức Hoàng	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
287	19020304	Hạp Tiến Hoạt	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
288	19020305	Phan Văn Hợp	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
289	19020306	Lại Văn Huân	K64CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
290	19020307	Lục Thị Huệ	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
291	19020308	Lê Tuấn Hùng	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
292	19020309	Bùi Đức Hùng	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
293	19020310	Vũ Tuấn Hùng	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
294	19020311	Trần Phi Hùng	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
295	19020312	Cao Phạm Quang Hùng	K64CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
296	19020313	Trần Văn Hùng	K64CNTT	2,248,000	5,339,000	0	7,587,000	Chưa đóng GDQP
297	19020314	Tăng Văn Minh Hùng	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
298	19020315	Lê Sỹ Hưng	K64CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
299	19020316	Lê Minh Hương	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
300	19020317	Vũ Thị Thanh Hương	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
301	19020318	Võ Văn Hướng	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
302	19020319	Hoàng Quốc Huy	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
303	19020320	Nguyễn Quang Huy	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
304	19020321	Trần Quang Huy	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
305	19020322	Nguyễn Tấn Huy	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
306	19020323	Trịnh Mai Huy	K64CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
307	19020324	Hà Văn Huy	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
308	19020325	Trần Nhật Huy	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
309	19020326	Dương Thái Huy	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
310	19020327	Vũ Thị Huyền	K64CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
311	19020328	Lê Thanh Huyền	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
312	19020329	Đỗ Quang Huynh	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
313	19020330	Văn Tiến Khải	K64CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
314	19020331	Nguyễn Thế Khải	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
315	19020332	Đặng Bá Khang	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
316	19020333	Ngô Ngọc Khánh	K64CNTT	0	4,004,250	0	4,004,250	
317	19020334	Phạm Quang Khánh	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
318	19020335	Đàm Tam Khoa	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
319	19020336	Phan Đăng Khoa	K64CNTT	2,248,000	5,072,050	0	7,320,050	Chưa đóng GDQP
320	19020337	Lê Quang Khôi	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
321	19020338	Nguyễn Hữu Kiên	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
322	19020339	Vũ Anh Kiên	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
323	19020340	Dương TrungKiên	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
324	19020341	Lê Văn Kiên	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
325	19020342	Đào Danh kiến	K64CNTT	2,248,000	5,339,000	0	7,587,000	Chưa đóng GDQP
326	19020343	Mai Ngọc Lâm	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
327	19020344	Phạm Hoàng Lâm	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
328	19020345	Hoàng Khắc Lâm	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
329	19020346	Lê Mạnh Linh	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
330	19020347	Nguyễn Thế Linh	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
331	19020348	Bùi Thị út Loan	K64CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
332	19020349	Lê Bảo Lộc	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
333	19020350	Nguyễn Quang Lợi	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
334	19020351	Lê Hải Long	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
335	19020352	Đoàn Lê Bảo Long	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
336	19020353	Lê Thành Long	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
337	19020354	Nguyễn Tân Long	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
338	19020355	Lê Đăng Long	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
339	19020356	Phạm Thị Lụa	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
340	19020357	Trần Quốc Lực	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
341	19020358	Phùng Thị Lý	K64CNTT	0	1,361,445	0	1,361,445	
342	19020360	Phạm Đức Mạnh	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
343	19020361	Nguyễn Hữu Mạnh	K64CNTT	2,248,000	4,271,200	0	6,519,200	Chưa đóng GDQP
344	19020362	Nguyễn Đức Mạnh	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
345	19020363	Nguyễn Duy Mạnh	K64CNTT	0	4,004,250	0	4,004,250	
346	19020364	Nguyễn Đăng Mạnh	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
347	19020365	Trần Đức Mạnh	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
348	19020366	Trần Đức Minh	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
349	19020367	Lê Văn Minh	K64CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
350	19020368	Dương Hồng Minh	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
351	19020369	Nguyễn Văn Minh	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
352	19020370	Trương Bình Minh	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
353	19020371	Nguyễn Đăng Minh	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
354	19020372	Nguyễn Lê Hải Nam	K64CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
355	19020373	Đỗ Văn Nam	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
356	19020374	Đặng Phương Nam	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
357	19020375	Trương Văn Nam	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
358	19020376	Lê Công Nam	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
359	19020377	Nguyễn Như Nam	K64CNTT	-2,000	4,538,150	0	4,536,150	Bù trừ do nộp thừa HP GDQP
360	19020378	Phạm Thị Phương Nam	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
361	19020379	Nguyễn Thế Nam	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
362	19020380	Nguyễn Ngọc Nam	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
363	19020381	Lương Thị Ngân	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
364	19020382	Đặng Thị Hà Ngân	K64CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
365	19020383	Nguyễn Trọng Nghĩa	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
366	19020384	Võ Hồng Nghiệp	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
367	19020385	Nguyễn Như Ngọc	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
368	19020386	Nguyễn Minh Ngọc	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
369	19020387	Đinh Thanh Nhàn	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
370	19020388	Võ Phùng Bảo Nhật	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
371	19020389	Tô Viết Ninh	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
372	19020390	Đỗ Hải Phong	K64CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
373	19020391	Vũ Quang Phong	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
374	19020392	Vũ Văn Phong	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
375	19020393	Trần Thành Phúc	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
376	19020394	Phạm Tiến Phúc	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
377	19020396	Nguyễn Văn Phương	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
378	19020397	Tạ Viết Phương	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
379	19020398	Bùi Quang Quân	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
380	19020399	Phan Anh Quân	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
381	19020400	Nguyễn Khánh Quân	K64CNTT	2,248,000	4,271,200	0	6,519,200	Chưa đóng GDQP
382	19020401	Nguyễn Hữu Hồng Quân	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
383	19020402	Nguyễn Đắc Anh Quang	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
384	19020403	Nguyễn Văn Quang	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
385	19020404	Phạm Mạnh Minh Quang	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
386	19020405	Nguyễn Minh Quang	K64CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
387	19020406	Nguyễn Ngọc Quang	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
388	19020407	Hoàng Minh Quang	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
389	19020408	Đặng Thế Quang	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
390	19020409	Phạm Văn Quý	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
391	19020410	Vũ Ngọc Quyền	K64CNTT	2,248,000	4,805,100	0	7,053,100	Chưa đóng GDQP
392	19020411	Nguyễn Minh Quyết	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
393	19020412	Vũ Xuân Quyết	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
394	19020413	Tạ Thị Như Quỳnh	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
395	19020414	Trần Thị Diễm Quỳnh	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
396	19020415	Nguyễn Văn Quỳnh	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
397	19020416	Phạm Văn Sang	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
398	19020417	Đoàn Hoàng Sơn	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
399	19020418	Lê Duy Sơn	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
400	19020419	Nguyễn Đắc Sơn	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
401	19020420	Trương Hoàng Sơn	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
402	19020421	Nguyễn Xuân Sơn	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
403	19020422	Đào Xuân Sơn	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
404	19020423	Nguyễn Hồng Sơn	K64CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
405	19020424	Nguyễn Hải Sơn	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
406	19020425	Quách Thanh Sơn	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
407	19020426	Nguyễn Công Sơn	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
408	19020427	Đỗ Đức Tâm	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
409	19020428	Hà Minh Tâm	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
410	19020429	Phạm Gia Tâm	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
411	19020430	Vũ Thị Tâm	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
412	19020431	Vũ Cao Tân	K64CNTT	0	5,605,950	0	5,605,950	
413	19020432	Đinh Mạnh Tân	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
414	19020433	Lưu Mạnh Tân	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
415	19020434	Hồ Mạnh Tân	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
416	19020435	Đỗ Trọng Tấn	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
417	19020436	Nguyễn Ngọc Thạch	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
418	19020437	Chu Huy Thái	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
419	19020438	Đinh Văn Thái	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
420	19020439	Bùi Đức Thắng	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
421	19020440	Nguyễn Văn Thắng	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
422	19020441	Nguyễn Quyết Thắng	K64CNTT	-2,000	4,538,150	0	4,536,150	Bù trừ do nộp thừa HP GDQP
423	19020442	Lê Tuấn Thành	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
424	19020443	Nguyễn Gia Cát Thành	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
425	19020444	Trần Phương Thảo	K64CNTT	0	4,805,100	0	4,805,100	
426	19020445	Bùi Thị Phương Thảo	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
427	19020446	Nguyễn Thị Minh Thảo	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
428	19020447	Vũ Minh Thiên	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
429	19020448	Nguyễn Trọng Thịnh	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
430	19020449	Nguyễn Thị Thư	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
431	19020450	Nguyễn Công Thư	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
432	19020451	Bùi Anh Thư	K64CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
433	19020452	Trịnh Văn Thuận	K64CNTT	0	4,271,200	0	4,271,200	
434	19020453	Đỗ Văn Thức	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
435	19020454	Phạm Huyền Thương	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
436	19020455	Trần Thị Thu Thủy	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
437	19020456	Nguyễn Bá Tiên	K64CNTT	-252,000	4,271,200	0	4,019,200	
438	19020457	Lê Đức Tĩnh	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
439	19020458	Lê Cảnh Toàn	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
440	19020459	Lê Viết Toàn	K64CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
441	19020460	Chu Văn Toàn	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
442	19020461	Trần Thanh Trà	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
443	19020462	Đỗ Thu Trang	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
444	19020463	Trần Thị Trang	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
445	19020464	Nguyễn Xuân Trang	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
446	19020465	Phan Minh Trọng	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
447	19020466	Vũ Đức Trung	K64CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
448	19020467	Tạ Ngọc Trung	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
449	19020468	Nguyễn Việt Trung	K64CNTT	2,248,000	4,538,150	0	6,786,150	Chưa đóng GDQP
450	19020469	Lê Ngọc Trung	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
451	19020470	Lê Văn Hiếu Trung	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
452	19020471	Phan Đức Trung	K64CNTT	0	6,139,850	0	6,139,850	
453	19020472	Bùi Quang Trường	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
454	19020473	Nguyễn Quang Nhật Trường	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
455	19020474	Nguyễn Quang Trường	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
456	19020475	Phan Đình Đan Trường	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
457	19020476	Nguyễn Đào Quang Tuấn	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
458	19020477	Đào Trọng Tuấn	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
459	19020478	Bùi Duy Tuấn	K64CNTT	0	5,872,900	0	5,872,900	
460	19020479	Dương Đức Tùng	K64CNTT	2,248,000	6,940,700	0	9,188,700	Chưa đóng GDQP
461	19020480	Trần Sơn Tùng	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
462	19020481	Nguyễn Hoàng Tùng	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
463	19020482	Trương Hoàng Tùng	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
464	19020483	Ninh Thị Tươi	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
465	19020484	Lê Minh Tuyến	K64CNTT	0	5,339,000	0	5,339,000	
466	19020485	Nguyễn Quang Vinh	K64CNTT	2,248,000	4,538,150	0	6,786,150	Chưa đóng GDQP

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
467	19020486	Kiều Thế Vinh	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
468	19020487	Nguyễn Duy Vũ	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
469	19020488	Đinh Quang Vũ	K64CNTT	2,248,000	5,872,900	0	8,120,900	Chưa đóng GDQP
470	19020489	Nguyễn Hữu Vượt	K64CNTT	0	4,538,150	0	4,538,150	
471	19020490	Đào Thị Hải Yến	K64CNTT	0	5,072,050	0	5,072,050	
472	19020090	Nguyễn Lê Huy	K64HKVT	0	4,271,200	0	4,271,200	
473	19021142	Nguyễn Quang Anh	K64HKVT	0	5,072,050	0	5,072,050	
474	19021143	Nguyễn Đình Anh	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
475	19021144	Ngô Đăng Hoàng Anh	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
476	19021145	Ngô Việt Anh	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
477	19021146	Nguyễn Quốc Anh	K64HKVT	0	4,271,200	0	4,271,200	
478	19021147	Phan Thị Ngọc ánh	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
479	19021149	Vương Đức Chiến	K64HKVT	0	4,271,200	0	4,271,200	
480	19021150	Nguyễn Hải Đăng	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
481	19021151	Nguyễn Tiến Đạt	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
482	19021152	Nguyễn Trọng Đạt	K64HKVT	0	4,538,150	0	4,538,150	
483	19021153	Lê Quang Đức	K64HKVT	0	4,271,200	0	4,271,200	
484	19021154	Nguyễn Tiến Dũng	K64HKVT	-52,000	5,339,000	0	5,287,000	Bù trừ do nộp thừa HP GDQP
485	19021155	Nguyễn Phú Dũng	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
486	19021156	Lê Tùng Dương	K64HKVT	2,248,000	5,072,050	0	7,320,050	Chưa đóng GDQP
487	19021158	Vũ Thị Thu Hiên	K64HKVT	3,620,000	4,271,200	0	7,891,200	Chưa đóng K1+GDQP
488	19021159	Vũ Minh Hiếu	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
489	19021160	Nguyễn Lê Đức Hoàng	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
490	19021161	Nguyễn Trọng Hoàng	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
491	19021162	Phạm Xuân Huấn	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
492	19021163	Nguyễn Việt Hùng	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
493	19021164	Nguyễn Mạnh Hùng	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
494	19021165	Bùi Quốc Huy	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
495	19021166	Trần Thị Thanh Huyền	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
496	19021167	Hoàng Trung Kiên	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
497	19021168	Vũ Tuấn Kiệt	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
498	19021169	Lê Tuấn Kiệt	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
499	19021171	Trịnh Viết Mạnh	K64HKVT	0	4,271,200	0	4,271,200	
500	19021172	Trần Quang Minh	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
501	19021173	Nguyễn Trọng Minh	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
502	19021174	Nguyễn Công Minh	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
503	19021175	Nguyễn Quang Minh	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
504	19021176	Trần Thảo Ngân	K64HKVT	0	4,538,150	0	4,538,150	
505	19021177	Hà Văn Nguyên	K64HKVT	-600	5,339,000	0	5,338,400	Bù trừ do nộp thừa HP GDQP
506	19021178	Bùi Xuân Phúc	K64HKVT	0	4,271,200	0	4,271,200	
507	19021179	Bùi Hữu Phước	K64HKVT	0	4,538,150	0	4,538,150	
508	19021180	Phùng Minh Phương	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
509	19021181	Hoàng Minh Phương	K64HKVT	0	4,538,150	0	4,538,150	
510	19021182	Dương Minh Quang	K64HKVT	0	5,072,050	0	5,072,050	
511	19021183	Nguyễn Trường Sơn	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
512	19021184	Cao Khánh Tân	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
513	19021185	Nguyễn Đức Thắng	K64HKVT	0	4,271,200	0	4,271,200	
514	19021186	Nguyễn Phạm Ninh Thanh	K64HKVT	1,100	5,872,900	0	5,874,000	Nộp thiếu GDQP
515	19021187	Nguyễn Xuân Thành	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
516	19021188	Nguyễn TrungThành	K64HKVT	0	5,072,050	0	5,072,050	
517	19021189	Nguyễn Duy Thành	K64HKVT	0	5,605,950	0	5,605,950	
518	19021190	Nguyễn Thị Thanh Thảo	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
519	19021191	Lê Đình Thi	K64HKVT	0	4,271,200	0	4,271,200	
520	19021192	Nguyễn Mai Thương	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
521	19021194	Ngô Thị Trang	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
522	19021195	Bế Quốc Trung	K64HKVT	0	5,072,050	0	5,072,050	
523	19021196	Hoàng Hữu Trường	K64HKVT	0	5,072,050	0	5,072,050	
524	19021197	Nguyễn Văn Trường	K64HKVT	0	4,271,200	0	4,271,200	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
525	19021198	Bùi Minh Tú	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
526	19021199	Hoàng Thanh Tùng	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
527	19021200	Lê Văn Vinh	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
528	19021201	Lê Văn Vinh	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
529	19021202	Dương Quang Vinh	K64HKVT	0	4,271,200	0	4,271,200	
530	19021203	Lê Quang Vũ	K64HKVT	0	5,339,000	0	5,339,000	
531	19020091	Thái Anh Đức	K64KTĐK-TĐH	0	3,737,300	0	3,737,300	
532	19021578	Phạm Văn Bảo	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
533	19021579	Hoàng Hữu Chiến	K64KTĐK-TĐH	0	5,072,050	0	5,072,050	
534	19021580	Nguyễn Xuân Chiến	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
535	19021581	Nguyễn Thành Công	K64KTĐK-TĐH	0	5,072,050	0	5,072,050	
536	19021582	Vũ Mạnh Cường	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
537	19021583	Lê Văn Cường	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
538	19021584	Trần Hải Đăng	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
539	19021585	Đoàn Hải Đăng	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
540	19021586	Nguyễn Tiến Đạt	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
541	19021587	Nguyễn Văn Đồng	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
542	19021588	Hoàng Ngọc Đức	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
543	19021589	Nguyễn Tiến Dũng	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
544	19021590	Nguyễn Tấn Dũng	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
545	19021591	Ngô Chí Được	K64KTĐK-TĐH	0	4,004,250	0	4,004,250	
546	19021592	Nguyễn Đình Dương	K64KTĐK-TĐH	0	4,004,250	0	4,004,250	
547	19021593	Hà Duy Dương	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
548	19021594	Đoàn Minh Hào	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
549	19021595	Đinh Thị Thu Hiền	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
550	19021596	Phạm Duy Hoàng	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
551	19021597	Bành Sơn Hoàng	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
552	19021598	Nguyễn Văn Hoàng	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
553	19021599	Nguyễn Văn Huân	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
554	19021600	Tạ Ngọc Huấn	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
555	19021601	Nguyễn Duy Hùng	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
556	19021602	Vũ Quang Hưng	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
557	19021603	Nguyễn Quang Huy	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
558	19021604	Nguyễn Công Kiên	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
559	19021605	Phan Trung Kiên	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
560	19021606	Nguyễn Đức Tuấn Kiệt	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
561	19021607	Phạm Quang Long	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
562	19021608	Phạm Đức Minh	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
563	19021609	Nguyễn Hoài Nam	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
564	19021610	Nguyễn Phương Nam	K64KTĐK-TĐH	0	4,004,250	0	4,004,250	
565	19021611	Trần Đại Nghĩa	K64KTĐK-TĐH	0	4,004,250	0	4,004,250	
566	19021612	Đỗ Đình Nhã	K64KTĐK-TĐH	0	5,072,050	0	5,072,050	
567	19021613	Hồ Thức Nhân	K64KTĐK-TĐH	0	5,072,050	0	5,072,050	
568	19021614	Nguyễn Hoàng Phúc	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
569	19021615	Trịnh Hữu Quân	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
570	19021616	Nguyễn Minh Quang	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
571	19021617	Cù Đức Sang	K64KTĐK-TĐH	0	2,135,600	0	2,135,600	
572	19021618	Bùi Hồng Sơn	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
573	19021619	Nguyễn Phúc Thiên Sơn	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
574	19021621	Chu Mạnh Tân	K64KTĐK-TĐH	0	4,004,250	0	4,004,250	
575	19021622	Đặng Ngọc Thạch	K64KTĐK-TĐH	2,248,000	3,737,300	0	5,985,300	Chưa đóng GDQP
576	19021623	Nguyễn Duy Thái	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
577	19021625	Chu Văn Thìn	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
578	19021626	Trần Văn Thịnh	K64KTĐK-TĐH	-2,248,000	4,271,200	0	2,023,200	
579	19021627	Vũ Trung Thông	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
580	19021628	Đỗ Đức Thuận	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
581	19021629	Đỗ Minh Tiến	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
582	19021630	Nguyễn Mạnh Toàn	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
583	19021631	Phạm Thành Trung	K64KTĐK-TĐH	0	4,004,250	0	4,004,250	
584	19021632	Đặng Văn Trung	K64KTĐK-TĐH	0	4,004,250	0	4,004,250	
585	19021633	Nguyễn Đắc Tú	K64KTĐK-TĐH	0	4,004,250	0	4,004,250	
586	19021634	Phan Duy Tuân	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
587	19021635	Dương Thị Tố Uyên	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
588	19021636	Bùi Văn Việt	K64KTĐK-TĐH	0	4,004,250	0	4,004,250	
589	19021637	Nguyễn Tất Việt	K64KTĐK-TĐH	0	4,271,200	0	4,271,200	
590	19020877	Trần Minh Anh	K64KTXD	0	4,538,150	0	4,538,150	
591	19020878	Lê Hải Anh	K64KTXD	0	4,805,100	0	4,805,100	
592	19020879	Lê Đức Anh	K64KTXD	0	4,805,100	0	4,805,100	
593	19020880	Trịnh Đình Đức Anh	K64KTXD	0	4,271,200	0	4,271,200	
594	19020881	Lê Tuấn Anh	K64KTXD	0	4,805,100	0	4,805,100	
595	19020882	Phạm Quang Anh	K64KTXD	0	4,271,200	0	4,271,200	
596	19020883	Nguyễn Tuấn Anh	K64KTXD	0	4,805,100	0	4,805,100	
597	19020885	Mai Văn Bộ	K64KTXD	0	4,538,150	0	4,538,150	
598	19020886	Trương Trọng Chiến	K64KTXD	0	4,004,250	0	4,004,250	
599	19020887	Nguyễn Văn Chinh	K64KTXD	2,248,000	4,538,150	0	6,786,150	Chưa đóng GDQP
600	19020888	Nguyễn Quốc Chung	K64KTXD	0	4,538,150	0	4,538,150	
601	19020889	Trương Quốc Đạt	K64KTXD	0	4,004,250	0	4,004,250	
602	19020890	Trần Quang Đạt	K64KTXD	0	4,805,100	0	4,805,100	
603	19020891	Tống Xuân Đạt	K64KTXD	0	4,538,150	0	4,538,150	
604	19020892	Trần Tiến Đạt	K64KTXD	0	4,538,150	0	4,538,150	
605	19020893	Phạm Tuấn Đạt	K64KTXD	2,248,000	4,004,250	0	6,252,250	Chưa đóng GDQP
606	19020894	Phan Quốc Đạt	K64KTXD	0	4,805,100	0	4,805,100	Chưa đóng GDQP
607	19020895	Hà Văn Đông	K64KTXD	2,248,000	4,271,200	0	6,519,200	Chưa đóng GDQP
608	19020896	Lê Đàm Hồng Đức	K64KTXD	0	4,004,250	0	4,004,250	
609	19020897	Hoàng Văn Đức	K64KTXD	0	4,805,100	0	4,805,100	
610	19020898	Trần Lê Đức	K64KTXD	0	4,805,100	0	4,805,100	
611	19020899	Vũ Minh Đức	K64KTXD	2,248,000	4,004,250	0	6,252,250	Chưa đóng GDQP
612	19020900	Vũ Minh Đức	K64KTXD	0	4,004,250	0	4,004,250	
613	19020901	Phan Xuân Đức	K64KTXD	2,248,000	4,004,250	0	6,252,250	Chưa đóng GDQP
614	19020902	Văn Ngọc Đức	K64KTXD	2,248,000	4,538,150	0	6,786,150	Chưa đóng GDQP
615	19020905	Nguyễn Mạnh Dũng	K64KTXD	0	4,271,200	0	4,271,200	
616	19020906	Ngô Đình Dương	K64KTXD	0	4,004,250	0	4,004,250	
617	19020907	Lê Công Dưỡng	K64KTXD	-2,000	5,605,950	0	5,603,950	Bù trừ do nộp thừa HP GDQP
618	19020909	Nguyễn Quang Duy	K64KTXD	0	4,538,150	0	4,538,150	
619	19020910	Lê Ngọc Duy	K64KTXD	0	4,805,100	0	4,805,100	
620	19020912	Trần Văn Hà	K64KTXD	0	4,004,250	0	4,004,250	
621	19020913	Cù Thanh Hà	K64KTXD	0	4,805,100	0	4,805,100	
622	19020914	Phạm Hoàng Hà	K64KTXD	0	4,805,100	0	4,805,100	
623	19020916	Nguyễn Văn Hân	K64KTXD	0	4,538,150	0	4,538,150	
624	19020917	Nguyễn Khánh Hiệp	K64KTXD	0	3,203,400	0	3,203,400	
625	19020918	Đỗ Hoàng Hiệp	K64KTXD	0	4,004,250	0	4,004,250	
626	19020919	Nguyễn Trung Hiếu	K64KTXD	0	4,271,200	0	4,271,200	
627	19020920	Phạm Trung Hiếu	K64KTXD	0	4,271,200	0	4,271,200	
628	19020922	Đào Mạnh Hoàng	K64KTXD	2,248,000	4,805,100	0	7,053,100	Chưa đóng GDQP
629	19020923	Đặng Thế Hoàng	K64KTXD	0	4,004,250	0	4,004,250	
630	19020924	Trần Huy Hoàng	K64KTXD	2,248,000	4,004,250	0	6,252,250	Chưa đóng GDQP
631	19020925	Nguyễn Huy Hoàng	K64KTXD	0	4,271,200	0	4,271,200	
632	19020926	Bùi Đình Học	K64KTXD	2,248,000	4,538,150	0	6,786,150	Chưa đóng GDQP
633	19020928	Trần Duy Hưng	K64KTXD	0	4,538,150	0	4,538,150	
634	19020929	Nguyễn Thái Hưng	K64KTXD	0	4,538,150	0	4,538,150	
635	19020930	Nguyễn Lâm Vĩnh Hưng	K64KTXD	0	4,271,200	0	4,271,200	
636	19020931	Lê Xuân Huy	K64KTXD	0	4,271,200	0	4,271,200	
637	19020932	Đồng Văn Huy	K64KTXD	0	4,805,100	0	4,805,100	
638	19020933	Phạm Quốc Huy	K64KTXD	0	4,805,100	0	4,805,100	
639	19020935	Nguyễn Đức Huy	K64KTXD	0	4,538,150	0	4,538,150	
640	19020936	Phạm Thị Huyền	K64KTXD	0	4,538,150	0	4,538,150	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
641	19020937	Hoàng Xuân Khoa	K64KTXD	0	4,805,100	0	4,805,100	
642	19020938	Bùi Đình Khôi	K64KTXD	0	4,805,100	0	4,805,100	
643	19020939	Hoàng Kim Trung Kiên	K64KTXD	0	4,004,250	0	4,004,250	
644	19020940	Vũ TrungKiên	K64KTXD	0	4,004,250	0	4,004,250	
645	19020941	Hoàng Hách Trung Kiên	K64KTXD	0	4,271,200	0	4,271,200	
646	19020942	Nguyễn Hoàng Linh	K64KTXD	0	4,805,100	0	4,805,100	
647	19020943	Lê Đức Lộc	K64KTXD	0	4,538,150	0	4,538,150	
648	19020945	Trần Văn Luật	K64KTXD	0	4,004,250	0	4,004,250	
649	19020946	Phạm Đức Lương	K64KTXD	0	4,271,200	0	4,271,200	
650	19020947	Hoàng Viết Lưu	K64KTXD	0	4,805,100	0	4,805,100	
651	19020948	Hà Văn Mạnh	K64KTXD	2,248,000	4,538,150	0	6,786,150	Chưa đóng GDQP
652	19020950	Hoàng Văn Mạnh	K64KTXD	0	4,805,100	0	4,805,100	
653	19020951	Hoàng Công Mạnh	K64KTXD	0	4,271,200	0	4,271,200	
654	19020952	Đào Uyên Minh	K64KTXD	2,248,000	4,004,250	0	6,252,250	Chưa đóng GDQP
655	19020953	Hán Văn Minh	K64KTXD	0	4,538,150	0	4,538,150	
656	19020954	Vũ Đình Minh	K64KTXD	0	4,805,100	0	4,805,100	
657	19020955	Mai Văn Minh	K64KTXD	2,248,000	4,004,250	0	6,252,250	Chưa đóng GDQP
658	19020956	Nguyễn Ngọc Nam	K64KTXD	0	4,805,100	0	4,805,100	
659	19020957	Đỗ Thành Nam	K64KTXD	0	4,538,150	0	4,538,150	
660	19020959	Nguyễn Hồ Nam	K64KTXD	0	4,271,200	0	4,271,200	
661	19020960	Đặng Phương Nam	K64KTXD	2,248,000	4,538,150	0	6,786,150	Chưa đóng GDQP
662	19020961	Ngọ Hải Nam	K64KTXD	0	4,805,100	0	4,805,100	
663	19020962	Nguyễn Cảnh Nguyên	K64KTXD	0	4,538,150	0	4,538,150	
664	19020963	Trần Văn Ninh	K64KTXD	0	4,538,150	0	4,538,150	
665	19020964	Đoàn Dương Phúc	K64KTXD	2,248,000	4,004,250	0	6,252,250	Chưa đóng GDQP
666	19020965	Trần Duy Phúc	K64KTXD	0	4,805,100	0	4,805,100	
667	19020966	Cao Thanh Phương	K64KTXD	0	4,271,200	0	4,271,200	
668	19020967	Nguyễn Đăng Quân	K64KTXD	0	5,072,050	0	5,072,050	
669	19020968	Hà Duy Quân	K64KTXD	2,248,000	4,271,200	0	6,519,200	Chưa đóng GDQP
670	19020970	Phạm Minh Quang	K64KTXD	0	4,538,150	0	4,538,150	
671	19020971	Nguyễn Ngọc Sơn	K64KTXD	0	4,538,150	0	4,538,150	
672	19020972	Thân Văn Sơn	K64KTXD	0	4,004,250	0	4,004,250	
673	19020975	Đỗ Trung Tá	K64KTXD	0	4,271,200	0	4,271,200	
674	19020976	Phạm Hoàng Thạch	K64KTXD	0	4,004,250	0	4,004,250	
675	19020977	Nguyễn Văn Thái	K64KTXD	0	4,271,200	0	4,271,200	
676	19020978	Đinh Hồng Thái	K64KTXD	0	4,004,250	0	4,004,250	
677	19020979	Nguyễn Hữu Thắng	K64KTXD	0	4,538,150	0	4,538,150	
678	19020980	Nguyễn Xuân Thắng	K64KTXD	0	4,538,150	0	4,538,150	
679	19020981	Nguyễn Thị Thảo	K64KTXD	0	4,538,150	0	4,538,150	
680	19020982	Tạ Huy Thiên	K64KTXD	2,248,000	4,004,250	0	6,252,250	Chưa đóng GDQP
681	19020983	Nguyễn Văn Thông	K64KTXD	0	4,271,200	0	4,271,200	
682	19020984	Nguyễn Văn Thường	K64KTXD	3,058,000	3,470,350	0	6,528,350	
683	19020987	Vũ Huy Trình	K64KTXD	0	4,271,200	0	4,271,200	
684	19020988	Nguyễn Văn Trung	K64KTXD	0	4,805,100	0	4,805,100	
685	19020989	Vũ Xuân Trường	K64KTXD	0	4,004,250	0	4,004,250	
686	19020990	Bùi Văn Trường	K64KTXD	0	4,538,150	0	4,538,150	
687	19020991	Nguyễn Thành Trưởng	K64KTXD	0	4,271,200	0	4,271,200	
688	19020994	Nguyễn Văn Tuyến	K64KTXD	0	4,538,150	0	4,538,150	
689	19020995	Nghiêm Xuân Việt	K64KTXD	0	4,004,250	0	4,004,250	
690	19020996	Đỗ Thành Vinh	K64KTXD	0	4,004,250	0	4,004,250	
691	19020997	Chu Nguyên Vũ	K64KTXD	0	4,538,150	0	4,538,150	
692	19020028	Dương Văn Minh	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
693	19020029	Nguyễn Đình Nhật Tân	K64MT-RB	2,248,000	4,805,100	0	7,053,100	Chưa đóng GDQP
694	19020088	Nguyễn Tiến Hùng	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
695	19020089	Nguyễn Minh Tiến	K64MT-RB	2,248,000	3,203,400	0	5,451,400	Chưa đóng GDQP
696	19020491	Nguyễn Hữu An	K64MT-RB	2,248,000	5,072,050	0	7,320,050	Chưa đóng GDQP
697	19020492	Lương Đức Anh	K64MT-RB	-2,000	5,072,050	0	5,070,050	Bù trừ do nộp thừa HP GDQP
698	19020493	Nguyễn Hoàng Anh	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
699	19020494	Trần Nam Anh	K64MT-RB	2,248,000	5,072,050	0	7,320,050	Chưa đóng GDQP
700	19020495	Nông Đức Việt Anh	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
701	19020496	Lưu Việt Anh	K64MT-RB	2,248,000	7,474,600	0	9,722,600	Chưa đóng GDQP
702	19020497	Nguyễn Tuấn Anh	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
703	19020498	Nguyễn Tuấn Anh	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
704	19020499	Phạm Hoàng Anh	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
705	19020500	Nguyễn Thị ánh	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
706	19020501	Nguyễn Đình Bách	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
707	19020502	Phạm Quốc Bảo	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
708	19020503	Lê Huy Bình	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
709	19020504	Vũ Minh Chiến	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
710	19020505	Nguyễn Đình Chiến	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
711	19020506	Trần Văn Chiến	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
712	19020507	Nguyễn Công chức	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
713	19020508	Dương Bình Cương	K64MT-RB	0	4,538,150	0	4,538,150	
714	19020509	Đỗ Nguyễn Cương	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
715	19020510	Chu Việt Cường	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
716	19020511	Nguyễn Mạnh Cường	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
717	19020512	Nguyễn Văn Cường	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
718	19020513	Nguyễn Văn Đại	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
719	19020514	Từ Minh Đăng	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
720	19020515	Trần Nhật Danh	K64MT-RB	0	5,605,950	0	5,605,950	
721	19020516	Nguyễn Hữu Đạt	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
722	19020517	Phạm Tuấn Đạt	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
723	19020518	Dương Công Đạt	K64MT-RB	0	5,605,950	0	5,605,950	
724	19020519	Hoàng Văn Đạt	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
725	19020520	Đỗ Hữu Đạt	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
726	19020521	Nguyễn Tiến Đạt	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
727	19020522	Phạm Ngọc Lam Điền	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
728	19020523	Phạm Đăng Du	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
729	19020524	Nguyễn Ngọc Du	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
730	19020525	Lê Hữu Đức	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
731	19020526	Trần huỳnh Đức	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
732	19020527	Phạm Anh Đức	K64MT-RB	2,248,000	5,072,050	0	7,320,050	Chưa đóng GDQP
733	19020528	Nguyễn Văn Đức	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
734	19020529	Nguyễn Ngọc Đức	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
735	19020530	Văn Quốc Dũng	K64MT-RB	0	5,605,950	0	5,605,950	
736	19020531	Nguyễn Tiến Dũng	K64MT-RB	0	4,538,150	0	4,538,150	
737	19020532	Phạm Tiến Dũng	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
738	19020533	Vũ Hoàng Dương	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
739	19020534	Nguyễn Văn Duy	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
740	19020535	Lê Thị Mỹ Duyên	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
741	19020536	Cà Văn Ghi	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
742	19020537	Nguyễn Hoàng Hải	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
743	19020538	Vũ Đức Hải	K64MT-RB	0	5,605,950	0	5,605,950	
744	19020539	Khuất Thị Thu Hằng	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
745	19020540	Trần Đức Hiến	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
746	19020541	Nguyễn Hoàng Hiệp	K64MT-RB	0	4,538,150	0	4,538,150	
747	19020542	Đoàn Văn Hiệp	K64MT-RB	0	4,538,150	0	4,538,150	
748	19020543	Tạ Đình Đức Hiếu	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
749	19020544	Nguyễn Hữu Hiếu	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
750	19020545	Lê Thanh Hiếu	K64MT-RB	0	4,538,150	0	4,538,150	
751	19020547	Nguyễn Văn Hiệu	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
752	19020548	Phan Văn Hinh	K64MT-RB	-2,000	5,872,900	0	5,870,900	Bù trừ do nộp thừa HP GDQP
753	19020549	Đinh Khắc Hoàn	K64MT-RB	2,248,000	4,805,100	0	7,053,100	Chưa đóng GDQP
754	19020550	Trần Huy Hoàng	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
755	19020551	Trương Huy Hoàng	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
756	19020553	Nguyễn Văn Hùng	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
757	19020554	Trịnh Xuân Hưng	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
758	19020555	Nguyễn Phú Hưởng	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
759	19020556	Nguyễn Văn Hưởng	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
760	19020557	Phạm Quang Huy	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
761	19020558	Bùi Ngọc Huy	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
762	19020559	Đặng Nguyễn Huy	K64MT-RB	0	5,872,900	0	5,872,900	
763	19020560	Đinh Thị Thanh Huyền	K64MT-RB	0	5,605,950	0	5,605,950	
764	19020561	Nguyễn Văn Khá	K64MT-RB	0	5,872,900	0	5,872,900	
765	19020563	Nguyễn Ngọc Khang	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
766	19020564	Trần Ngọc Kính	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
767	19020565	Phan Thế Lam	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
768	19020566	Trịnh Nguyên Lân	K64MT-RB	0	4,271,200	0	4,271,200	
769	19020567	Nguyễn Quang Linh	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
770	19020568	Khổng Quang Linh	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
771	19020569	Đỗ Văn Linh	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
772	19020570	Mai Thị Kim Loan	K64MT-RB	0	4,538,150	0	4,538,150	
773	19020571	Nguyễn Viết Long	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
774	19020572	Dương Đình Long	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
775	19020573	Bùi Văn Luân	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
776	19020574	Đỗ Ngọc Lương	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
777	19020575	Nguyễn Thị Lương	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
778	19020576	Nguyễn Thị Mai	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
779	19020577	Nguyễn Thị Ngọc Mai	K64MT-RB	0	5,872,900	0	5,872,900	
780	19020578	Nguyễn Tiến Mạnh	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
781	19020579	Nguyễn Quang Minh	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
782	19020580	Nguyễn Văn Nam	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
783	19020581	Cao Kỳ Nam	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
784	19020582	Hoàng Hải Nam	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
785	19020583	Nguyễn Thành Nam	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
786	19020584	Phạm Thanh Ngân	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
787	19020585	Đỗ Thanh nghị	K64MT-RB	0	5,605,950	0	5,605,950	
788	19020586	Nguyễn Tiến Nghĩa	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
789	19020587	Phạm Hoàng Nghĩa	K64MT-RB	0	6,673,750	0	6,673,750	
790	19020588	Trần Minh Ngọc	K64MT-RB	0	5,605,950	0	5,605,950	
791	19020589	Phạm Đăng Nguyên	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
792	19020590	Mai Hồng Nhật	K64MT-RB	2,248,000	4,805,100	0	7,053,100	Chưa đóng GDQP
793	19020591	Trần Hải Ninh	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
794	19020592	Hoàng Văn Phong	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
795	19020593	Đỗ Nam Phong	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
796	19020595	Đàm Ngọc Phương	K64MT-RB	0	5,605,950	0	5,605,950	
797	19020596	Nguyễn Việt Quân	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
798	19020597	Trần Hồng Quân	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
799	19020598	Bùi Minh Quân	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
800	19020599	Ngô Văn Quân	K64MT-RB	0	5,605,950	0	5,605,950	
801	19020600	Lầu Văn Quang	K64MT-RB	0	5,605,950	0	5,605,950	
802	19020601	Nghiêm Văn Quang	K64MT-RB	0	5,605,950	0	5,605,950	
803	19020602	Nguyễn Ngọc Quyết	K64MT-RB	0	6,139,850	0	6,139,850	
804	19020603	Nguyễn Văn Quyết	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
805	19020604	Nguyễn Thị Quỳnh	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
806	19020605	Nguyễn Tự Sang	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
807	19020606	Lê Tấn Sang	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
808	19020607	Đinh Ngọc Sơn	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
809	19020608	Nguyễn Ngọc Trường Sơn	K64MT-RB	0	5,605,950	0	5,605,950	
810	19020609	Nguyễn Trường Sơn	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
811	19020610	Nguyễn Ngọc Trường Sơn	K64MT-RB	0	5,605,950	0	5,605,950	
812	19020611	Nguyễn Hoài Sơn	K64MT-RB	0	6,940,700	0	6,940,700	
813	19020612	Nguyễn Ngọc Sơn	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
814	19020613	Nguyễn Thái Sơn	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
815	19020614	Nguyễn Hoài Sơn	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
816	19020615	Lê Sỹ Trường Sơn	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
817	19020616	Bùi Ngọc Tài	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
818	19020617	Nguyễn Minh Tân	K64MT-RB	2,248,000	4,538,150	0	6,786,150	Chưa đóng GDQP
819	19020618	Dương Văn Tân	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
820	19020619	Cao Đức Tân	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
821	19020620	Nguyễn Công Tân	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
822	19020621	Phùng Đức Thản	K64MT-RB	0	6,139,850	0	6,139,850	
823	19020622	Trần Quyết Thắng	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
824	19020623	Lưu Đức Thắng	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
825	19020624	Trần Ngọc Thắng	K64MT-RB	0	5,605,950	0	5,605,950	
826	19020626	Vũ Trọng Thanh	K64MT-RB	0	5,605,950	0	5,605,950	
827	19020627	Nguyễn Văn Thành	K64MT-RB	0	5,605,950	0	5,605,950	
828	19020628	Đinh Duy Thành	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
829	19020629	Nguyễn Sỹ Thành	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
830	19020630	Hoàng Văn Thành	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
831	19020631	Nguyễn Thị Phương Thảo	K64MT-RB	0	5,872,900	0	5,872,900	
832	19020632	Nguyễn Thiêm	K64MT-RB	2,248,000	4,538,150	0	6,786,150	Chưa đóng GDQP
833	19020633	Nguyễn Văn Thìn	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
834	19020634	Cấn Quang Thịnh	K64MT-RB	0	5,605,950	0	5,605,950	
835	19020635	Đào Duy Thuận	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
836	19020636	Luyện Huy Tín	K64MT-RB	0	5,605,950	0	5,605,950	
837	19020637	Trần Vũ Toàn	K64MT-RB	0	5,605,950	0	5,605,950	
838	19020638	Nguyễn Thị Thùy Trang	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
839	19020639	Trịnh Phan Mai Trang	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
840	19020640	Trần Minh Trí	K64MT-RB	0	5,605,950	0	5,605,950	
841	19020641	Bùi Văn Trình	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
842	19020643	Nguyễn Quốc Trung	K64MT-RB	0	4,538,150	0	4,538,150	
843	19020644	Ngô Sỹ Trung	K64MT-RB	0	5,072,050	0	5,072,050	
844	19020645	Nguyễn Hữu Trung	K64MT-RB	0	5,605,950	0	5,605,950	
845	19020646	Bạch Văn Trung	K64MT-RB	0	3,737,300	0	3,737,300	
846	19020647	Nguyễn Quang Trường	K64MT-RB	0	5,872,900	0	5,872,900	
847	19020648	Lý Minh Tú	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
848	19020649	Đoàn Minh Tuấn	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
849	19020650	Nguyễn Mạnh Tuấn	K64MT-RB	0	5,339,000	0	5,339,000	
850	19020651	Nguyễn Đình Tuấn	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
851	19020652	Nguyễn Phúc Tuệ	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
852	19020653	Triệu Thanh Tùng	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
853	19020654	Dương Quang Tùng	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
854	19020655	Vũ Minh Tuyến	K64MT-RB	0	5,605,950	0	5,605,950	
855	19020657	Phạm Đức Việt	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
856	19020658	Cấn Quốc Vinh	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
857	19020659	Trần Ngọc Vinh	K64MT-RB	0	4,805,100	0	4,805,100	
858	19020660	Nguyễn Phúc Vinh	K64MT-RB	0	5,872,900	0	5,872,900	
859	19020662	Tạ Thị Minh Anh	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
860	19020663	Nguyễn Đức Tuấn Anh	K64VLKT	0	3,737,300	0	3,737,300	
861	19020664	Phạm Đức Anh	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
862	19020665	Phạm Việt Anh	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
863	19020666	Phan Tuấn Anh	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
864	19020667	Lỗ Tuấn Anh	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
865	19020668	Mạc Tuấn Anh	K64VLKT	0	3,737,300	0	3,737,300	
866	19020669	Nguyễn Duy Anh	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
867	19020670	Nguyễn Đức Bằng	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
868	19020672	Vũ Thành Công	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
869	19020673	Vũ Thành Công	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
870	19020674	Lại Chí Công	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
871	19020675	Hoàng Việt Cường	K64VLKT	0	3,737,300	0	3,737,300	
872	19020676	Phạm Mạnh Cường	K64VLKT	0	3,737,300	0	3,737,300	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
873	19020677	Lê Đăng Cường	K64VLKT	0	3,737,300	0	3,737,300	
874	19020678	Lê Tất Đắc	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
875	19020679	Nguyễn Công doanh	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
876	19020680	Trần Đức Đông	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
877	19020681	Nguyễn Phan Đông	K64VLKT	0	3,737,300	0	3,737,300	
878	19020682	Phan Anh Đức	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
879	19020684	Lương Đình Dũng	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
880	19020686	Phạm Trường Giang	K64VLKT	0	4,805,100	0	4,805,100	
881	19020687	Tăng Thị Giang	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
882	19020688	Phạm Hoàng Hải	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
883	19020690	Tạ Trần Tuấn Hảo	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
884	19020691	Đỗ Thi Hiên	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
885	19020692	Phạm Thị Hiền	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
886	19020693	Nguyễn Duy Hiệp	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
887	19020694	Hồ Minh Hiếu	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
888	19020695	Đỗ Minh Hiếu	K64VLKT	0	3,737,300	0	3,737,300	
889	19020696	Nguyễn Văn Hiếu	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
890	19020697	Bùi Thọ Hiếu	K64VLKT	-2,000	4,004,250	0	4,002,250	Bù trừ do nộp thừa HP GDQP
891	19020698	Hoàng Thị Hoa	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
892	19020699	Trần Xuân Hoàng	K64VLKT	2,248,000	3,737,300	0	5,985,300	Chưa đóng GDQP
893	19020700	Vũ Huy Hoàng	K64VLKT	0	3,737,300	0	3,737,300	
894	19020701	Trương Tấn Hoàng	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
895	19020702	Phạm Hữu Hoàng	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
896	19020703	Trần Thị Hồng	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
897	19020704	Nguyễn Văn Hồng	K64VLKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
898	19020705	Lê Thị Huệ	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
899	19020706	Nguyễn Mạnh Hùng	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
900	19020707	Trần Duy Hưng	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
901	19020708	Vũ Công Hưng	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
902	19020709	Vũ Thế Huy	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
903	19020710	Nguyễn Vũ Huy	K64VLKT	2,248,000	3,737,300	0	5,985,300	Chưa đóng GDQP
904	19020711	Bùi Quốc Huy	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
905	19020712	Bùi Đức Huy	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
906	19020713	Trần Xuân Lâm	K64VLKT	0	3,737,300	0	3,737,300	
907	19020714	Hoàng Thế Lịch	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
908	19020715	Trương Đăng Vũ Linh	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
909	19020716	Nguyễn Văn Linh	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
910	19020717	Nguyễn Xuân Lộc	K64VLKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
911	19020718	Đỗ Tiến Lợi	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
912	19020719	Trần Văn Long	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
913	19020720	Lê Văn Long	K64VLKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
914	19020721	Nguyễn Thế Thành Luân	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
915	19020722	Dương Đình Mạnh	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
916	19020723	Lê Đức Minh	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
917	19020724	Đỗ Minh	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
918	19020725	Nguyễn Ngọc Minh	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
919	19020726	Vương Đình Minh	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
920	19020727	Nguyễn Văn Minh	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
921	19020728	Phạm Văn Minh	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
922	19020729	Bùi Văn Mười	K64VLKT	2,248,000	4,004,250	0	6,252,250	Chưa đóng GDQP
923	19020730	Kim Thị Huệ Mỹ	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
924	19020731	Vũ Văn Nam	K64VLKT	0	3,737,300	0	3,737,300	
925	19020732	Nguyễn Văn Nam	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
926	19020733	Nguyễn Thị Nga	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
927	19020734	Vũ Thị Thúy Nga	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
928	19020735	Phạm Trung Nghĩa	K64VLKT	0	3,737,300	0	3,737,300	
929	19020736	Phan Đình Nghĩa	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
930	19020737	Hoàng Như Ngọc	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
931	19020739	Phạm Phú Nhuận	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
932	19020740	Vũ Văn Núi	K64VLKT	0	3,737,300	0	3,737,300	
933	19020741	Đại Hùng Phi	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
934	19020742	Phạm Hồng Phúc	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
935	19020743	Nguyễn Tài Phúc	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
936	19020744	Nguyễn Hồng Phúc	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
937	19020745	Trần Anh Phương	K64VLKT	0	1,121,190	0	1,121,190	
938	19020746	Đoàn Văn Quân	K64VLKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
939	19020747	Bùi Trọng Sang	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
940	19020748	Phạm Xuân Sơn	K64VLKT	0	4,805,100	0	4,805,100	
941	19020750	Nguyễn Duy Sơn	K64VLKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
942	19020751	Đỗ Vinh Tân	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
943	19020752	Nguyễn Đức Tân	K64VLKT	-2,000	3,737,300	0	3,735,300	Bù trừ do nộp thừa HP GDQP
944	19020753	Nguyễn Ngọc Tân	K64VLKT	0	3,203,400	0	3,203,400	
945	19020754	Phạm Minh Tân	K64VLKT	0	2,936,450	0	2,936,450	
946	19020755	Trần Đình Tân	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
947	19020756	Nguyễn Tiến Nhật Tân	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
948	19020758	Đinh Việt Thắng	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
949	19020759	Lê Nguyên Thành	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
950	19020760	Ngô Văn Thành	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
951	19020761	Phan Nguyễn Thành	K64VLKT	0	2,936,450	0	2,936,450	
952	19020762	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
953	19020763	Nguyễn Thị Phương Thảo	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
954	19020764	Phạm Ngọc Thiện	K64VLKT	0	3,737,300	0	3,737,300	
955	19020765	Cao Xuân Thình	K64VLKT	0	3,737,300	0	3,737,300	
956	19020766	Nguyễn Thị Thơm	K64VLKT	0	5,072,050	0	5,072,050	
957	19020767	Bùi Thị Thu Thủy	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
958	19020768	Vũ Bá Thụy	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
959	19020769	Hà Nam Tiến	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
960	19020770	Ngô Thượng Tiến	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
961	19020771	Nguyễn Kiều Trang	K64VLKT	0	4,271,200	0	4,271,200	
962	19020772	Dương Thị Huyền Trang	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
963	19020773	Vương Thị Thùy Trang	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
964	19020774	Ngô Thị Quỳnh Trang	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
965	19020775	Phạm Minh Trí	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
966	19020776	Phan Huy Trình	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
967	19020777	Mai Đình Trung	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
968	19020778	Nguyễn Văn Trung	K64VLKT	0	3,737,300	0	3,737,300	
969	19020779	Trần Quang Trường	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
970	19020780	Hoàng Huy Tuấn	K64VLKT	0	4,805,100	0	4,805,100	
971	19020781	Nguyễn Minh Tuấn	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
972	19020782	Đỗ Trọng Tuấn	K64VLKT	0	4,538,150	0	4,538,150	
973	19020783	Nguyễn Anh Tuấn	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
974	19020784	Trần Anh Tuấn	K64VLKT	0	4,004,250	0	4,004,250	
975	19020785	Nguyễn Chí Tùng	K64VLKT	0	2,002,125	0	2,002,125	
976	19020786	Nguyễn Viết Tùng	K64VLKT	-2,000	4,004,250	0	4,002,250	Bù trừ do nộp thừa HP GDQP
977	19020788	Lê Trường Xuân	K64VLKT	0	3,737,300	0	3,737,300	
978	19020789	Nguyễn Duy Xuân	K64VLKT	0	3,737,300	0	3,737,300	
979	19021638	Phạm Hoàng Quân	K64VLKT	2,248,000	3,737,300	0	5,985,300	Chưa đóng GDQP
		TỔNG K64		**150,702,900**	**4,556,169,125**	**0**	**4,706,872,025**	
		TỔNG CỘNG		**589,537,205**	**18,140,747,420**	**0**	**18,730,284,625**	